

I ĐH TDM

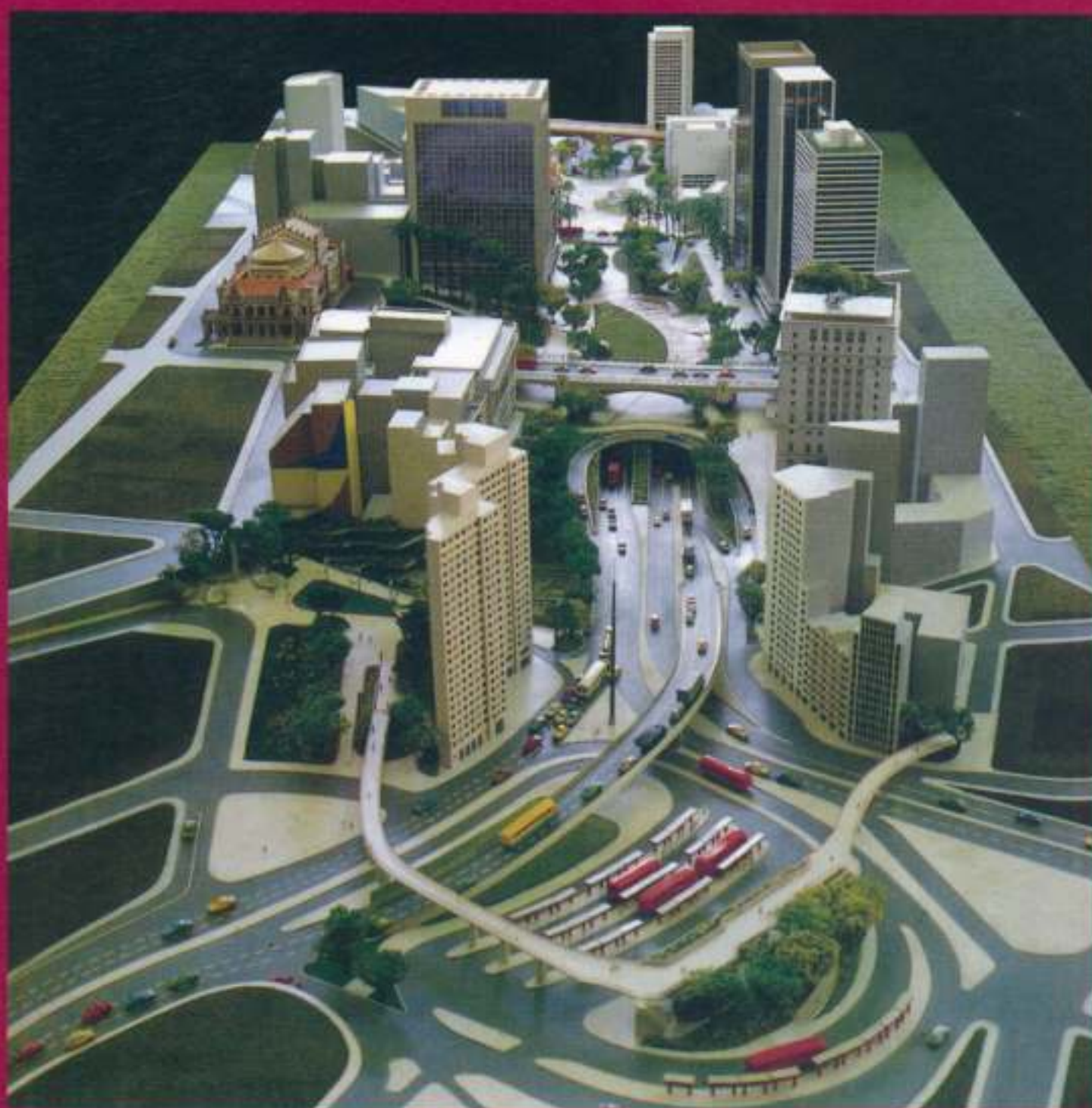
.074

04

002065

ĐẶNG THÁI HOÀNG
(chủ biên)

HỢP TUYỂN THIẾT KẾ ĐÔ THỊ



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

ĐẶNG THÁI HOÀNG
(chủ biên)

HỢP TUYỂN THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2004

LỜI NÓI ĐẦU

Khái niệm thiết kế đô thị tuy từ xưa đã có, nhưng tổng kết thành lý luận và bắt đầu ra hoa kết trái trong thực tiễn thì mới bắt đầu từ thập niên 1960 của thế kỷ XX, những năm 1980 những thành tựu mới về Thiết kế đô thị đạt nhiều kết quả ở Mỹ, làm thay đổi cả hệ thống lý luận kiến trúc.

Có thể chúng ta từng soi bóng thấy trong một số bản đồ án quy hoạch hay kiến trúc của mình có một số ý niệm về thiết kế đô thị, nhưng cũng nên nhìn nhận rằng quá trình du nhập chính thức của khái niệm thiết kế đô thị vào Việt Nam chỉ mới có từ 4 đến 5 năm trở lại đây.

Quá trình du nhập những khái niệm thiết kế đô thị vào Việt Nam tuy có thời gian ngắn, nhưng có nhiều dấu hiệu đáng mừng. Đó là giới kiến trúc, quy hoạch và xã hội ta đã đón mừng nó một cách hồ hởi.

Không những các nhà quy hoạch, các nhà kiến trúc, mà nhà nước ta và các nhà quản lý cũng quan tâm đến Thiết kế đô thị.

Thực tế đất nước ta trong giai đoạn hiện nay đang đòi hỏi nhiều kiến thức về Thiết kế đô thị hơn nữa. Một số trong chúng ta đang không hài lòng với những gì chúng ta đang có. Tuy vậy, chúng ta đã có những cố gắng ban đầu, lý luận và thực tiễn thiết kế đô thị thế giới đầu sao thì cũng đã được giới thiệu dưới một số góc độ và một số khía cạnh ở Việt Nam.

Từ một số quan niệm, một số bài học trên thế giới và sự chuyển hoá của thực tế thế giới có thể sử dụng cho Việt Nam trong một số các bài viết của các tác giả Trần Lan Anh, Nguyễn Trúc Anh, Đỗ Đức Viêm, Trương Văn Quảng, Trương Trung Kiên, Hồ Viết Vinh, Đặng Thái Hoàng, Phạm Thúy Loan, Huỳnh Đăng Hy... Có những quan điểm tương đồng, có những cách nhìn từ những góc độ khác nhau, nhưng chúng tôi tin rằng chúng đều bổ ích. Có thể sắp tới, hệ thống lý luận và thực tiễn Thiết kế đô thị ở ta sẽ phong phú hơn, nhưng trước mắt, chúng ta nên bằng lòng với những gì chúng ta có.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách này với các bạn.

PGS. KTS. Đặng Thái Hoàng

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu

1. **Nguyễn Quốc Thông - Dương Quang Minh**
VỀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ. 7
2. **Hồ Viết Vinh - Nguyễn Quốc Thông**
VỀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ. 12
3. **Trần Thị Lan Anh**
"URBAN DESIGN" PHẢI CHĂNG LÀ KHUYNH HƯỚNG MỚI. 19
4. **Nguyễn Trúc Anh**
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ Ở MỘT VÀI QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI
VÀ ÁP DỤNG Ở HỆ THỐNG QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VIỆT NAM. 26
5. **Ngô Trung Hải**
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - NHỮNG SUY NGHĨ BAN ĐẦU. 33
6. **Ngô Trung Hải**
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - HƯỚNG TỚI MỘT SỰ HOÀN MỸ
TRONG ĐÔ THỊ. 41
7. **Ngô Trung Hải**
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ VÀ GIÁO SƯ JON LANG. 45
8. **Đỗ Đức Viêm**
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - VẤN ĐỀ KHÔNG MỚI NHƯNG... 47
9. **Trương Văn Quảng**
ĐỂ CÓ MỘT THIẾT KẾ ĐÔ THỊ MANG THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM. 54
10. **Đặng Thái Hoàng**
URBAN DESIGN - LĨNH VỰC MÀ GIỚI KIẾN TRÚC VÀ CÁC NHÀ
QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VIỆT NAM ĐANG QUAN TÂM. 58
11. **Trương Văn Quảng**
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TRAO ĐỔI. 64
12. **Trương Trung Kiên**
THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TRONG QUÁ TRÌNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG
TẠI MỸ. 67

13. Đỗ Đức Viêm

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN Ở NƯỚC TA TRONG
GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.

71

14. Đặng Thái Hoàng

ĐƯA THIẾT KẾ ĐÔ THỊ VÀO QUY ĐỊNH XÂY DỰNG
CÁC KHU ĐÔ THỊ MỚI Ở HÀ NỘI VÀ VIỆT NAM.

75

15. Huỳnh Đăng Hy

HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ
VÀ PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ.

80

16. Trương Văn Quảng

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TRONG CÁC
KHU ĐÔ THỊ MỚI Ở VIỆT NAM.

94

17. Phạm Thúy Loan

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ VÀ VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO THIẾT KẾ ĐÔ THỊ.

100

VỀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

Nguyễn Quốc Thông

Dương Quang Minh

Phát biểu tại Hội nghị Quản lý kiến trúc, quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đặc biệt nhấn mạnh vấn đề đẩy mạnh công tác Thiết kế đô thị trong quá trình lập quy hoạch và triển khai xây dựng nhằm tạo dựng môi trường sống, không gian đô thị hiện đại, giàu tính thẩm mỹ với bản sắc riêng. Đây thực sự là một công việc quan trọng, có tác động trực tiếp đến nhận thức của xã hội về công tác quy hoạch và xây dựng phát triển đô thị, đồng thời góp phần hoàn thiện quy trình nghiên cứu, thiết kế và tổ chức quản lý thực hiện quy hoạch một cách hiệu quả nhất.

Thời gian qua, đô thị ở nước ta phát triển nhanh, nhưng quả thật chất lượng của không gian đô thị cả về phương diện thẩm mỹ lẫn sử dụng còn nhiều vấn đề cần được giải quyết. Nguyên nhân thì nhiều, trong đó không ít ý kiến cho rằng do lâu nay chúng ta chưa thực hiện công tác Thiết kế đô thị. Vấn đề quan trọng là cần nhận thức đầy đủ về thiết kế đô thị. Trên thực tế, quy hoạch chi tiết chính là một hình thái của Thiết kế đô thị. Song Thiết kế đô thị hiểu theo nghĩa hiện đại có nội hàm rộng hơn quy hoạch chi tiết, với tư cách là một khoa học ứng dụng có nhiệm vụ hiện thực hóa ý tưởng tạo hình không gian đô thị ở nhiều cấp độ khác nhau.

Đô thị luôn vận động, chuyển hóa. Như vậy, Thiết kế đô thị được hiểu như một quá trình kiến tạo không gian đô thị có sự tham gia trực tiếp của nhiều tác nhân phù hợp với quy luật vận động, chuyển hóa của xã hội đô thị. Để làm được điều đó, vai trò của các nhà thiết kế không chỉ là tạo ra những ý tưởng không gian, mà quan trọng hơn là đề xuất những giải pháp linh hoạt nhằm khai thác những tiềm năng về mọi mặt của đô thị để không ngừng hoàn thiện chất lượng không gian môi trường cư trú. Do đó, sự hợp tác giữa Kiến trúc sư với nhà quản lý, các tác nhân kinh tế và cộng đồng dân cư trở thành nguyên tắc triển khai của Thiết kế đô thị. Bởi suy cho cùng, đô thị là hiện thân, là biểu tượng của xã hội.

Như vậy, trên thực tế, đối với những nhà chuyên môn, Thiết kế đô thị không phải là một vấn đề hoàn toàn mới mẻ. Tuy nhiên, để có thể hiểu rõ

hơn về công tác thiết kế đô thị, chúng tôi xin giới thiệu một số ý kiến của các nhà khoa học, nhà quản lý và doanh nghiệp xung quanh vấn đề này.

Ông Nguyễn Thế Bá, Chủ tịch Hội QHPTĐT Việt Nam:

Nhiều ý kiến cho rằng ta đã bỏ quên không nghiên cứu thiết kế đô thị nên dẫn đến tình trạng bộ mặt kiến trúc đô thị lộn xộn, chấp vá. Đó là do cách đặt vấn đề và nội dung cũng như chu trình thiết kế quy hoạch xây dựng chưa làm đúng và làm rõ mục tiêu nhiệm vụ của từng loại đồ án nên có sự chồng chéo và không kế thừa lẫn nhau.

Nhiều quy định hiện nay của Nhà nước và các bộ, ngành chưa chuẩn xác và thiếu sự hướng dẫn thực hiện cụ thể đã ảnh hưởng không ít đến quá trình nghiên cứu thiết kế. Thiết kế đô thị là một nhiệm vụ, một công đoạn trong quy hoạch xây dựng cần được xác định rõ hơn. Thực chất đây là những đồ án quy hoạch chi tiết được nghiên cứu cụ thể về mặt tổ chức không gian kiến trúc đô thị để giao cho các dự án triển khai. Nhưng công đoạn này chưa được coi trọng, nên việc chuyển giao công nghệ thực hiện không mấy hiệu quả. Hầu hết quy hoạch tổ chức không gian trong các đồ án thiết kế quy hoạch chi tiết chỉ mang tính tổng quan định hướng. Do đó quy hoạch không chỉ đạo được việc thực thi dự án.

Đây chính là thiếu hụt lớn trong thiết kế và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị ở nước ta. Các kiến trúc sư khi thiết kế công trình ít quan tâm đến quy hoạch tổng thể không gian kiến trúc đô thị, kể cả màu sắc công trình. Tình trạng kiến trúc đô thị chấp vá, lộn xộn chính là do những quy ước thiếu chặt chẽ trong quản lý và chu trình thiết kế chưa hòa nhập với nhau.

Quy hoạch xây dựng đô thị có thể coi là một công đoạn trước khi nghiên cứu chi tiết thiết kế đô thị. Nội dung nghiên cứu phục vụ cho nhiều giai đoạn phát triển đô thị, có dự báo tương lai và xây dựng trước mắt. Do vậy, cần có sự tham gia của nhiều lĩnh vực chuyên môn: địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, hạ tầng cơ sở xã hội và kỹ thuật, xây dựng kiến trúc....

Nội dung chủ yếu là các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch vùng và quy hoạch lãnh thổ được nghiên cứu toàn diện trong cả 3 phạm trù đô thị học lý thuyết, đô thị học thực hành và đô thị học quy chế. Chính do thiếu hiểu biết về nội dung, ranh giới, nhiệm vụ của từng loại hình quy hoạch cũng như đồ án thiết kế quy hoạch nên nhiều người vội vã kết luận là vì thiếu thiết kế đô thị nên đô thị Việt Nam phát triển luộm thuộm, kiến trúc chấp vá.

Ở nhà trường, các sinh viên kiến trúc học nhiều về thiết kế đô thị (tuy còn sơ lược) nhưng lại học quá ít về thiết kế quy hoạch đô thị và đô thị học. Khi ra trường, nếu không lăn lộn trong thực tế, không được học tập bổ sung thêm về kiến thức và phương pháp luận thiết kế quy hoạch mới thông qua đào tạo sau đại học, thì không có gì ngạc nhiên khi các đồ án quy hoạch xây dựng ở nước ta thiếu đi nhiều vấn đề cơ bản, không được nghiên cứu cẩn thận trong chu trình của quy hoạch đô thị.

Ông Trần Ngọc Chính, Viện trưởng Viện Quy hoạch:

Thực ra lâu nay, thiết kế đô thị đã được triển khai trong các quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết. Khi làm quy hoạch xây dựng, người ta đã xem xét đến yếu tố tổ chức không gian đô thị, nhưng nó vẫn ở mức khái quát. Tuy nhiên cần khẳng định, không gian đô thị của chúng ta hiện nay vẫn còn nhiều vấn đề bất cập. Muốn có thành phố đẹp, phải có sự sắp xếp hợp lý từ hệ thống cây xanh, đường phố, đèn chiếu sáng, màu sắc ánh sáng của từng ngôi nhà, từng đường phố. Đó là nghệ thuật sắp xếp không gian. Từ trước đến nay, chúng ta làm quy hoạch chia lô hay quy hoạch tỷ lệ 1/500, và bên cạnh đó là thiết kế của từng công trình. Đó cũng là một phần của thiết kế đô thị. Nhưng việc tổ chức các tổ hợp về không gian đô thị, không gian đường phố thì chúng ta chưa thực hiện được.

Trong giai đoạn hiện nay, lực lượng kiến trúc sư có thể làm tốt công tác thiết kế đô thị rất đáng lo ngại. Là một viện quốc gia đầu ngành về quy hoạch đô thị - nông thôn, nhưng chúng tôi cũng chỉ có khoảng vài ba chục người có thể sẵn sàng đảm đương công việc này. Như vậy ở các viện địa phương còn thiếu hụt nghiêm trọng hơn. Người làm thiết kế đô thị đòi hỏi phải có tầm nhìn rộng, có đầu óc sáng tạo và tổng hợp; khả năng định hướng tốt. Đặc biệt có ý thức trong sáng tạo không gian, kiến trúc. Và như vậy cũng có nghĩa đội ngũ thực hiện thiết kế đô thị chủ yếu là những người lâu năm trong nghề, có kinh nghiệm. Trước mắt họ sẽ làm và chỉ đạo công tác này song song với việc đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ cho đội ngũ kiến trúc sư trong đơn vị. Trước mắt Bộ sẽ thí nghiệm thiết kế đô thị tại một vài đô thị như Hải Phòng, Đà Lạt. Qua đó, chúng ta sẽ rút kinh nghiệm, tìm ra một hướng đi đúng.

Ông Phạm Sỹ Liêm, Phó Chủ tịch Hội xây dựng Việt Nam:

Một trong những mục tiêu quan trọng trong thiết kế đô thị là gắn kiến trúc của từng công trình với không gian đô thị. Tuy nhiên, trong quá trình

phát triển của đô thị hiện đại, việc thu hút đầu tư là vấn đề phải đặt lên hàng đầu. Thiết kế quy hoạch xong mà lại đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước thì chúng ta lại quay về thời kỳ quá khứ. Kiến trúc của từng ngôi nhà, từng công trình phụ thuộc rất nhiều vào các nhà đầu tư. Do đó thiết kế đô thị phải triển khai theo hướng mở, tạo ra nhiều cơ hội để thu hút các nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, để thiết kế đô thị thực sự đi vào cuộc sống, cần phải có thị trường bất động sản tương đối hùng mạnh. Đây là cơ sở để hạn chế sự manh mún, chấp vá trong đầu tư phát triển đô thị. Và quan trọng hơn, với sự tham gia của một tập đoàn phát triển bất động sản mạnh thì ý tưởng của cấp quản lý, của nhà thiết kế mới được thể hiện phù hợp với quy mô và mục tiêu đặt ra.

Ông Nguyễn Việt Châu, Viện trưởng Viện nghiên cứu kiến trúc:

Thiết kế đô thị đã có từ lâu, nhưng mới ở mức độ gợi mở, mang tính định hướng. Thiết kế quy hoạch xây dựng chủ yếu nặng về phân lô, phân khu chức năng, còn hình hài, phong cách kiến trúc thì không được thể hiện. Do không định hình được vóc dáng, không gian kiến trúc các công trình nên đồ án quy hoạch còn thiếu tính khả thi. Ngược lại, những người triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thì thiếu tầm nhìn khái quát, tổng thể về quy hoạch dẫn đến việc thực hiện không tuân theo ý tưởng của đồ án. Chính từ mối quan hệ lỏng lẻo đó đã gây ra sự lộn xộn, chấp vá trong quá trình phát triển đô thị. Do vậy việc đẩy mạnh công tác thiết kế đô thị là điều hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Nhiều người cho rằng thiết kế đô thị là một công đoạn độc lập được thực hiện sau khi quy hoạch đã được duyệt. Đó là một cách hiểu chưa đúng. Thiết kế đô thị phải là một bộ phận của quy hoạch, bởi trong quá trình thiết kế quy hoạch, người ta vẫn có thể điều chỉnh về chiều cao, mật độ xây dựng, kiểu dáng kiến trúc, màu sắc... để đạt giá trị cao hơn về thẩm mỹ, chức năng sử dụng...

Hiện nay, những người làm quy hoạch có kiến thức tổng hợp về công trình còn rất thiếu. Để làm tốt công tác thiết kế đô thị, bên cạnh đội ngũ kiến trúc sư quy hoạch cần có sự tham gia của kiến trúc sư công trình, làm sao để thiết kế đô thị trở thành chiếc cầu nối giữa quy hoạch và thực tế.

Bà Phan Mỹ Linh, Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng CDC:

Do chức năng, nhiệm vụ cũng như tính chất công việc khác nhau nên lâu nay mối quan hệ giữa những người làm tư vấn thiết kế công trình và đội ngũ

thiết kế quy hoạch vẫn chưa có sự gắn bó mật thiết. Do vậy khi Chính phủ và Bộ Xây dựng có chủ trương đưa công tác thiết kế đô thị vào quá trình lập quy hoạch đã mở ra nhiều cơ hội cho những người làm tư vấn chúng tôi. Việc đưa ý tưởng thiết kế công trình vào quá trình lập quy hoạch là điều cần thiết để tạo nên hình hài, vóc dáng tương đối cụ thể cho các đô thị. Để làm được điều đó, nên có sự phối hợp, phân công trách nhiệm, công việc một cách cụ thể giữa những người lập quy hoạch và người tư vấn thiết kế. Vấn đề là cần có cơ chế, chính sách phù hợp để sự phối hợp đó đạt hiệu quả cao nhất.

Ông Lê Thế Thiệp, Phó giám đốc Sở Xây dựng Thanh Hóa:

Hiện nay, giữa thiết kế đô thị và các quy định trong Quyết định 322 của Bộ có nhiều điểm trùng lặp, mâu thuẫn. Theo tôi, đối với khu vực đã làm quy hoạch chi tiết 1/2000 thì sau đó chỉ thiết kế tổng mặt bằng cho các dự án đầu tư. Và đó chính là một hình thái cơ bản của thiết kế đô thị bởi nó gắn với dự án đầu tư. Nhưng đối với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, với yêu cầu thiết kế chi tiết, cụ thể hơn sẽ rất bất lợi bởi sau khi có các dự án đầu tư, việc điều chỉnh, sửa chữa sẽ gây ra sự lãng phí cả về công sức, tài chính không đáng có.

Viện Quy hoạch Thanh Hóa là một trong những viện thiết kế quy hoạch xây dựng mạnh so với nhiều địa phương, nhưng sự thiếu hụt về lực lượng cũng là vấn đề khá nhức nhối. Trong giai đoạn hiện nay và sắp tới, để đẩy mạnh công tác quy hoạch, thiết kế đô thị, công tác củng cố lực lượng phải là nhiệm vụ mang tính chiến lược. Đối với những đồ án quy mô lớn thì các Viện ở Trung ương triển khai là hợp lý bởi họ có cái nhìn tổng thể hơn. Các dự án ở địa phương, thực hiện bằng nguồn vốn của địa phương thì phải do lực lượng thiết kế địa phương đảm nhận. Có phân cấp như vậy mới rút ngắn được thời gian thiết kế, phê duyệt cũng như thuận lợi trong quá trình điều chỉnh sau này.

Tuy với những góc nhìn khác nhau, cách đánh giá khác nhau nhưng một điểm thống nhất giữa các ý kiến chính là tầm quan trọng và sự cần thiết của công tác thiết kế đô thị trong giai đoạn hiện nay. Điều quan trọng trước mắt là Nhà nước và các bộ, ngành liên quan phải nghiên cứu để xây dựng những cơ chế chính sách phù hợp; hình thành một định hướng, một quy trình thống nhất trong thiết kế đô thị nói riêng và thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị nói chung.

Nguồn: Tạp chí Xây dựng số 5/2003.

VỀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

ThS. KTS. Hồ Viết Vinh

PGS. TS. Nguyễn Quốc Thông

Thiết kế đô thị (Urban Design) là một thuật ngữ vẫn còn được hiểu khác nhau tùy cách nhìn nhận nhưng xuất hiện thường xuyên trong các tài liệu giảng dạy và thực hành nghề nghiệp. Thiết kế đô thị nói chung được xác định như một hoạt động có tính đa ngành tạo nên cấu trúc và quản lý môi trường không gian đô thị. Theo Ali Madanipour, bằng sự kết hợp giữa yếu tố kỹ thuật, xã hội và khả năng biểu đạt, các nhà thiết kế đô thị kết hợp giữa hình ảnh và hành động giao tiếp trong tất cả các cấp độ không gian đô thị [1]. Trong khi đó, Donald Watson lại cho rằng bản chất của thiết kế đô thị liên quan đến những cảm nhận nghệ thuật xây dựng cụ thể phục vụ cuộc sống không chỉ của cộng đồng mà còn của cả hệ thống sinh học tồn tại trong môi trường không gian [2]. Urban Design Group cho rằng thiết kế đô thị là một quá trình có sự tham gia của nhiều ngành liên quan nhằm định hình cấu trúc hình thể không gian phù hợp với đời sống của người dân đô thị và là nghệ thuật tạo nên đặc trưng của địa điểm hay nơi chốn. Thiết kế đô thị bao gồm: thiết kế các công trình, các nhóm công trình, không gian và cảnh quan hình thành cơ cấu tổ chức tạo thuận lợi cho sự phát triển [3]. Theo Gaston Bardet trong tác phẩm L'Urbanisme (Quy hoạch đô thị) xác định khoa học thiết kế đô thị được thừa nhận vào năm 1910 từ nghệ thuật tổ chức không gian đô thị (Aménagement de l'espace) thỏa mãn đồng thời các yêu cầu về giao thông, vệ sinh và tiện nghi, xã hội, kinh tế, mỹ thuật, trí thức và tinh thần [4]. Kim Quảng Quân lại cho rằng thiết kế đô thị là một lĩnh vực nghiên cứu của nhiều bộ môn, bao hàm một phạm vi rất rộng và đang ở giai đoạn phát triển, do vậy việc đề ra một định nghĩa về thiết kế đô thị là quá sớm [5]. Nhận thức chưa nhất quán về thiết kế đô thị diễn ra tương tự ở Việt Nam trong thời gian gần đây. Vì vậy, điều quan trọng trong lúc này là đi sâu phân tích khía cạnh chủ yếu của thiết kế đô thị: đó là *nghệ thuật tạo không gian bằng sự gắn kết giữa hình thể đô thị và sinh hoạt cộng đồng dân cư trong môi trường không gian*. Thuật ngữ "không gian" trong thiết kế đô thị không phải là không gian cá nhân mà chính là không gian xã hội (hay còn gọi là

không gian cộng đồng), không phải là không gian vùng hay không gian kiến trúc đơn lẻ mà chính là không gian công cộng đô thị, không phải là không gian hình thể vật chất đơn thuần mà chính là không gian có cảm xúc.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC TIÊU CỦA KHOA HỌC THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

Bảng 1

Chuyên gia	Sản phẩm	Khách hàng	Khu vực nghiên cứu	Lĩnh vực khoa học
Đô thị gia	Phân tích bối cảnh và định hướng phát triển không gian	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến quyền lợi của mọi nhóm xã hội. - Không gian xác định chương trình hành động cụ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quốc gia - Vùng lãnh thổ - Đô thị 	Quy hoạch đô thị và vùng
Nhà thiết kế đô thị			<ul style="list-style-type: none"> - Thành phố - Cộng đồng dân cư - Láng giềng - Khu trung tâm 	Thiết kế đô thị
Kiến trúc sư	Thiết kế công trình	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng cụ thể - Xác định chương trình hành động 	<ul style="list-style-type: none"> - Phức hợp công trình - Công trình - Nhà ở - Nội thất 	Kiến trúc

(Nguồn: Sitthiporn Piromruen: *Planning Education for Creating better Thai Cities in 21st century*, Bài viết tham gia Hội nghị APSA lần thứ 7 tổ chức tại Hà Nội vào ngày 12-14/09/2003, tr.9).

Đối tượng nghiên cứu của thiết kế đô thị tương tự như thiết kế kiến trúc hay quy hoạch đô thị là không gian đô thị, nhưng sự khác nhau thể hiện ở quy mô và cách xử lý không gian. Nếu kiến trúc sư quan tâm nhiều đến sự hình thành cấu trúc của một công trình độc lập hay một tổng thể các công trình trong một giới hạn không gian xác định và các nhà quy hoạch chú trọng đến định hướng phát triển không gian đô thị trên một lãnh thổ rộng lớn với nhiều mối tương tác phức tạp, thì các nhà thiết kế đô thị tập trung vào thiết lập các không gian công cộng, xác định ranh giới giữa sự riêng tư và

cộng đồng, cụ thể hóa những thành phần cấu trúc chức năng đô thị thành những không gian vật thể và hoạt động, mang cảm xúc con người thổi vào cấu trúc hình thể hình học được tạo thành từ vật liệu xây dựng. Sự khác biệt này cho phép chúng ta xác định các đối tượng cụ thể của thiết kế đô thị bao gồm: quảng trường, đường phố, vườn, công viên, không gian mở, các tác phẩm nghệ thuật công cộng, không gian khu dân cư, không gian thương mại, đầu mối giao thông công cộng. Bảng 1 chỉ rõ vị trí của thiết kế đô thị với các khoa học khác trong lĩnh vực đô thị [6].

Như vậy, rõ ràng thiết kế đô thị là khoảng trống giữa quy hoạch đô thị và thiết kế kiến trúc. Trong khi mục tiêu của quy hoạch đô thị nhằm định hướng phát triển không gian đô thị và mục tiêu của thiết kế kiến trúc tập trung vào xử lý không gian bên trong và bên ngoài của công trình thì mục tiêu của thiết kế đô thị lại là xây dựng môi trường hình thể không gian 3 chiều có chất lượng tốt phục vụ cho hoạt động của người dân đô thị. Chính có ranh giới mềm giữa 3 lĩnh vực chuyên môn mà các đô thị hay các kiến trúc sư đều muốn can thiệp. Các nhà quy hoạch cho rằng thiết kế đô thị chính là tổ chức không gian (một bước trong quy hoạch đô thị), các nhà kiến trúc sư lại xem thiết kế đô thị là thiết kế cảnh quan thành phố (townscape) được tạo thành từ bố cục các công trình kiến trúc kết hợp với không gian giao thông. Tuy nhiên trên thực tế có thể nhận thấy: Theo Eleanor Smith Morris, các nhà quy hoạch (town planner) quan tâm đến sử dụng đất với tư cách là nguồn lực. Những lô đất được phân chia không chú trọng đến những đặc tính ba chiều của không gian hay hình dáng công trình được xây dựng trên khu đất ấy. Các kiến trúc sư cố gắng tạo nên sự liên hệ không gian giữa công trình với môi trường xung quanh, nhưng họ không có phạm sự giải quyết những vấn đề xảy ra bên ngoài ranh giới công trình thiết kế, vì vậy mà hình ảnh của thành phố không được cải thiện đáng kể. Các nhà thiết kế đô thị cuối cùng sẽ giúp kết nối 2 cách tiếp cận trên bằng cách tạo nên những hướng dẫn thiết kế cho các công trình thông qua những chỉ dẫn của các nhà quy hoạch thành phố, các nhà thiết kế đô thị tạo nên những không gian 3 chiều diễn đạt những vấn đề tổ chức của cấu trúc không gian thành phố, và tạo nên sự liên hệ giữa công trình đơn lẻ với cấu trúc không gian thành phố [7]. Chính vì thế mà đối tượng của thiết kế đô thị chính là những vấn đề thuộc về khu vực không gian công cộng, tác động đến quyền lợi và trách nhiệm của cộng đồng và góp phần xây dựng môi trường hoạt động đô thị sống động và giàu bản sắc.

Do vậy, mục tiêu của khoa học thiết kế đô thị tập trung giải quyết những vấn đề sau:

1. Tạo lập những đặc trưng của vị trí/địa điểm/nơi chốn.
2. Thiết kế không gian 3 chiều cho cư dân đô thị làm việc, sống, nghỉ ngơi, và tạo điều kiện tốt cho việc quản lý và phát triển.
3. Thiết kế không gian hình thể của khu vực công cộng đô thị.
4. Đáp ứng những nhu cầu sử dụng và các hoạt động đa dạng khác nhau trong những dạng không gian tương ứng.
5. Tạo nên môi trường bền vững và thiết lập không gian thân thiện với con người.
6. Tạo nên sự gắn kết giữa kiến trúc, quy hoạch thành phố, quy hoạch giao thông, môi trường và khai thác tiềm năng phát triển với vấn đề thiết kế đô thị.
7. Nâng cao quá trình hợp tác nhằm đem lại quyền lợi cho cá nhân và cộng đồng hướng tới chất lượng môi trường sống tốt nhất.
8. Cung cấp nền tảng cho sự phát triển, tạo nên tầm nhìn cho cộng đồng đô thị.
9. Phối hợp chuyên gia đa ngành kiến trúc sư, nhà quy hoạch, nhà đầu tư phát triển, nhà nghiên cứu, kiến trúc sư cảnh quan, kỹ sư xây dựng công trình và đô thị, các nhà chức trách địa phương, nhà hoạt động xã hội, cộng đồng, nhà chính trị, cùng quan tâm xây dựng môi trường sống chất lượng tốt nhất.

Bảng 2

Kiểu thiết kế đô thị	Lĩnh vực chuyên môn	Đặc điểm	Các hoạt động
Thiết kế đô thị	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến trúc sư - Kiến trúc sư cảnh quan - Các nhà thiết kế khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc của quá trình phát triển. - Biểu đạt đặc trưng tùy thuộc vào vị trí và không gian láng giềng. 	Bao gồm thiết kế các bộ phận (all-of a piece design) và thiết kế tổng thể (total design)
Nguyên tắc thiết kế, hướng dẫn và kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà quy hoạch đô thị - Kiến trúc sư - Kiến trúc sư cảnh quan - Nhà bảo tồn - Các quan chức khác 	- Quy mô thiết kế chính là quá trình quy hoạch (đáp ứng những tác động tạo ra do sự thay đổi về chất lượng từ những tác động bên ngoài bằng	Bao gồm các hoạt động: đánh giá khu vực nghiên cứu, hình thành chiến lược thiết kế và những

		những hướng dẫn và kiểm soát). - Thiết lập những ưu tiên can thiệp. - Áp dụng trên tất cả các tỷ lệ của thiết kế đô thị.	nguyên tắc chủ đạo, chuẩn bị những hướng dẫn thiết kế bổ sung và tóm tắt, thiết kế chi tiết.
Thiết kế không gian khu vực công cộng	- Nhà quy hoạch - Kiến trúc sư - Kiến trúc sư cảnh quan - Kỹ sư đô thị - Các nhà chuyên môn khác.	Bao gồm: mạng đường và đường phố, đường đi bộ và mặt lát đường, bãi xe, trung tâm chuyển đổi giao thông công cộng, công viên và những không gian công cộng khác.	Bao gồm: thiết kế và thực thi những dự án cụ thể, sử dụng những thiết kế và áp dụng hướng dẫn vào thiết kế và cải thiện tình hình khu vực, tiếp tục quản lý và duy trì không gian công cộng bao gồm cả các chương trình hoạt động và các sự kiện.
Thiết kế không gian công cộng	Không	Tìm kiếm những sự hợp tác và điều chỉnh những đề xuất phát triển cộng đồng từ nền tảng của nó.	Sử dụng những hình thức tiếp cận và kỹ thuật để gắn kết những tác nhân sử dụng môi trường đô thị.

(Nguồn: Matthew Carmona, Tim Heath, Taner Oc, Steve tiesdeli, *Public place, Urban spaces: the dimensions of urban design*, Architectural press, Oxford, 2003, pp.17)

II. CÁC KIỂU THIẾT KẾ ĐÔ THỊ THỰC HÀNH

Theo phân tích tại bảng 2, thì 4 loại hình thiết kế đô thị có thể có mặt trong một kế hoạch phát triển đô thị quy mô lớn (thiết kế đô thị mới, khu dân cư mới, trung tâm đô thị mới), mặt khác có thể vận dụng chúng một cách độc lập. Tùy thuộc vào quy mô và nội dung cần giải quyết (cải thiện không gian giao tiếp cộng đồng khu ở, cải tạo xây dựng mới hệ thống quảng

trường đô thị, cải tạo không gian mở đô thị, hay là xây dựng nguyên tắc kiểm soát không gian cảnh quan đô thị).

III. CÁC KHUYNH HƯỚNG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

Thiết kế đô thị là khoa học về tổ chức không gian ba chiều mang tính nghệ thuật cao thể hiện quan điểm thẩm mỹ của nhà thiết kế. Chính vì vậy mà các khuynh hướng thiết kế thay đổi theo thời gian cùng những đặc trưng thẩm mỹ của cộng đồng đô thị và sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Nghệ thuật xây dựng đô thị đã có những bước tiến dài và đạt được những thành tựu vĩ đại từ trước khi khoa học thiết kế đô thị xuất hiện. Năm 1898 Camillo Sitte xuất bản cuốn sách Nghệ thuật xây dựng thành phố (*L'Art de bâtir les villes*) chính thức đặt nền móng vững chắc cho thiết kế đô thị. Tiếp sau Camillo Sitte, các nhà lý luận đề xuất nhiều quan điểm và nguyên tắc thiết kế đô thị như Tony Garnier với mô hình Thành phố công nghiệp (*Une Cité industrielle*) năm 1917, Werner Hagemann và Eibert Peets với Nghệ thuật thành phố (trong tác phẩm *The American Vitruvius: an architect's handbook of civic art*) năm 1922, Clarence Arthur Perry với Đơn vị láng giềng (*The Neighborhood unit*) năm 1929, Le Corbusier với Hiến chương Athens (*Charter Athens*) năm 1943, Paul Zucker với Quảng trường đô thị trong không gian và thời gian (*The square in space an time*) năm 1959, Kenvin Lynch với Hình ảnh thành phố và các thành phần không gian (*Image de la cité*) năm 1960, Edmund N. Bacon với Cấu trúc thành phố Rome thời kỳ Baroque (*Design structure of Baroque Rome*) năm 1976, William H. Whyte với Cuộc sống xã hội của những không gian công cộng đô thị (*Social life of small urban spaces*) năm 1980 và Hiến chương đô thị mới (*Charter New Urbanisme*) với những nguyên tắc thiết lập cấu trúc không gian đô thị phù hợp với cuộc sống con người năm 1993. Đây là những nhà quy hoạch, kiến trúc, xã hội, triết học thế hệ đi trước đã cùng nhau góp sức xây dựng một cơ sở khoa học vững chắc cho nghệ thuật kiến tạo đô thị. Dựa vào những cơ sở này, các nhà thiết kế đô thị ngày nay vận dụng một cách sáng tạo trong những hoàn cảnh cụ thể để kiến tạo không gian đô thị phù hợp với con người. Theo GS. Jon Lang, Đại học New South Wales-Australia thì hiện tồn tại 4 khuynh hướng chính trong thiết kế đô thị:

1. Đô thị mang tư tưởng triết học (Ideology): khuynh hướng hình thành cấu trúc không gian thông qua những hình tượng mang tư tưởng nhân văn.

2. Đô thị mang tính thẩm mỹ cao (City is beautiful): khuynh hướng tạo không gian đô thị mang tính thẩm mỹ cao, cấu trúc thành phố, kiểu thức các công trình, trục bố cục không gian tạo nên những điểm cảnh quan hấp dẫn thu hút sự chú ý.

3. Đô thị theo mô hình đô thị vườn (Green City): tổ chức không gian đô thị dựa trên ý tưởng đô thị vườn của Ebenezer Howard, cấu trúc không gian đô thị tạo nên sự cân bằng giữa không gian xanh và không gian xây dựng, hướng tới duy trì sự ổn định của môi trường đô thị.

4. Đô thị theo kiểu cách tân (Neo-Tradition): tổ chức không gian đô thị lấy cảm hứng từ sự cách tân nghệ thuật xây dựng đô thị truyền thống, sự kết hợp giữa kỹ thuật xây dựng hiện đại với giá trị nghệ thuật không gian truyền thống sẽ tạo nên những đặc trưng nổi bật.

Quá trình sáng tạo đô thị là một quá trình liên tục theo thời gian, mỗi giai đoạn lịch sử đều sản sinh ra những mô hình đô thị đẹp và trở thành niềm tự hào của con người.

Nguồn: Tạp chí Xây dựng số 5/2003.

"URBAN DESIGN"

PHẢI CHĂNG LÀ KHUYNH HƯỚNG MỚI

Th.S. KTS. Trần Thị Lan Anh

Hiện nay chúng ta đang tiếp cận với thuật ngữ tiếng Anh "Urban Design" (dịch là thiết kế đô thị) từ một số nước như: Úc, Mỹ, Nhật, v.v... có thể ngộ nhận đây là một lĩnh vực mới trong thiết kế quy hoạch đô thị chăng? Nhưng thử so với thuật ngữ đã xuất hiện trên các tạp chí kiến trúc Nga trong thập kỷ 60, một thời đã khá quen thuộc với bạn đọc Việt Nam là Pro-jec-chi-ra-van-nhie, gra do -stra-y-tren-stva, cũng thấy có thể tạm dịch là thiết kế đô thị xây dựng đô thị. Điều đó cho thấy rằng lĩnh vực nghiên cứu thiết kế đô thị đã xuất hiện ở Việt Nam lâu nay. Tuy nhiên để có thêm những hiểu biết về "Urban design" trong sự hội nhập với Quốc tế xin nêu một số vấn đề sau, mong nhận thêm được sự hiểu biết về lĩnh vực này từ các chuyên gia kiến trúc và quy hoạch đô thị Việt Nam.

Các khái niệm về thiết kế đô thị

Trong thời kỳ đầu của thập niên 60, thuật ngữ "Urban Design" hướng về thiết kế các đô thị hiện đại và hầu hết các cấu trúc không gian đô thị mang tính kỹ thuật đơn thuần, điển hình thể hiện qua nhận định của ông Edmund Bacon, giám đốc của hiệp hội quy hoạch Philadel (1967). Trong ý niệm của ông "Urban Design" là tập trung đánh giá sự cấu thành của các không gian kiến trúc hiện đang tồn tại. Cùng thời gian này ở Nhật bản (1970) người ta lại cho rằng thiết kế đô thị là thiết kế dựa trên sự tăng trưởng của hệ thống hạ tầng không gian công cộng đa chiều.

Gần đây, khái niệm về "Urban Design" được xem xét thận trọng hơn và áp dụng một cách hệ thống hóa hơn. Tại Nhật Bản "Urban Design" được định nghĩa như là *"sự liên hệ của các mối quan hệ tương hữu"* hay là như *"kỹ sảo ghép nối"*. Akira Tamura, tổng công trình sư xây dựng cho thành phố YOKOHAMA đã tuyên bố rằng: *"Urban Design" là một loại hình tốt nhất cho môi trường đô thị, bởi nó đã được hình thành từ các mục tiêu cụ thể và từ các chủ nhân là đại diện của các thành phần kinh tế nhà nước và tư nhân*".

Tất cả những điều nêu trên thể hiện những quan niệm về "Urban Design" biến đổi đáng kể theo thời gian kể cả từ các nước phát triển cao đến các nước đang phát triển. Nó biến đổi tùy thuộc vào từng quốc gia thậm chí còn tùy thuộc vào từng cá nhân đơn lẻ.

Mọi nhận định sẽ bị sai khi đưa ra kết luận rằng "Urban Design" là một sự thực hành không tuân theo quy luật của triết học. Trên thực tế, một đô thị không tồn tại đơn lẻ, nó tồn tại dưới sự tích tụ của nhiều yếu tố hiện trạng, và một đô thị không thể bị điều khiển dưới một nền triết học giản đơn cũng không tuân theo chủ nghĩa phi nghệ thuật.

Tuy nhiên, xét trên phương diện khách quan thì không gian đô thị được xây dựng phụ thuộc theo các cấp độ khác nhau của nhà điều hành hoặc có quyền lực chính trị, các công ty thương mại tư nhân, các ban ngành xây dựng về nhà ở và công trình công cộng... những nhà quản lý xây dựng, các kỹ sư đô thị.

Đặc tính của "Urban Design"

Theo nghiên cứu đánh giá tổng hợp về lĩnh vực kỹ thuật đô thị giáo sư Nishimura Yukio Trưởng Khoa kỹ thuật đô thị - trực tiếp phụ trách bộ môn thiết kế đô thị trường Đại học Tổng hợp Tokyo đã đưa ra 7 đặc tính cơ bản về thiết kế đô thị như sau:

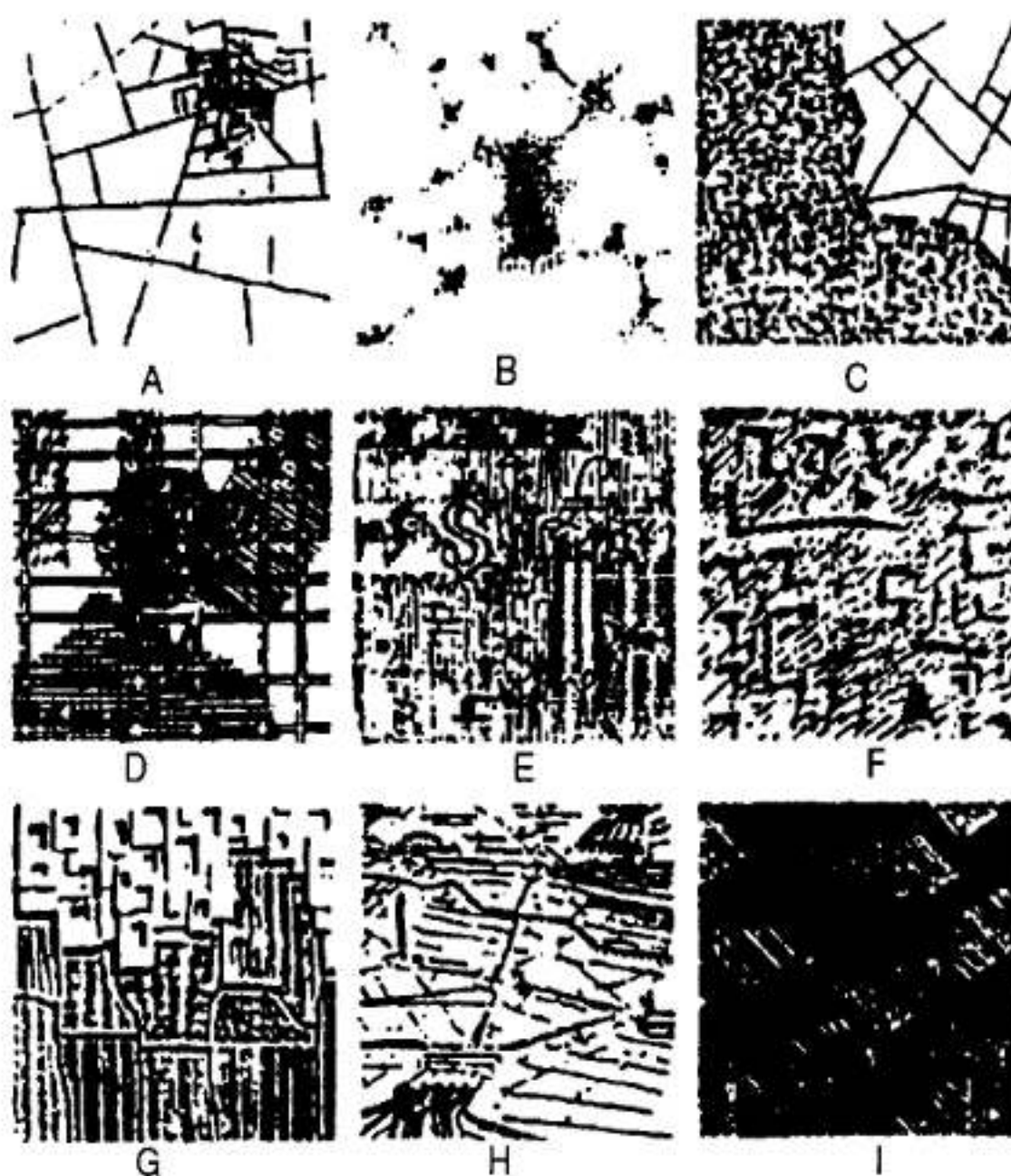
1. "Urban Design" mang tính xã hội và là chiếc cầu nối giữa các không gian đô thị truyền thống và hiện đại.
2. "Urban Design" lưu giữ hình ảnh của đô thị và nâng cao tính biểu trưng của chúng.
3. "Urban Design" có sự liên hệ hữu cơ trong quá trình thiết kế và thiết kế đô thị là thiết kế về hình khối công trình trên cơ sở kết hợp các yếu tố xã hội trong công tác thiết kế.
4. "Urban Design" không phải là thiết kế về hội họa. Quá trình thực hiện thiết kế đô thị là một quá trình hành động kiên quyết và mang tính hệ thống hóa cao. "Urban Design" rất đa dạng, trong đó các nhiệm vụ thiết kế được thực hiện với các mục đích rõ ràng phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.
5. "Urban Design" là những thiết kế phục vụ cho con người đang sống và làm việc trong đô thị đó.
6. "Urban Design" là một thiết kế không có sự kết thúc.

7. "Urban Design" đưa ra những định hướng "cứng" và "mềm" trong công tác thiết kế đô thị. Định hướng thiết kế đô thị cứng là những thiết kế mang tính hiện thực. Thiết kế mềm là việc xem xét hiệu quả việc thực hiện thiết kế thông qua sự điều hành các hoạt động thiết kế.

Sự nhận dạng đô thị

Thiết kế đô thị là sự tập hợp từ nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau như kinh tế; xã hội; kỹ thuật thiết kế; tôn giáo, v.v.. Thực tế thiết kế đô thị bao hàm và mở rộng của tất cả những vấn đề trên. Thiết kế đô thị là thiết kế chính sách, thiết kế đô thị là một bộ môn thiết kế kỹ thuật và nghệ thuật hoàn hảo tạo sự hòa giải và sự hội nhập mang tính Quốc gia và Quốc tế, là người cung cấp tiêu chuẩn đô thị và là một trường học lớn (D. Galuy và M. Myland, "*Khái niệm của thiết kế đô thị*, Academy Edition, 1984).

Nhận diện sự phát triển các đô thị là rất phong phú. Trong "The City Shaped" (Bul finch press, 1991), Spird Kostrof đưa ra những mô hình nhận dạng về các khuynh hướng thiết kế cho các thành phố theo các sơ đồ sau:



Sơ đồ nhận diện sự hình thành và phát triển đô thị (S.Kostrof, op.cit., p.39)

- A: Mô hình thành phố phát triển hướng tâm;
- B: Mô hình thành phố phát triển theo các cụm đô thị và các nhóm đô thị;
- C: Mô hình thành phố phát triển trong giới hạn xác định;
- D: Mô hình thành phố phát triển theo tính chất, chức năng sử dụng;
- E: Mô hình thành phố phát triển từ tiềm năng tài nguyên đô thị;
- F: Mô hình thành phố phát triển theo các tuyến điểm;
- G: Mô hình thành phố phát triển từ các khu vực thành phố và nông thôn;
- H: Nhận diện sự phát triển đô thị qua các công trình biểu tượng;
- I: Nhận diện sự phát triển đô thị qua những tòa nhà và tiềm năng con người.

Việt Nam đã làm gì trong thiết kế đô thị ?

Chính chúng ta đã và đang làm nhiều công trình thiết kế đô thị mà lâu nay dường như đã bỏ qua hai từ "*Thiết kế*" để thay thế vào đó là hai từ "*Quy hoạch*" đô thị. Chúng ta cũng vấp phải một thời kỳ dài của những thập kỷ 70 và đầu thập kỷ 80 là thiết kế không dựa trên hiện trạng đô thị. Các đường nét mới, các cơ cấu khu chức năng có thể chồng thoải mái trên các khu dân cư hoặc làng mạc trên hiện trạng, những thiết kế đó cũng đã từng bỏ qua yếu tố xã hội học và cơ sở cộng đồng dân cư đô thị. Hơn thế nữa, tài chính đô thị và các vấn đề huy động các nguồn vốn còn chưa biết lấy từ đâu, phần lớn là trông chờ vào sự viện trợ từ xa. Ví dụ như các tỉnh - thành trông chờ vào vốn đầu tư ngân sách hàng năm cho xây dựng từ Nhà nước, còn nhà nước Việt Nam thì trông chờ vào các vốn viện trợ và nguồn vốn vay cho xây dựng hạ tầng cơ sở từ nước ngoài.

Ngày nay, nhiều vấn đề thiết kế đô thị đã được đề cập tới trong những hội nghị Quốc gia và quốc tế. Những vấn đề trên có mối liên quan tương tự với tình trạng thiết kế xây dựng ở Việt Nam. Trong khuôn khổ của bài báo này xin đơn cử nêu một số nhận định sau đây:

1. Vai trò của các nhà lãnh đạo hành chính (nhà quản lý lãnh đạo trong thiết kế đô thị và sản phẩm thiết kế)

- Thiết kế đô thị là chính sách của chính quyền địa phương. Nếu như các hệ thống luật pháp và hành chính để thực hiện thiết kế đô thị được tổ chức theo chiều dọc, sự tạo ra không gian cho cộng đồng và các hoạt động của cộng đồng dùng để nối những hệ thống này sẽ bố trí theo chiều ngang. Mạng lưới này thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa nhân dân, với các nhà quản

lý, các nhà nghiên cứu chuyên môn, các nhà nghiên cứu phát triển là hết sức quan trọng. Người ra cho rằng trong đó nhà chức trách đóng vai trò đặc biệt to lớn.

- Các đường lối chỉ đạo và các quy hoạch chung sau đó sẽ được giải thích, chẳng hạn: quy hoạch chung đưa ra một khung cơ cấu lớn, có thể ví như *"sự phân loại rõ ràng của những quyển sách trên một giá sách. Còn đường lối chỉ đạo cụ thể như trên một bàn cờ có thể chuyển động các quân cờ theo các quy luật. Cái quan trọng chính là dùng quân cờ với hết khả năng của nó"*. Vì vậy việc dựa vào một tổ chức lãnh đạo đứng đầu là rất cần thiết, nó sẽ mang lại những giá trị hiện thực đa dạng và phong phú nhất.

- Người ta khẳng định rằng hoạt động của cộng đồng nói chung là rất quan trọng, chất lượng của một đô thị được tăng thực sự không chỉ là những cố gắng của các nhà quy hoạch và các nhà phát triển mà còn là sự tiến bộ của người dân và của những nhà chức trách.

- Tuy nhiên, ở nước ta có khi yếu tố này đi quá sâu và quá mạnh, một khi các nhà chuyên môn phải vẽ theo ý kiến của các nhà lãnh đạo thì sự phản tác dụng lại có thể xảy ra. Tại Việt Nam vai trò của nhà lãnh đạo dường như được ghi lại thành văn bản và nó như một con triện quyết định sự sống còn của đồ án, hay nói cách khác nó quyết định lại nhiều yếu tố kỹ thuật chuyên môn trong một số đồ án. Và do vậy, người thiết kế chỉ là phương tiện thể hiện. Một khi các ý tưởng của họ không được kết nối theo chuyên môn thì đôi khi sự thành công của đồ án cũng chỉ là giải pháp dung hòa, điều này làm giảm chất lượng của thiết kế, tạo tình trạng quá dễ thông qua những điều chỉnh quy hoạch, thậm chí phải chấp nhận với những hướng giải quyết không có lợi. Và sản phẩm thiết kế chỉ là giải pháp tình thế.

2. Thiết kế đô thị là sự thiết kế dựa trên điều kiện hiện có của đô thị

Các chuyên gia và nhà khoa học về đô thị Nhật Bản cho rằng thiết kế đô thị thực sự là thiết kế hiện trạng đô thị. Có hai khía cạnh cả về số lượng và chất lượng của hiện trạng đô thị.

Tuy nhiên, điều đó phải được mô tả như một hiện trạng mà trong đó các yếu tố vật chất, không gian vật thể và các hoạt động của con người luôn chuyển động trên cùng một trục thời gian. Trên thực tế, những con người đóng vai trò là chủ thể luôn duy trì mối giao tiếp qua hình thức các quan hệ Quốc tế. Nếu thể hiện các yếu tố vật thể và yếu tố hoạt động của con người

trên một đồ thị ở trục tung, còn số lượng và chất lượng hiện trạng đô thị ở trục hoành ta sẽ có kết quả là một ma trận khá phức tạp với nhiều giải pháp kèm theo. Mối quan hệ giữa những so sánh này rất khó phân biệt và không thể tách rời giữa số lượng và chất lượng. Hiện trạng đô thị sẽ nói lên mức độ văn minh đô thị, nếu trên trục tung chỉ biểu thị chất lượng thì các yếu tố con người và thể chất là nền văn hóa đô thị. Đó chính là ma trận cần được thảo luận nhiều hơn.

Đối với chúng ta thì mỗi một nét thiết kế đô thị thêm vào bản hiện trạng hoặc ngược lại cái gì đó bị xóa đi đều cần phải trả lời cho hàng loạt các câu hỏi: vì sao? chỗ nào? mất gì? được gì? tốn bao nhiêu? và phải làm như thế nào?... nhưng thường thì các ẩn số này chưa được giải đáp thỏa đáng. Chính vì vậy, nhiều trường hợp thiết kế đô thị xong lại làm xấu đi hình hài tự nhiên của hiện trạng hoặc không biết bao năm mới thực hiện được quy hoạch mới (dù các định hướng này đều ghi các mốc thực hiện rất cụ thể ví dụ như quy hoạch đến 2010 hay 2020).

3. Dự đoán các khuynh hướng Thiết kế đô thị

Sự hình thành các lĩnh vực thiết kế đô thị cho thấy các đô thị có sự cấu thành riêng biệt. Chúng chịu sự quản lý điều hành của những chính sách đô thị và được tạo nên bởi kỹ thuật xây dựng đô thị.

Trong suốt thập kỷ 60 đến đầu thập kỷ 70, thiết kế đô thị thường tập trung vào thiết kế những nhóm công trình kiến trúc hiện đại khác hẳn với các công trình hiện trạng. Sau giai đoạn này, sự phối hợp chức năng thiết kế đô thị trở nên chặt chẽ hơn. Người ta bắt đầu xem xét "mềm mại hơn" về thiết kế đô thị. Sự phân biệt giữa thiết kế đô thị "Urban design" và quy hoạch thành phố "Urban planning" ngày càng trở nên gần gũi nhau hơn. Để thực hiện thành công thiết kế đô thị, các nhà thiết kế cần khớp nối các nhân tố về "Urban design" cơ bản như sau:

- Sự phối hợp giữa thiết kế với quản lý và thực hiện các chính sách đô thị.
- Tiến hành phân loại và phân đợt xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Tạo các trung tâm đô thị và các khu ở mới.
- Nghiên cứu về bối cảnh lịch sử đô thị.
- Thiết kế đô thị với đầy đủ các đặc trưng văn hóa đô thị.
- Bảo vệ sự tồn tại của hệ thống sinh thái.
- Sử dụng quá trình thiết kế như là một công cụ thay đổi.

- Đưa ra các hướng dẫn thiết kế cụ thể.

- Vạch ra chiến lược phát huy tính thẩm mỹ trong công tác thiết kế (chủ yếu là quan tâm đến vẻ đẹp của bộ mặt đô thị).

Những nhân tố này là cơ sở định hướng cho chiến lược phát triển đô thị. Những suy nghĩ hiện thời phản ánh khuynh hướng thiết kế đô thị là sự tập trung vào các thiết kế bề mặt đô thị, thiết kế khảo sát đô thị và phân tích đánh giá quan hệ xã hội trong đô thị...

Sẽ thật nguy hại nếu đây chỉ là những chiến lược chung chung, và còn nguy hại hơn nữa là đắm chìm vào chủ nghĩa lạc quan của những hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Xã hội càng phát triển càng cần con người có tri thức rộng lớn, ngang tầm với những quan hệ xã hội mà hiện tại và sau này kiến thức sẽ mang lại sự cân bằng và tạo ra những hiệu quả cho không gian đô thị. Rất nhiều người đang mong đợi vào lĩnh vực này và cùng tham gia tạo cho đô thị một lối sống hoàn thiện.

Nguồn: Tạp chí kiến trúc Việt Nam. Số 2/2000.

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ Ở MỘT VÀI QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ ÁP DỤNG Ở HỆ THỐNG QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VIỆT NAM

ThS. KTS. Nguyễn Trúc Anh

Thiết kế đô thị như là sự tìm kiếm để lấp đi những lỗ hổng mà cả hai ngành Kiến trúc và Quy hoạch đô thị để lại, hay thiết kế đô thị là một phần của quy hoạch thành phố (city planning), chúng giải quyết cái đẹp và những cái định ra trật tự và hình thức của đô thị.

Theo TS. Jonathan Barnett

Thiết kế đô thị (Urban Design) là vấn đề đang được đông đảo nhân dân, cả người trong nghề và người ngoài nghề quan tâm. Bộ mặt đô thị của chúng ta đang bị những cơn lốc của nền kinh tế thị trường làm méo mó, cộng với sự thiếu vắng một bộ luật quy hoạch hoàn chỉnh và sự lúng túng của công tác quản lý xây dựng càng làm cho bộ mặt đó thêm lộn xộn. Ở các nước phương Tây thiết kế đô thị đã xuất hiện như một bộ môn mới, và đã đào tạo ra những chuyên gia quy hoạch đô thị (Urban Planner), kiến trúc sư cảnh quan (Landscape architect) và kiến trúc sư (Architect) đều làm nhiệm vụ thiết kế đô thị.

Thiết kế đô thị là gì ?

Thiết kế đô thị (Urban Design) và quy hoạch đô thị (Urban Planning) không thể độc lập tồn tại như là lực lượng chính làm ra đô thị và bởi vậy, tất cả những thuyết quan trọng đều dường như nói về chúng nhưng lại không phải là tự bản thân chúng. "Chúng ta gọi sự thay đổi xã hội đô thị là sự xác định lại ý nghĩa đô thị. Chúng ta gọi quy hoạch đô thị là sự thích ứng thỏa hiệp của những chức năng đô thị nhằm mục đích chia sẻ những ý nghĩa đô thị. Chúng ta gọi thiết kế đô thị là những cố gắng biểu tượng (Symbolic) để thể hiện ý nghĩa đô thị (Urban meaning) đã được chấp nhận bằng hình thức đô thị (Urban form) thích hợp" (Castells, 1983, Tr.304). Castells đã cố gắng liên kết tất cả những quy trình thiết kế đô thị trong một diện rộng, tổng hợp tất cả quá trình sản xuất không gian đô thị, kể cả kinh tế, chính trị, xã hội học trong việc quy định hình thức không gian đô thị như những quy trình sản

phẩm dựa vào kinh tế: sản xuất, tiêu thụ, trao đổi hàng hóa, và nhà nước. Giống như vậy, Ross King đã viết: "Thiết kế đô thị là quy trình sản xuất có mục đích của những ý nghĩa đô thị, qua việc tổng hợp và liên kết tất cả những mối liên hệ giữa các thành phần không gian. Trong vấn đề thị trường mở, sự sản xuất "ý nghĩa đô thị" đang tồn tại để ủng hộ cho sự tích lũy vốn, tái sản xuất của xã hội, và luật pháp trên những cách thức đặc biệt coi trọng đến lợi ích chung".

Ngược lại các suy nghĩ trên coi thiết kế đô thị như là sự tổng hợp quy trình cân bằng xã hội trên nhiều khía cạnh được thể hiện qua những hình thức không gian đô thị nhất định, rất nhiều học giả và các nhà chuyên môn lại có những định nghĩa khác nhau về thiết kế đô thị trên phương diện liên quan trực tiếp đến lĩnh vực chuyên môn của mình, tới những chức năng nổi trội của đô thị. Bởi vậy, thiết kế đô thị như là sự tìm kiếm để lấp đi những lỗ hổng mà cả ngành Kiến trúc và quy hoạch đô thị để lại. "Thiết kế đô thị là một phần của quy hoạch thành phố (city planning), nó giải quyết cái đẹp và những cái định ra trật tự và hình thức của đô thị". "Thiết kế đô thị chủ yếu liên quan đến chất lượng của lĩnh vực công cộng của đô thị (Urban public realm) cả về mặt xã hội và vật thể (Social and physical) và làm ra những không gian đô thị mà con người có thể hưởng thụ và kính trọng".

Người thiết kế đô thị (Urban Designer) làm gì ?

Rõ ràng thiết kế đô thị là sự kế tục và phát huy các ngành quy hoạch đô thị, kiến trúc cảnh quan, kiến trúc, xã hội học, môi trường học, ... Trên thực tế tất cả các công trình của loài người đều được thực hiện dựa trên một tập quán hành động và luật lệ nhất định. Thiết kế đô thị cũng không nằm ngoài quy luật đó. Người thiết kế đô thị có thể tham gia, đi đầu trong việc thiết lập chiến lược phát triển đô thị, đưa ra những dự án và lý luận về thiết kế công trình phục vụ cho con người, can thiệp trực tiếp vào kinh tế thị trường và quá trình làm luật bằng cách cung cấp ý kiến đóng góp, dự báo bộ mặt đô thị trong tương lai, quá trình làm chính sách và quản lý. Như vậy, khả năng thiết kế đô thị của người làm thiết kế đô thị phụ thuộc rất nhiều vào sự hiểu biết về môi trường sống và quá trình ra quyết định chính sách. Tóm lại, người làm thiết kế đô thị sẽ làm việc theo hai xu hướng chính.

1. Thiết lập những chính sách, pháp chế cho công việc thiết kế, đưa ra những hướng dẫn cho công cuộc phát triển và khuyến khích toàn dân tham gia vào công cuộc phát triển chung trong khuôn khổ pháp chế, chính sách, hướng dẫn đó.

2. Trực tiếp, điều khiển, quản lý và thực hiện toàn bộ quá trình thiết kế và phát triển. Xu hướng đầu tiên sẽ thiên về quy hoạch đô thị và xu hướng sau sẽ nghiêng về kiến trúc.

Công cụ xã hội và công cụ luật pháp trong thiết kế đô thị

Công cụ xã hội

Thiết kế đô thị được phát triển theo hướng Quy hoạch cộng đồng (community planning) và song song với cái này là thiết kế cộng đồng (community design) rất thịnh hành ở các nước phương Tây ngày nay. Tác giả sẽ đi sâu vào lĩnh vực này ở những phần sau. Rõ ràng khi mà vai trò của người dân và các đại diện khác đều đóng góp công sức tiền bạc của mình vào công cuộc xây dựng đô thị thì công cụ xã hội sẽ trở nên vô cùng quan trọng. Các đại diện này sẽ có quyền đưa ra những quyết định vì họ là một phần của dự án, họ đóng góp vốn và công sức vào dự án, dự án được phát triển ngay trên mảnh đất họ sinh sống. Thông qua những công cụ xã hội này, các mục đích và nhiệm vụ để cấu tạo nên đô thị cũng đồng thời được hình thành. Người thiết kế đô thị sẽ nắm bắt những mục đích và nhiệm vụ này để tìm cách thực hiện và dần dần chính chúng sẽ tạo thành bộ mặt, không gian đô thị.

Công cụ luật pháp

Trong cơ chế thị trường, nơi bộ mặt đô thị sẽ bị điều chỉnh theo lợi nhuận, tuân theo những quy luật của nền kinh tế thị trường. Lúc này, luật pháp sẽ có nhiệm vụ điều khiển và dẫn dắt sự phát triển của thành phố theo những phương hướng đã định. Ở các nước phương Tây, sự hình thành và phát triển các bộ luật là cả một quá trình đấu tranh giữa lợi ích của các nhóm, tầng lớp, đôi khi bỏ qua cả những lợi ích xã hội. Ở các nước như Mỹ, Australia các luật chính ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành phát triển đô thị và đặc biệt là công cụ luật pháp cho (legislative tool) thiết kế đô thị là: luật xây dựng (Building code), luật về quy hoạch sử dụng đất (Land use planning law, Zoning law), luật về môi trường đô thị (Urban environmental law). Ngoài ra còn có những luật liên quan khác như luật thuế đất (Land taxation law) luật về phân phối lại thu nhập (Income redistribution law),...

Ở Mỹ và một số nước tư bản khác, luật về quy hoạch sử dụng đất được chính quyền địa phương (thường là chính quyền cấp thành phố) sử dụng rộng rãi. Nhiệm vụ chính của nó là giới hạn chức năng sử dụng đất ở từng lô

đất cụ thể của thành phố, xác định cụ thể mật độ xây dựng, yêu cầu cụ thể từng loại thiết bị và công trình công cộng kèm theo như bãi đỗ xe, cây xanh, quảng trường. Bộ luật này đồng thời cũng được sử dụng để bảo vệ những giá trị xã hội và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân. Ngoài ra còn có rất nhiều hệ thống luật khác nữa về quản lý đất.

Những quan điểm và xu hướng nổi trội trong thiết kế đô thị

Trước hết, phải nói đến hai trào lưu nổi trội trong thiết kế đô thị là chủ nghĩa Duy lý (Rationalism) và chủ nghĩa Kinh nghiệm (Empiricism) với những khác biệt về quan điểm trong đó. Bên cạnh đó chúng ta cũng có thể thấy sự tách biệt hơn trong quan điểm thiết kế đô thị đương thời nằm bên trong hai luồng tư tưởng này. Ở các nước tư bản, sự cạnh tranh gay gắt trong nền kinh tế thị trường dẫn tới tình trạng đặt nặng vấn đề tài chính trong thiết kế đô thị nên những lợi ích của xã hội nhiều khi bị coi nhẹ. Tựu trung, có bốn luồng tư tưởng chính chi phối việc thiết kế đô thị trong thời gian gần đây:

1. Thiết kế đô thị theo chủ nghĩa thực dụng và kinh tế

Tư tưởng này nổi bật trong những năm gần đây do lý do kinh tế thúc đẩy, nhất là ở các nước đang phát triển. Ở các nước phương Tây còn thấy rõ hơn, thiết kế đô thị là sản phẩm của những nhu cầu kinh tế của thị trường. Thiết kế phải đáp ứng nhu cầu lợi nhuận của các nhà đầu tư và phát triển. Đối tượng phục vụ của thiết kế đô thị chủ yếu là những người làm kinh tế, mua và bán và chỉ dừng lại ở mức đơn thuần của văn hóa tiêu thụ

2. Thiết kế đô thị như là nghệ thuật vì cái đẹp

Với quan điểm này, thiết kế đô thị chỉ đơn giản là phục vụ cái đẹp và là bữa tiệc của các kiến trúc sư. Thiết kế đô thị có thể không mang nhiều tính xã hội, kinh tế, chính trị như là mục đích chính. Trong hầu hết thiết kế đô thị ít nhiều đều mang hơi hướng của cái đẹp, trong thiết kế đô thị của những người theo chủ nghĩa Tân - duy lý (Neo-rationalism) hoặc Phi - cấu trúc (Deconstructionism), cái đẹp lại được biểu hiện qua những hình phi kỷ hà và sự cách điệu trong không gian làm cho người sử dụng đôi khi không đánh giá hết cái đẹp, mà nhường sự chiêm nghiệm cho các chuyên gia hoặc những người được hưởng thụ nền giáo dục cao hơn.

3. Thiết kế đô thị như là quá trình giải quyết các vấn đề của đô thị

Quan điểm này rất nổi trội ở Việt Nam ngày nay và ở các nước phương Tây trong những thập niên 60 - 70 của thế kỷ XX. Nó dựa vào kinh nghiệm

và thực nghiệm là chủ yếu. Ở phương Tây đã có những công trình nghiên cứu đầy đủ về thiết kế đô thị, có rất nhiều dẫn chứng cụ thể để rút kinh nghiệm. Nghiên cứu để học hỏi, rút kinh nghiệm là vấn đề then chốt của dòng tư tưởng này. Ở Việt Nam mọi thứ dường như mới cả, nhiều khi trong giới chuyên môn đã truyền miệng câu miêu tả rất chính xác công việc của những người thực nghiệm chủ nghĩa ở Việt Nam như là "thử, sai thì sửa".

4. Thiết kế đô thị như là thiết kế của cộng đồng

Đây là một vấn đề mới ngay cả với các nước phương Tây. Vấn đề xã hội là một phần không thể thiếu được trong thiết kế đô thị và bên cạnh công cụ luật pháp, công cụ xã hội cũng là công cụ chủ yếu của thiết kế đô thị. Các thành phần xã hội phải được tham gia đầy đủ trong quá trình thiết kế đô thị. Vai trò của cộng đồng là quan trọng trong quá trình làm chính sách và ra quyết định. Tuy nhiên, nếu không cẩn thận thì sẽ rơi vào tình trạng thoả hiệp.

Phân loại công việc của thiết kế đô thị

Trên thực tế, thiết kế đô thị được thực hiện trong trường hợp: người thiết kế thực hiện toàn bộ công việc; thiết kế được làm chủ yếu ở một giai đoạn, dưới sự chủ trì của một thiết kế đô thị gia và người đó sẽ chịu trách nhiệm về toàn bộ quá trình thiết kế, còn lại có nhiều thiết kế gia và các nhà phát triển cùng tham gia; người thiết kế đô thị chỉ phụ trách vấn đề thiết kế ý cơ bản ban đầu và đưa ra những hướng dẫn để thực hiện được những nhiệm vụ thiết kế ban đầu, đôi khi cũng đưa ra cả những hướng dẫn mang tính chi tiết cụ thể cho từng tòa nhà một.

1. Thiết kế đô thị gia như là người thiết kế toàn bộ.
2. Thiết kế đô thị tổng hợp.
3. Người thiết kế đô thị như là người thiết kế cơ sở hạ tầng kiến trúc.
4. Người thiết kế đô thị như là người thiết kế hướng dẫn thiết kế.

Vị trí của thiết kế đô thị trong hệ thống quy hoạch phát triển

Thiết kế đô thị có vị trí khác nhau trong quy hoạch đô thị ở mỗi nước. Mỹ và Australia là những nước phát triển, có hệ thống quản lý quy hoạch khá hoàn chỉnh, trong khi đó Việt Nam và Trung Quốc đang trong giai đoạn thực hiện và hoàn chỉnh quản lý hệ thống quy hoạch.

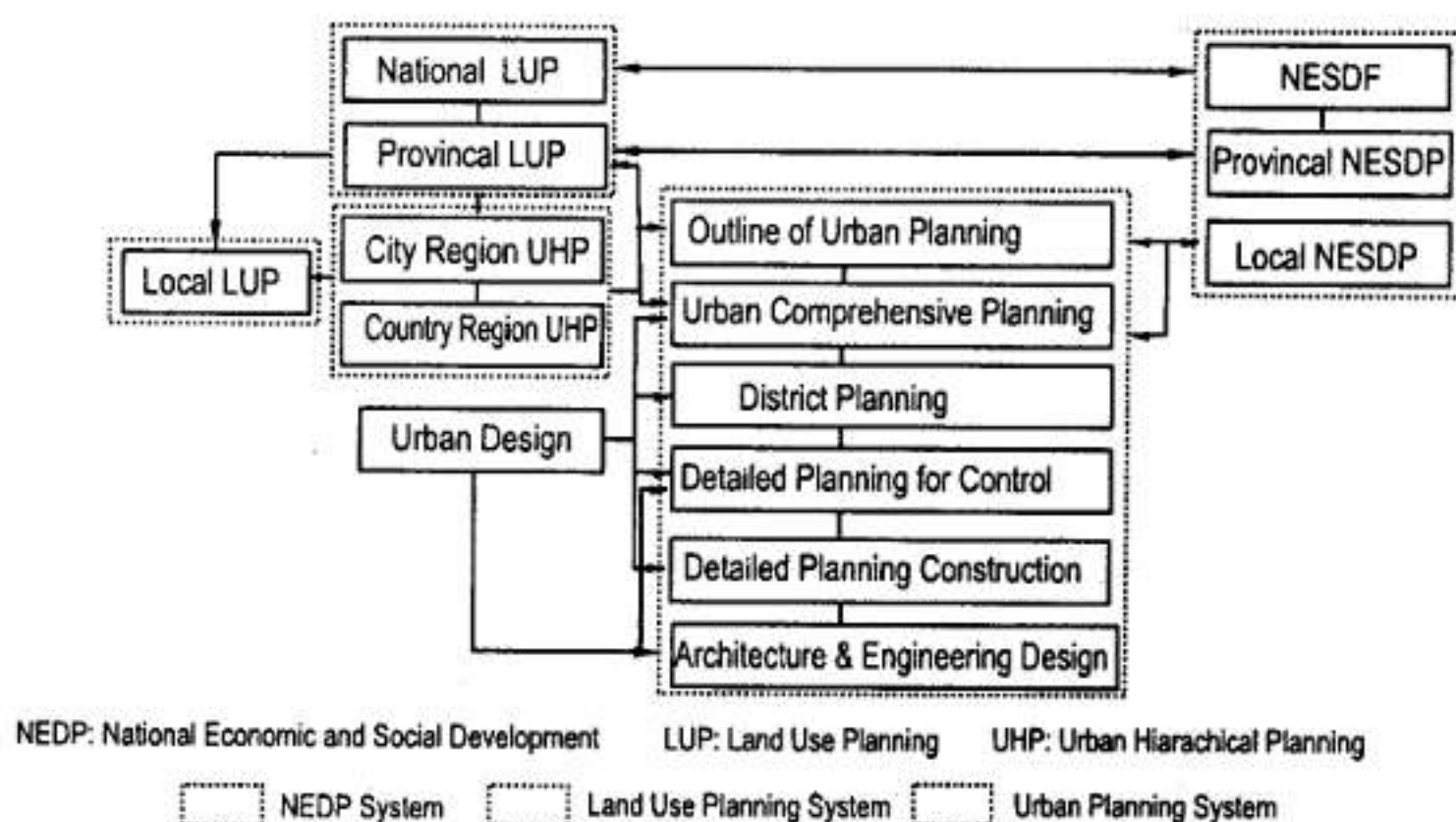
Vị trí của thiết kế đô thị trong hệ thống quy hoạch bang New South Wales (Australia).

Hệ thống quy hoạch ở Australia về cơ bản có ba cấp chính: cấp bang (State), cấp vùng (Regional) và cấp địa phương (Local). Tất cả các hệ thống văn bản quy hoạch, các mặt bằng quy hoạch phải hoạt động dưới luật mà đại diện cho luật này là Đạo luật về đánh giá và quy hoạch môi trường (Environmental Planning and Assessment Act 1979 - EP & A Act) được Nghị viện bang và Chính phủ Trung ương thông qua nên là văn bản tối cao, phải tuyệt đối tuân thủ, kể cả Thủ tướng hay Bộ trưởng. Như vậy các đối tượng đều có trách nhiệm và bất cứ ai cũng có thể khởi kiện những người có trách nhiệm nếu phát hiện vi phạm gây tổn hại đến quyền lợi công dân. Theo bộ luật này thì quá trình làm quy hoạch nói chung và thiết kế đô thị nói riêng đều phải theo những bước đã được quy định, như viết dự án quy hoạch, sửa soạn và sơ thảo quy hoạch, quy trình thiết kế tư vấn, quá trình xem xét những ý kiến phản hồi, chuẩn bị dự thảo cuối cùng, thông qua Bộ trưởng hoặc Thủ hiến bang rồi thành luật. Với sự phân cấp, phân quyền cho địa phương, quy hoạch ở cấp nhà nước (toàn quốc) và bang ở Mỹ và Australia hầu như không hiệu quả. Do vậy thiết kế đô thị cũng không xuất hiện mấy ở cấp này mà chủ yếu ở cấp địa phương và nhỏ hơn. Quy hoạch chiến lược cấp toàn quốc thông thường chỉ liên quan đến giao thông và môi trường ở các nước này.

Một điều đáng chú ý nữa là ở các nước này tất cả các quy hoạch đô thị đều được chính quyền địa phương đứng ra làm nhân vật chính, thúc đẩy và tiến hành thủ tục để biến quy hoạch chi tiết thành luật. Các Bộ chỉ giữ vai trò xét duyệt, còn các chính quyền địa phương phải thực hiện quá trình tư vấn... thông thường là thuê các công ty tư vấn tư nhân hoặc các tổ chức cùng có chức năng liên quan tham gia quá trình tư vấn. Sau nhiều lần soạn thảo và sửa đổi thì mới trình Bộ trưởng xét duyệt để thành luật.

Ở đây nước bạn đã có những bước sáng tạo khi vận dụng thiết kế đô thị vào trong các quy trình quy hoạch. Trong sơ đồ dưới đây, chúng ta có thể thấy là thiết kế đô thị được nghiên cứu ngay ở những bước đầu tiên ở tỷ lệ lớn, trong quy hoạch vùng và thành phố với tỷ lệ 1/1000, tại quy hoạch chung này giống như quy hoạch master plan của chúng ta, thiết kế đô thị chủ yếu dừng lại ở những hình ảnh mang tính định hướng tương lai thành phố hoặc những quy định mang tính chiến lược. Xuống các cấp độ quy hoạch nhỏ hơn thiết kế đô thị cũng trở nên chi tiết và cụ thể hơn. Trung Quốc cũng có những phân định các bộ các ngành quản lý gần giống như của ta. Những sơ đồ trong khung [] thuộc về sự quản lý của Bộ Xây dựng, còn những sơ đồ trong khung [] lại thuộc về một bộ mà chức năng và nhiệm vụ gần giống

như Bộ Tài nguyên, Môi trường mà chúng ta vừa mới thành lập. Trong đó phần lớn trách nhiệm về quản lý và phân quyền sử dụng đất thuộc về Bộ này.



Vị trí của thiết kế đô thị trong hệ thống quy hoạch của Trung Quốc

Kết luận

Qua sự nghiên cứu vị trí thiết kế đô thị trong hệ thống đô thị của Australia, ta có thể thấy được xu hướng chung trong thiết kế và quy hoạch đô thị. Rõ ràng là thiết kế đô thị ở Australia chỉ xuất hiện nhiều ở cấp địa phương với quy mô vừa phải. Mỹ cũng giống như thế về phương diện này. Ta có thể hiểu cấp địa phương ở đây chính là từ thành phố trở xuống, và càng ở cấp nhỏ thì mức độ chi tiết trong thiết kế đô thị càng cao. Tuy nhiên cả Mỹ, Australia và Trung Quốc đều có bộ luật hoàn chỉnh về quy hoạch môi trường, trong đó ghi rõ quá trình làm văn bản, chuẩn bị văn bản, sự tham gia tư vấn của các bên và quy trình biến các nghiên cứu quy hoạch thành luật. Như đã phân tích ở trên, thiết kế đô thị nên đóng góp ngay từ những quy hoạch ở cấp vĩ mô như thành phố và thậm chí là vùng. Trung Quốc cách đây hai ba năm đã quyết định đưa thiết kế đô thị tham gia vào gần hết các cấp độ trong quy trình thiết kế và làm quy hoạch. Họ cũng sử dụng và đưa quy hoạch vào và khiến mọi thành phần tham gia đều hoạt động theo luật. Việc này khiến việc làm quy hoạch trở nên thông thoáng, rõ ràng và dễ dàng triển khai đối với mọi thành phần tư vấn và cho phép cộng đồng tham gia thiết kế như là quy trình bắt buộc. Nó cũng giảm bớt sự chông chéo chức năng giữa các cấp, các ngành có liên quan, và có thể phân định được trách nhiệm rõ ràng đến từng cá nhân. Mong rằng thiết kế đô thị sẽ sớm đi vào đời sống quy hoạch đô thị ở nước ta.

Nguồn: Tạp chí Xây dựng. Số 2(3) - 2003.

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - NHỮNG SUY NGHĨ BAN ĐẦU

KTS. Ngô Trung Hải

Thiết kế đô thị - khái niệm

Khái niệm về thiết kế đô thị có lẽ đã được hình thành ngay từ khi đô thị ra đời và quy hoạch đô thị hình thành, tùy vào từng niên đại hay nền văn hóa. Khái niệm này được hiểu và sử dụng trong thực tế xây dựng dựa trên lòng mong muốn hay khả năng có thể của từng đô thị. Sự tồn tại của thiết kế đô thị có thể hình thành trên hai ý niệm triết học. Vô thức và hữu thức tùy theo người dân có ý thức hay tự phát hành động như một nhà thiết kế - xây dựng nên các công trình trong đô thị. Michelangelo đã thiết kế Quảng trường Piazza di Campidoglio ở Rome vào thế kỷ XVI. Ông đã hoàn toàn dựa trên những nguyên tắc thẩm mỹ chặt chẽ.

Nhìn nhận một cách đơn giản thiết kế đô thị thực chất liên quan nhiều đến hình dạng của các khu vực đô thị hóa. Đó chính là điều Kevin Lynch đã mô tả: Hình ảnh đô thị (image of city), sự sáng tạo thẩm mỹ về không gian kiến trúc của cư dân để tạo nên đặc trưng riêng biệt của từng đô thị. Khoảng năm 1960, Kevin Lynch đã ghi nhận dấu ấn của thiết kế đô thị bằng việc nhận thức rõ nét mối quan hệ giữa hình thể đô thị và nhận thức của cộng đồng trong từng yếu tố tạo nên chính hình ảnh thành phố mà chúng ta cảm nhận được.

Thiết kế đô thị có thể nhìn từ nhiều góc độ khác nhau để hình dung như:

- Không gian: hình thể đô thị dưới góc độ không gian ba chiều (3D).
- Quy trình: là một giai đoạn của quy hoạch đô thị (bao gồm cả quy hoạch sử dụng đất - 2 chiều và quy hoạch không gian - 3 chiều) và cụ thể hóa hơn trên phương diện tổ hợp không gian kiến trúc.
- Quản lý: thiết kế đô thị là một bộ phận của công tác quan trọng trong quản lý đô thị, nhằm thể chế hóa cũng như kích thích kinh tế đô thị phát triển trong chiến lược kinh doanh không gian trong đô thị, được kết hợp chặt chẽ dưới góc độ thẩm mỹ.

Hoặc đơn giản hơn có thể hiểu: thiết kế đô thị chính là nghệ thuật của việc tạo không gian sinh hoạt cho con người.

Có nhiều khái niệm, định nghĩa khác nhau về thiết kế đô thị từ nhiều góc độ, nhưng khái niệm về thiết kế đô thị sẽ liên tục được bổ sung và phát triển cùng mọi thăng trầm của quá trình đô thị hóa.

Vị trí của thiết kế đô thị trong quy trình quy hoạch đô thị

Khái niệm quy hoạch đô thị (urban planning) hiện nay ở Việt Nam chủ yếu được hiểu như một bộ môn khoa học về tổ chức không gian đô thị, chủ yếu nghiên cứu về quy hoạch vật thể (physical planning) và tập trung xác định về quy hoạch sử dụng đất.

Trong toàn cảnh quy hoạch đô thị có một cách nhìn nhận về phân vai giữa các thuật ngữ trên của một nhà thiết kế đô thị, tiến sĩ Jonathan Barnett đã phân loại:

- Nhà quy hoạch đô thị, nhìn chung là người có liên quan nhiều đến việc quy hoạch sử dụng đất và phân phối nguồn lực của đô thị theo những dự báo cần có trong tương lai.

- Kiến trúc sư, đó là người thiết kế các công trình cụ thể.

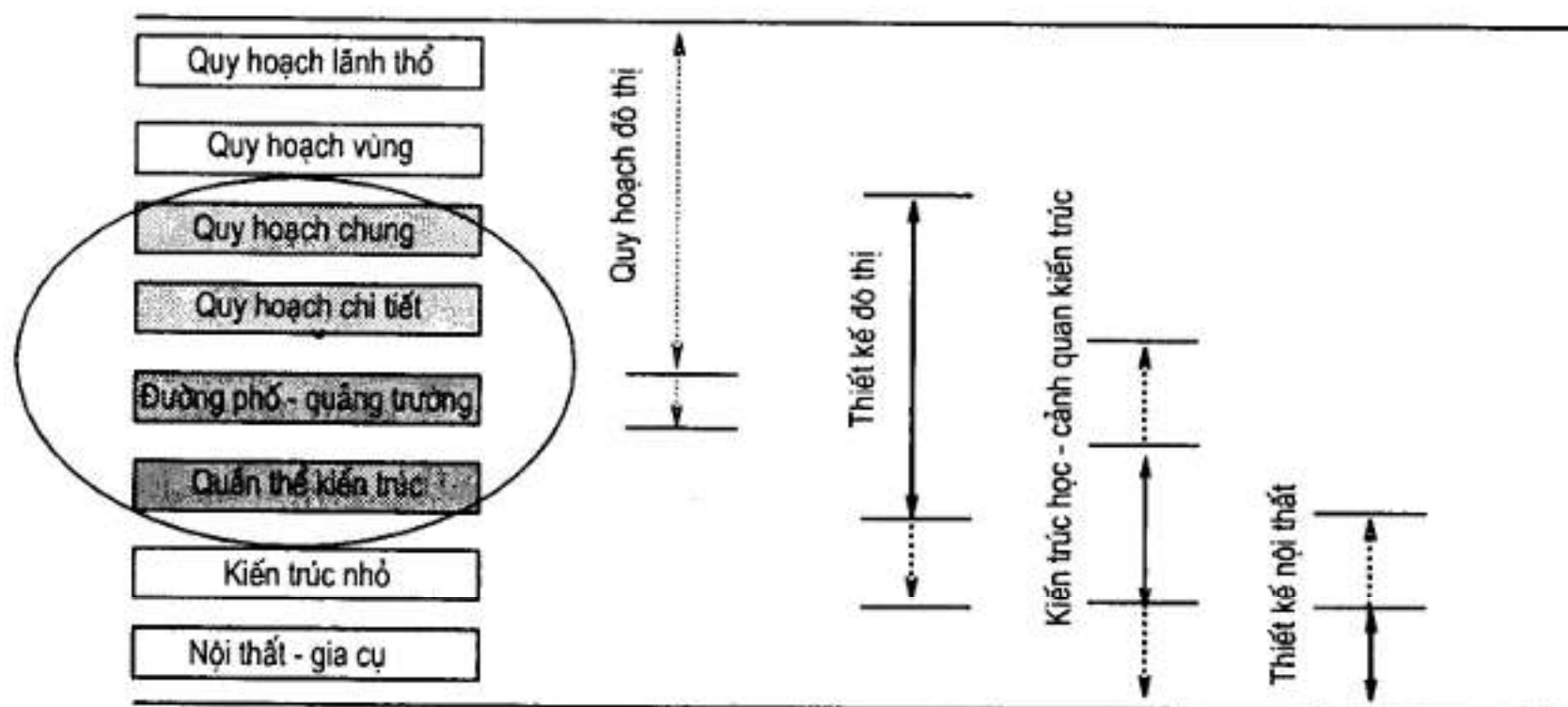
- Nhà thiết kế đô thị là người đứng giữa vai trò của hai chuyên gia trên.

Vào thập kỷ 70 Jonathan Barnett đã viết: *thiết kế thành phố không có thiết kế các công trình*.

Thiết kế đô thị đã tồn tại từ rất lâu, khi con người biết tổ chức không gian đô thị trong quá trình hình thành các đô thị thời cổ đại.

Hệ thống lý luận thiết kế đô thị có thể biểu thị bằng nhiều xu hướng khác nhau tùy vào sự phát triển của các nhà nghiên cứu.

Vị trí của bộ môn thiết kế đô thị trong quy trình quy hoạch xây dựng đô thị được mô tả như sơ đồ:



Như vậy, thiết kế đô thị có thể trải dài từ quy hoạch chung đến thiết kế các công trình kiến trúc nhỏ trong đô thị và có đối tượng nghiên cứu là môi trường hình thể ba chiều (so sánh với quy hoạch chung và chi tiết quan tâm nhiều đến 2 chiều), nắm vững hình tượng tổng thể, chủ yếu mang tính thiết kế.

Có thể dùng hình ảnh của "chiếc cầu" nối giữa quy hoạch đô thị và kiến trúc.

Tuy vậy, nếu nhìn diện rộng hơn và có thể dễ hiểu hơn, thiết kế đô thị cũng được nhìn nhận là một khoa học chuyên ngành trong quy hoạch đô thị, nếu quan niệm quy hoạch đô thị là một từ dùng để chỉ một nghệ thuật tổ chức toàn diện cuộc sống của cư dân đô thị. Còn quy hoạch chung hay chi tiết như hiện nay đang làm ở Việt Nam cũng chỉ là một chuyên ngành trong quy hoạch đô thị, đó là thường tập trung nhiều về kế hoạch sử dụng đất kèm theo các chỉ tiêu cơ bản để quản lý đất, ít tác động đến không gian nghệ thuật 3 chiều và các hình ảnh chủ yếu của các khu vực trong đô thị.

Thiết kế đô thị ở Đài Loan (1981) được xem như phù hợp với các nội dung của quy hoạch chi tiết của một khu vực cụ thể nào đó và một số tiêu chí cũng tương thích với các tiêu chí trong quy hoạch chi tiết và quy hoạch chung đã đề xuất.

Đây là nhìn nhận lại vai trò thực tế của thiết kế đô thị ở Việt Nam để có thể triển khai và ứng dụng trong quy trình quy hoạch sau này.

Những yếu tố và thành phần cơ bản của thiết kế đô thị

Thiết kế đô thị là một bộ phận của quá trình quy hoạch liên quan đến chất lượng vật thể, hình thể của môi trường - chính đó là hình thể hay không gian của môi trường. Không gian chung quanh các ngôi nhà cũng là lĩnh vực mà thiết kế đô thị quan tâm: bao gồm các khu vực - đô thị mới xây và khu vực đã định hình sẵn.

Phân định không gian

1. Kiểu mẫu bên trong và hình ảnh là mục tiêu của không gian đô thị và chính là điểm chính yếu của tổ chức thành phố, tập trung vào những điểm chính:

- Điểm tập trung;
- Điểm nhìn;
- Điểm nhấn;
- Kiểu mẫu chuyển động.

2. Hình dạng bên ngoài và hình ảnh.

3. Sự chuyển động và tĩnh.

4. Chất lượng môi trường.

Những yếu tố của thiết kế đô thị:

1. Sử dụng đất

2. Khối tích và hình dạng công trình.

- Chiều cao, khoảng lùi, độ che phủ, màu sắc, hệ số sử dụng đất.

3. Sự chuyển động và tĩnh.

4. Không gian mở.

5. Lối đi bộ.

6. Hỗ trợ hoạt động.

7. Ký hiệu.

8. Bảo vệ.

Những đặc trưng cơ bản:

1. Đặc trưng về định hướng không gian.

Đề cập đến không gian 3 chiều đối với đất đai đô thị, đặc biệt là đất công cộng.

2. Đặc trưng định hướng thời gian.

Biến hóa của môi trường trong thời gian tương đối dài - quá trình tiệm tiến do nhiều người hoặc cộng đồng cùng tham gia vào quá trình thiết kế đô thị.

3. Đặc trưng con người và môi cảnh:

Thiết kế đô thị là tạo không gian sống cho con người, vì vậy hiểu biết về hoàn cảnh, hành vi và đặc biệt là thẩm mỹ cũng như nhận thức cộng đồng sẽ đóng góp quan trọng trong các nghiên cứu.

4. Đặc trưng của nhiều chuyên ngành.

Thiết kế đô thị cũng là môn khoa học đa ngành trong quy hoạch đô thị.

5. Đặc trưng mang tính chỉ đạo:

Trong sản phẩm của thiết kế đô thị việc đề xuất các quy tắc thiết kế mang tính khống chế và chỉ đạo đối với phương án thiết kế cụ thể, căn cứ cho các kiến trúc sư, kỹ sư công trình tiếp tục trong các nghiên cứu tiếp theo.

Quá trình thiết kế đô thị và thiết kế các tiêu chí

Quá trình thiết kế:

Theo Hamid Shivanl (GS của Đại học Kentucky, Mỹ) thiết kế đô thị có 7 bước cơ bản:

1. Thu thập số liệu;
2. Phân tích số liệu;
3. Xác định mục đích và mục tiêu;
4. Lựa chọn phương án;
5. Mô tả phương án;
6. Đánh giá các lựa chọn;
7. Chuyển hóa các giải pháp lựa chọn thành chính sách, kế hoạch, hướng dẫn và chương trình hành động.

Nếu so sánh 7 bước này với 7 bước của thiết kế đô thị do Kim Quảng Quân ⁽¹⁾ biên soạn thì bước 6 và 7 có khác nhau:

Bước 6: Quá trình bảo quản.

Bước 7: Tính độc đáo của quá trình.

Ngoài 7 bước cơ bản khái quát mang tính tuần tự, quy luật trên, một số thành phố ở Mỹ đã áp dụng một số quá trình khác, do đơn giản hóa quá trình trên: Quá trình tiệm tiến. Phương pháp này xuất phát trực tiếp từ mục đích chủ yếu và các bước tiệm tiến để đạt được hiệu quả công việc.

Quá trình rút gọn: không theo đầy đủ các bước cơ bản mà tùy vào thực tế yêu cầu để đưa ra các kế hoạch thực hiện thiết kế đô thị.

Quá trình đa hướng: khởi nguồn từ Mỹ từ những năm 1976, các nhà thiết kế đô thị đã nhận ra giá trị của người sử dụng và nhận thức về thành phố có thể có nhiều hướng khác nhau dẫn đến khái niệm tham gia cộng đồng trong thiết kế đô thị mà sau này Jonathan Barnett và các nhà thiết kế đô thị hiện đại nhấn mạnh trong quá trình nghiên cứu.

Quá trình cấp tiến (ảnh hưởng lý luận thực chứng của Mác) chủ yếu cần nhận thức rõ tiến trình phát triển xã hội trước khi thiết kế. Đó là quá trình của hiểu - thiết kế.

Thiết kế những tiêu chí:

- Tiêu chí không đo được: Lynch (1981).

1. Sự sống còn;
2. Nhạy cảm;
3. Phù hợp hoặc tương thích;

⁽¹⁾ Kim Quảng Quân. Thiết kế đô thị có minh họa. NXB Xây dựng, năm 2000 (người dịch Đặng Thái Hoàng).

- 4. Thuận lợi;
- 5. Kiểm soát;
- 6. Đặc trưng;
- 7. Tầm nhìn;
- Tiêu chí đo được:
 - A. Môi trường tự nhiên;
 - 1. Khí hậu;
 - 2. Năng lượng mặt trời;
 - 3. Độ ẩm;
 -
 - B. Hình thể
 - 1. Độ cao
 - 2. Khối tích;
 - 3. Mật độ sàn;
 - 4. Khoảng lùi;
 - 5. Độ che phủ.

Sản phẩm

Những sản phẩm chính, ngoài các bản vẽ thiết kế chi tiết, bản đồ, hình ảnh,... mang tính vật thể. Các sản phẩm này còn phải được thể hiện bằng những công cụ sau để có thể thực hiện thiết kế đô thị trong thực tế:

- 1. Chính sách;
- 2. Kế hoạch;
- 3. Hướng dẫn;
- 4. Chương trình.

Thể chế và những vấn đề liên quan

Tổ chức

Vấn đề tổ chức thực hiện thiết kế đô thị trong hệ thống quản lý đô thị từ quy hoạch đến kế hoạch và thực hiện đang đòi hỏi sự ra đời một thể chế rõ ràng để nâng cao chất lượng đô thị.

Thể chế bao gồm từ hệ thống bộ máy hành chính, công cụ và tài chính.

Khung hành chính để thực hiện thiết kế đô thị (theo H. Shirvani) có hai loại:

- Tổ chức có chức năng quản lý về hành chính.
- Cơ quan kỹ thuật thành phố thực hiện thiết kế đô thị.

Hiện nay, các thành phố đang tổ chức bộ máy hành chính quản lý thiết kế đô thị theo các hướng: 1. Ủy ban nhân dân thành phố; 2. Khu vực 3 - nhóm cho mô hình hoạt động kết hợp giữa đầu tư và nghiên cứu; 3. Kết hợp hai loại này. Nhưng các mô hình này cần kết hợp với khu vực tư nhân để dẫn đến thành công việc thực hiện thiết kế đô thị trong quá trình xây dựng.

Việc thành lập tổ chức thiết kế đô thị của một thành phố là cần thiết: Tổ chức này cần có mối liên hệ trực tiếp với các nhà quản lý đô thị, cơ quan quản lý đô thị, chủ tịch Ủy ban nhân dân (thị trưởng), đủ năng lực thiết kế và tài chính, có phạm vi hoạt động rõ ràng và liên hệ chặt chẽ giữa khu vực đầu tư tư nhân và công cộng.

Qua nhiều kinh nghiệm thành công và thất bại của các thành phố, bài học dẫn đến sự thành công là:

Lập chương trình kế hoạch tốt:

- Mục đích rõ ràng;
- Thiết lập quy trình (hướng dẫn thiết kế, các bước logic...);
- Chương trình tài chính được phát triển tốt;
- Tham gia của công dân;
- Vận động;

Công cụ:

1. Cơ chế khuyến khích, thưởng hay là sự trả giá vì vẻ đẹp đô thị:

- Chính quyền thành phố cần đưa ra các quy định, luật và thể chế tương thích từng thành phố để nhằm phát triển xây dựng thành phố mình theo đặc trưng riêng. Vì vậy cần có các vùng thưởng (incentive zoning) như việc cho phép tư nhân xây nhà lớn hơn so với quy định (ở mức độ cho phép) để đổi lấy việc tư nhân trả lại cho thành phố những giá trị khác như: quảng trường, khoảng lùi, không gian mở, mở rộng vỉa hè hoặc cho phép bán hàng tầng trệt...

- Vùng xác định các tiêu chuẩn nhất định (performance zoning) cũng được coi như là thành công trong việc tổ chức môi trường sống tốt hơn. Các điều kiện về ánh sáng, tiếng ồn, độ rung, năng lực hạ tầng,....

- Khu vực đặc biệt dành để bảo vệ hay bảo tồn, cũng như có các yêu cầu khác của thành phố đều yêu cầu những thiết kế đặc thù. Vì vậy phải có những cơ chế, quy định đặc biệt cho khu vực này.

- Chuyển quyền phát triển liên quan đến quyền lợi của các nhà đầu tư khi nhà nước mong muốn bảo tồn khu vực nào đó mà đụng chạm đến quyền phát triển của họ. Việc chuyển đến vị trí khác (đền bù) thích đáng ở nơi mới là một giải pháp tốt.

- Quy định về biển báo, quy định tạm thời hay quy định chống phá hủy đều có tác dụng theo các trường hợp khác nhau áp dụng trong thiết kế đô thị khá thành công.

2. Các văn bản, hướng dẫn:

- Các chính sách, kế hoạch, và chương trình;
- Các văn bản hành chính - quy định;
- Các hướng dẫn;
- Các tài liệu tham khảo.

3. Tài chính:

- Tiếp thị thành phố;
- Cơ chế tài chính cơ bản;
 - + Sử dụng cơ cấu thuế;
 - + Công trái - phiếu nợ;
 - + Cơ chế vay.
- Hợp tác khu vực nhà nước và tư nhân cùng phát triển.

Kết luận và kiến nghị

Thiết kế đô thị là một bộ môn khoa học, ra đời cùng với sự hình thành đô thị và dần dần được tách ra, nâng lên như một nghệ thuật tổ chức không gian sống của con người trong đô thị trong quá trình nghiên cứu khoa học về tổ chức không gian đô thị.

Nghệ thuật thiết kế đô thị ở Việt Nam đang được quan tâm, Bộ Xây dựng đang giao cho Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn nghiên cứu và áp dụng vào trong quy trình quy hoạch xây dựng đô thị nhằm cải thiện rõ rệt hình ảnh đô thị ở Việt Nam theo từng mặt riêng biệt và đáp ứng nhu cầu về thẩm mỹ đô thị của cộng đồng.

Sẽ còn nhiều vấn đề chung quanh việc hình thành bộ môn về khoa học và nghệ thuật xây dựng đô thị này. Hy vọng rằng các nhà quy hoạch và kiến trúc cùng tham gia vào một sân chơi vì vẻ đẹp của các đô thị Việt Nam trong tương lai.

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc. Số 6(92)/2001.

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

HƯỚNG TỚI SỰ HOÀN MỸ TRONG ĐÔ THỊ

KTS. Ngô Trung Hải

1. Thiết kế đô thị - khái niệm chung

Khái niệm về thiết kế đô thị có lẽ đã được hình thành ngay từ khi *đô thị* và *quy hoạch đô thị* ra đời. Tùy từng niên đại hay nền văn hóa mà khái niệm này được hiểu và sử dụng trong thực tế xây dựng khác nhau dựa trên lòng mong muốn hay khả năng của từng đô thị. Sự tồn tại của thiết kế đô thị có thể hình thành trên hai ý niệm triết học: vô thức (unself - conscious) và hữu thức (self-conscious) tùy theo người dân có ý thức hay vô thức hành động như một nhà thiết kế xây dựng các công trình trong đô thị. Một Michelangelo đã thiết kế quảng trường Piazza di Campidoglio ở Roma vào thế kỷ XVI đã hoàn toàn dựa trên những nguyên tắc thẩm mỹ chặt chẽ hay có thể có một quảng trường nhỏ nào đó trong các khu phố cổ được hình thành trong quá trình xây dựng hoàn toàn tự nhiên và trải qua nhiều thế hệ người dân sống ở khu vực đó.

Nhìn nhận một cách đơn giản thiết kế đô thị thực chất liên quan đến hình dạng (form) của các khu vực đô thị hóa (urbanized area) - chính là điều Kevyn Lynch đã mô tả là *hình ảnh đô thị (image of city)*, *sự sáng tạo thẩm mỹ về không gian kiến trúc của cư dân thành phố để tạo nên đặc trưng riêng biệt của từng đô thị*. Khoảng năm 1960, Kevyn Lynch đã ghi nhận dấu ấn của thiết kế đô thị bằng việc nhận thức rõ nét mối quan hệ giữa hình thể đô thị và nhận thức của cộng đồng trong từng yếu tố tạo nên chính hình ảnh đô thị mà chúng ta cảm nhận được.

Có những nhân tố cấu thành hình ảnh của đô thị theo Kevyn Lynch:

1. Hướng tuyến (Paths) - 2. Khu vực (Districts) - 3. Cạnh biên (Edge) - 4. Nút (Node) - 5. Điểm nhấn (Landmark) - 6. Mối liên quan giữa các nhân tố (element interrelation) - 7. Chất lượng hình ảnh (Image quality).

Hiểu về thiết kế đô thị có thể đứng từ các góc độ khác nhau để nhìn nhận các góc cạnh của một ngành nghệ thuật tổ chức không gian cho cuộc sống như:

- Không gian: thiết kế đô thị được quan tâm nhiều qua hình thể đô thị dưới góc độ không gian 3 chiều (3D) như chiều cao, chiều rộng hay chính là khối tích công trình.

- Quá trình: Thiết kế đô thị là một giai đoạn của quy hoạch đô thị (bao gồm cả quy hoạch sử dụng đất - 2 chiều và quy hoạch không gian - 3 chiều) và cụ thể hóa hơn trên phương diện tổ hợp không gian kiến trúc. Nhà thiết kế đô thị nổi tiếng Jonathan Barnett có so sánh giữa *quy hoạch sử dụng đất* (Land use planning) và *thiết kế công trình* (building design) còn có khoảng trống nhiều khi chưa có bộ môn nào giải quyết và ông coi thiết kế đô thị chính là chiếc cầu (bridge) nối giữa hai khoảng trống này.

- Quản lý: Thiết kế đô thị là một bộ phận của công tác quan trọng - quản lý đô thị nhằm thể chế hóa cũng như kích thích kinh tế đô thị phát triển trong chiến lược "*kinh doanh và quản lý không gian*" trong đô thị được kết hợp chặt chẽ dưới góc độ thẩm mỹ.

Hay theo tôi, nhìn chung có thể định nghĩa: *Thiết kế đô thị chính là nghệ thuật của việc tạo không gian sinh hoạt cho con người (the art of making places for people).*

Có nhiều khái niệm, định nghĩa khác nhau về thiết kế đô thị từ nhiều góc độ, nhưng khái niệm về thiết kế đô thị sẽ liên tục được bổ sung và phát triển cùng mọi thăng trầm của quá trình đô thị hóa. Nếu quá trình hình thành đô thị tựa như quá trình làm đẹp của kỹ nghệ may mặc mà người ta thường gọi là *mốt* (fashion), con người cũng sẽ biết làm đẹp dần chỗ ở của mình bằng nghệ thuật thiết kế tổ hợp không gian - đó là thiết kế đô thị (Urban Design).

Hiện nay, còn có những hiểu lầm là ở Việt Nam đã có bộ môn thiết kế đô thị và các nhà quy hoạch đô thị đã làm. Thực chất, chúng ta mới chỉ làm một số yếu tố trong quá trình thiết kế đô thị hiện đại và hơn nữa chưa có đồ án nào chính thức mang tên thiết kế đô thị cho các đô thị. Vì theo các nhà nghiên cứu thiết kế đô thị trên thế giới ở các quốc gia như Mỹ, Australia, Nhật Bản.... nhận định nghệ thuật thiết kế đô thị ra đời thực sự như một ngành chuyên môn có chỗ đứng trong thế giới của Nghệ thuật tổ chức không gian đô thị từ những năm 60 của thế kỷ XX.

Các chuyên gia quy hoạch Bộ Xây dựng đang nghiên cứu đưa thiết kế đô thị vào Chương *Quy hoạch xây dựng* của Dự thảo *Luật Xây dựng* để trình Quốc hội phê chuẩn và chuẩn bị đưa vào quy trình lập các đồ án quy hoạch đô thị. Việc tiến hành thiết kế đô thị ở mỗi quốc gia có những điều kiện, quy trình và hệ thống quy hoạch đô thị nói chung khác nhau. Qua tìm hiểu nhiều tài liệu của các nhà thiết kế đô thị trường phái Australia như ở Melbourne hay Sydney và Mỹ, đặc biệt là Trung Quốc - một quốc gia có hệ thống quy

hoạch đô thị tương đối phù hợp với Việt Nam, ta có thể tạm chia thiết kế đô thị thành hai loại chủ yếu sau đây để có thể áp dụng trong quy trình quy hoạch ở Việt Nam hiện nay. Đây là quá trình hợp nhất dần dần những loại hình quy hoạch nước ngoài ở Việt Nam để hòa đồng và phù hợp với hoàn cảnh đô thị ở Việt Nam.

2. Loại hình thiết kế đô thị có thể áp dụng ở Việt Nam

a) Thiết kế đô thị tổng thể - (General Urban Design - GUD)

- Thiết kế đô thị tổng thể là loại hình thiết kế tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cho tổng thể đô thị hoặc một khu vực rộng lớn nhằm thể hiện chi tiết các yếu tố tạo nên hình ảnh chính của đô thị trên cơ sở những định hướng chủ đạo về không gian đã xác định trong đồ án Quy hoạch chung thành phố.

b) Thiết kế đô thị khu vực - (District Urban Design - DUD)

- Thiết kế đô thị khu vực là một loại hình thiết kế không gian kiến trúc cảnh quan chi tiết cho một khu vực nhỏ của đô thị như trung tâm công cộng, quảng trường, trục phố, khu nhà ở hay công viên... nhằm kết hợp có hiệu quả giữa tổ hợp các công trình kiến trúc và không gian trống trên cơ sở những định hướng về không gian đã được xác định trong thiết kế đô thị tổng thể và quy hoạch chi tiết sử dụng đất.

3. Sản phẩm

Có hai loại sản phẩm chủ yếu.

a) Sản phẩm là bản vẽ

- Đối với thiết kế đô thị tổng thể: có nhiều loại bản vẽ khác nhau để thể hiện được hình ảnh chung của đô thị trong tương lai nhằm có được cơ sở khoa học về lý luận hình ảnh và các yếu tố cấu thành không gian cảnh quan của toàn thành phố như cơ cấu hình thái địa lý cảnh quan không gian, bố cục không gian công cộng, không gian làm việc, ở và nghỉ ngơi, hình bóng (silhouette) theo 3 chiều, không gian bảo tồn, phát triển cao thấp tầng...

- Đối với thiết kế đô thị khu vực: có nhiều loại bản vẽ khác nhau để thực hiện được không gian một cách chi tiết khu vực thiết kế và có những cơ sở khoa học phân tích những không gian thiết kế cụ thể. Các bản vẽ này sẽ thể hiện nhiều hình thái chi tiết quần thể kiến trúc, không gian công cộng - không gian trống, các công trình hạ tầng đô thị có đóng góp đến cảnh quan

kiến trúc khu vực, cây xanh, kiến trúc nhỏ đường phố, màu sắc, chiếu sáng, biển quảng cáo, tượng - tranh và xây dựng phong cách kiến trúc riêng của khu vực đó.

b) Sản phẩm là thuyết minh - chính sách, hướng dẫn

- Các thuyết minh - Hướng dẫn kèm theo các bản vẽ trên sẽ là phần giải trình những nghiên cứu nói chung trong đồ án.

- Thiết kế đô thị nói chung sẽ có những chính sách về quản lý - khai thác không gian đô thị để các nhà quy hoạch và quản lý đô thị sử dụng như những cẩm nang thiết kế hoặc cơ sở để cấp phép, quản lý, khuyến khích việc xây dựng và quản lý xây dựng.

Còn nhiều lý luận về thiết kế đô thị trên thế giới đang phát triển đồng thời với tiến trình đô thị hóa và mong muốn nâng cao chất lượng hình ảnh cuộc sống trong đô thị, kể cả xây dựng mới và cải tạo. Xin hãy để nghệ thuật thiết kế đô thị được sống và phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam như tâm nguyện hướng tới sự hoàn mỹ trong đô thị.

Nguồn: Tạp chí Quy hoạch - xây dựng. Số 1(2)/2003

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ VÀ GIÁO SƯ JON LANG

KTS. Ngô Trung Hải

Giáo sư Jon Lang - hiện nay là giảng viên khoa thiết kế đô thị trường Đại học Tổng hợp New South Wales và được mời làm thành viên Ban giám khảo cuộc thi ý tưởng quy hoạch Khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm. Từ góc độ riêng của mình về khái niệm thiết kế đô thị đối với khu trung tâm mới như Thủ Thiêm, ông đã đem đến sự trao đổi mạnh mẽ trong Ban Giám khảo, thậm chí gay gắt và xung đột.

Được biết tên tuổi của ông qua những cuốn sách viết về thiết kế đô thị như cuốn *Urban Design in America: the experience* và một số tài liệu giảng dạy khác. Viện Quy hoạch đô thị - Nông thôn đã mời ông đến thăm Viện ngày 23/6/2003 và thuyết trình về thiết kế đô thị. Sự hấp dẫn của buổi thuyết trình đã lôi cuốn hơn 100 kiến trúc sư và nhiều nhà nghiên cứu quy hoạch đô thị từ Viện Quy hoạch ĐTNТ, Công ty Nagecco, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Viện Quy hoạch Hà Nội, Hội quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam, Hội kiến trúc sư Việt Nam ...

Giáo sư đã vui mừng nhận ra sự chuyển biến nhận thức của các nhà quy hoạch đô thị Việt Nam về khái niệm tổ chức không gian sống cho người dân đô thị. Sự chuyển đổi về nhận thức căn bản giữa khái niệm Quy hoạch đô thị hiện nay ở Việt Nam vốn chủ yếu tập trung vào khía cạnh sử dụng đất (land use planning) nhiều hơn là phần không gian của kiến trúc đô thị. Có lẽ phần nào việc thả nổi để cho thị trường mặc sức hoành hành xây dựng đã tạo nên bộ mặt đô thị rất lộn xộn như hiện nay. Trên đường ra sân bay Tây Sơn Nhất, ông đã bình luận về không gian đang được người dân thành phố sử dụng gần như triệt để, còn thiếu những không gian công cộng hoặc tối thiểu phần vỉa hè dành cho người đi bộ hiện đang bị chiếm dụng bởi vô vàn đồ nghề sinh nhai. Thành phố không có nhịp điệu về kiến trúc do thiếu bàn tay sắp xếp của các nhà thiết kế đô thị thực sự.

Thật khác với những buổi trình bày khác, ngay từ khi gặp gỡ với cử tọa, ông đã bất ngờ đưa ra những câu hỏi thông qua 2 hình ảnh khác nhau về một công viên và sự tác động ít hay nhiều của con người. Trong toàn bộ buổi

thuyết trình, ông đã lôi cuốn người nghe bởi rất nhiều hình ảnh slide mà ông đã dày công thu thập, tham gia nghiên cứu, thiết kế về thiết kế đô thị và cách tham gia của người nghe bằng các câu hỏi đột ngột từ phương diện lý thuyết hiện đại về thiết kế đô thị và thực tiễn xây dựng, từ khái niệm đến phân loại đồ án thiết kế đô thị, từ nghệ thuật sắp đặt không gian đến tổ chức xã hội. Nhiều minh họa điển hình để làm nổi bật ý tưởng định diễn tả là một bài học quý giá từ một chuyên gia dày dặn kinh nghiệm thực tế và nhuần nhuyễn trong phương thức truyền thụ kiến thức - giáo sư của một trường đại học danh tiếng. Một ví dụ, giáo sư nói tới "nhập khẩu" kiến thức về thiết kế đô thị với hai slide: Quy hoạch tổng thể của Paris và thủ đô Washington đã cho ta thấy hình như hai hình ảnh này có những nét tương đồng mà ai cũng nghĩ rằng Paris có trước Washington, nhưng thực ra quy hoạch Washington lại có trước Paris - và bất ngờ là kiến trúc sư thiết kế thủ đô của nước Mỹ lại có quốc tịch Pháp !

Ví dụ khác về quá trình hình thành Khu Battery Park ở New York (Mỹ) với quá trình tham gia của các nhà đầu tư trong việc ra quyết định của Lãnh đạo thành phố, nghệ thuật tổ chức kiến trúc ven biển với khái niệm waterfront. Quan niệm về dân chủ trong phương thức chia sẻ không gian công cộng cũng được ông đề cập khá nhiều trong quá trình biện luận.

Một câu hỏi đơn giản từ phía cử tọa là: khái niệm thiết kế đô thị có từ bao giờ? Ông nhẹ nhàng giải thích với tư cách mình là một trong những chứng nhân lịch sử của quá trình hình thành khái niệm: Urban Design. Thuật ngữ này thực sự ra đời vào những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ X, còn con người đã biết làm không gian cho mình ở đô thị từ khi khái niệm đô thị hóa ra đời ! Sự vô thức và hữu thức cũng tồn tại trong đời sống thiết kế.

Hy vọng sẽ được cùng ông thực hiện nghệ thuật tổ chức không gian sống cho các đô thị ở Việt Nam trong quá trình đô thị hóa qua nghệ thuật thiết kế đô thị ở Việt Nam.

Nguồn: Tạp chí Quy hoạch - xây dựng. Số 3(4)/2003.

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - VẤN ĐỀ KHÔNG MỚI NHƯNG...

PGS.TS. Đỗ Đức Viêm
(Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam)

Bổ sung nội dung thiết kế đô thị như một khâu công việc cần phải coi trọng đúng mức trong quá trình quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị ở nước ta đang trở thành một vấn đề cần thiết hiện nay.

Những năm gần đây, vấn đề thiết kế đô thị (Urban Design) được đề cập nhiều trong giới kiến trúc - quy hoạch nói riêng và trong xã hội hiện đại nói chung ở nhiều nước trên thế giới. Mặc dù vậy, quan điểm và phương pháp nhận thức thuật ngữ này cũng như những nghiên cứu lý luận về thiết kế đô thị như một môn khoa học chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng đô thị cũng chưa phải đã hoàn toàn thống nhất.

Từ các tài liệu có liên quan, chúng ta có thể thấy rằng, hoạt động thiết kế đô thị được hình thành và từng bước phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của đô thị trong xã hội loài người như một nhu cầu thực tế của công tác xây dựng đô thị. Tuy nhiên, hoạt động này phát triển để hình thành một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, trở thành một chuyên ngành trong lĩnh vực xây dựng và phát triển đô thị thì có lẽ mới chỉ từ mấy thập kỷ gần đây, khi quy mô và mức độ phức tạp của công tác xây dựng đô thị hiện đại đang đòi hỏi.

Đối với Việt Nam chúng ta, tình hình cũng tương tự. Nhiều nội dung của công tác thiết kế đô thị đã được đặt ra và giải quyết trong các đồ án quy hoạch. Vì vậy, đây không phải là vấn đề mới. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, cũng như ở nhiều nước khác trên thế giới, vấn đề thiết kế đô thị cần được đặt ra nhằm giải quyết công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị mà thực tế đòi hỏi một cách có hiệu quả hơn. Do đó, vấn đề thiết kế đô thị ở Việt Nam gần đây đang được quan tâm. Nhiều cán bộ chuyên môn về quy hoạch đã đề cập vấn đề này tại một số diễn đàn khá sôi nổi. Điển hình là Hội thảo của đề tài nghiên cứu khoa học "Thiết kế đô thị - nghiên cứu và áp dụng trong quy hoạch xây dựng đô thị ở Việt Nam" của Viện Quy

hoạch Đô thị - Nông thôn (Bộ Xây dựng) do Thạc sĩ, kiến trúc sư Ngô Trung Hải chủ trì vào giữa tháng 9 năm 2001.

Để có thể vận dụng các lý thuyết về thiết kế đô thị vào điều kiện thực tế ở nước ta một cách có hiệu quả, tránh tình trạng sao chép cứng nhắc, song song với việc truyền tải những kiến thức này từ bên ngoài vào, chúng ta cũng cần phải trao đổi, nghiên cứu để lựa chọn những gì tinh túy nhất, phù hợp nhất với điều kiện cụ thể của nước ta; đồng thời cũng có thể có những vấn đề thực tế, đòi hỏi phải có cách giải quyết riêng, xuất phát từ tình hình cụ thể tại các đô thị của nước ta, nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế trong công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị của Việt Nam.

Xuất phát từ những suy nghĩ nêu trên, thời gian vừa qua, chúng tôi đã tìm hiểu một số tài liệu có liên quan đến thiết kế đô thị của nước ngoài, đồng thời trao đổi với một số đồng nghiệp và mạnh dạn nêu vấn đề này trên cơ sở những hiểu biết còn hạn chế của cá nhân, như những ý phác thảo sơ bộ về vấn đề này trong điều kiện cụ thể của nước ta, với hy vọng cùng nhau trao đổi để đi đến những cách nhìn nhận vấn đề một cách đầy đủ, sát thực với bản chất của nó và phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

Trước khi trao đổi chi tiết những vấn đề về công tác thiết kế đô thị, chúng ta hãy tìm hiểu sơ bộ về thuật ngữ này từ các tư liệu nước ngoài. Có học giả cho rằng *"Thiết kế đô thị chủ yếu nghiên cứu thiết kế và bố cục quy hoạch không gian xung quanh công trình kiến trúc hoặc giữa các công trình kiến trúc, bao gồm những yếu tố không gian ba chiều tương ứng hình thành, như phong cảnh hoặc địa hình"*. Theo *"Anh quốc đại bách khoa toàn thư"*, thì *"Mục đích chủ yếu của thiết kế đô thị là cải tiến chất lượng môi trường không gian của nhân loại, từ đó cải tiến chất lượng cuộc sống của con người"*.

Ở phương Đông, cuốn *"Trung Quốc đại bách khoa toàn thư"* định nghĩa *"Thiết kế đô thị là công tác thiết kế đối với môi trường đô thị"*. Tập *"Tiêu chuẩn thuật ngữ cơ bản về quy hoạch đô thị"* của Trung Quốc, giải thích một cách chi tiết hơn: *"Thiết kế đô thị là sự sắp xếp và những ý tưởng tổng thể đối với môi trường không gian và hình thể của đô thị, quán xuyên toàn quá trình quy hoạch đô thị"*.

Như vậy, có thể thấy rằng, về từ ngữ, mặc dù có thể còn có cách biểu đạt khác nhau, song về cơ bản, thiết kế đô thị đều nói tới môi trường không gian và hình thể của đô thị, những yếu tố vật thể có thể nhận biết được

bằng quan sát, cảm nhận. Nó luôn có mối quan hệ chặt chẽ với công tác quy hoạch đô thị và thiết kế các công trình kiến trúc, thiết kế các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Nhìn lại lịch sử, hoạt động thiết kế đô thị (như nội dung mà chúng ta quan niệm hiện nay) luôn được triển khai cùng với hoạt động quy hoạch đô thị, làm căn cứ cho hoạt động thiết kế kiến trúc cũng như xây dựng đô thị, nhưng trước đây quy hoạch và thiết kế đô thị được hiểu chung làm một. Mãi tới cuối thế kỷ XX, thiết kế đô thị mới trở thành một lĩnh vực chuyên sâu được nhiều nhà chuyên môn quan tâm nghiên cứu một cách độc lập.

Với tư cách là một lĩnh vực chuyên sâu trong công tác xây dựng đô thị, thiết kế đô thị nhằm tạo nên một môi trường xã hội và môi trường không gian vật chất thuận tiện trong sử dụng, hài hòa về mặt cảnh quan, tạo điều kiện thoải mái, vệ sinh cho con người tồn tại và hoạt động. Có thể nói rằng thiết kế đô thị nhằm tạo ra một trật tự hữu cơ hướng tới sự hoàn mỹ cho cả không gian vật thể và hoạt động xã hội trong đô thị. Chính vì thế, cũng như công tác quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị mang tính tổng hợp đa ngành, nhằm đáp ứng yêu cầu cho một cơ cấu môi trường không gian đô thị hợp lý, phát triển hài hòa.

Cũng như nhiều nước khác trên thế giới, ở nước ta trong giai đoạn đã qua, nhiều nội dung của thiết kế đô thị được bao gồm trong nội dung quy hoạch đô thị. Có điều, cho đến nay, ngoài những hoạt động như đã nêu trên, chúng ta còn chưa có những công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề thiết kế đô thị phục vụ cho thực tiễn của đất nước.

Về nội dung của công tác thiết kế đô thị, đề tài nghiên cứu khoa học của Viện Quy hoạch đô thị - Nông thôn (Bộ Xây dựng) đã đề cập khá chi tiết. Vì vậy, tiếp theo đây sẽ chủ yếu bàn về mối quan hệ giữa thiết kế đô thị với quy hoạch đô thị và thiết kế công trình kiến trúc, như những khâu công việc chuyên môn trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị. Chúng ta sẽ cùng nhau quan sát, nhận xét để từ đó có thể đi đến thống nhất với nhau về nhận thức trong phạm vi chuyên ngành, góp phần cập nhật thông tin về thiết kế đô thị để các đồng nghiệp cùng tham khảo.

Mối quan hệ giữa quy hoạch và thiết kế đô thị

Quy hoạch đô thị tạo ý tưởng chỉ đạo và làm căn cứ cho thiết kế đô thị, còn thiết kế đô thị thì sáng tạo nên không gian và hình tượng đô thị. Cũng

có thể nói rằng, thiết kế đô thị là sự kế tục và cụ thể hóa của quy hoạch đô thị. Hai công việc này có những nét giống nhau, nhưng cũng có những nét khác nhau.

Điểm giống nhau giữa thiết kế đô thị và quy hoạch đô thị là ở chỗ tư tưởng chỉ đạo và mục tiêu cơ bản là thống nhất. Cả hai đều mang tính tổng hợp và tính hoàn chỉnh, đều đòi hỏi phải có sự dung hòa và hợp tác của nhiều chuyên ngành, nhiều bộ môn trong quá trình triển khai và trong phương pháp công tác.

Điểm khác nhau giữa thiết kế đô thị và quy hoạch đô thị là ở chỗ: quy hoạch đô thị thực chất mang tính chất kế hoạch, nghiêng về vĩ mô, lấy các yếu tố xã hội, kinh tế, môi trường làm nội dung nghiên cứu chủ yếu. Vì vậy, quy hoạch đô thị biểu hiện tính chiến lược. Nó mang tính pháp định bởi những nguyên tắc được xác định trên bản đồ và các văn bản thuyết minh. Còn thiết kế đô thị thì thực chất mang tính thiết kế, nghiêng về vĩ mô, nhằm tạo hiệu quả cục bộ, lấy môi trường không gian hình thể của đô thị làm nội dung nghiên cứu chính. Vì vậy, thiết kế đô thị biểu hiện tính *chiến thuật*. Nó có tác dụng chỉ đạo cụ thể đối với công tác thiết kế xây dựng đô thị.

Trong giai đoạn quy hoạch tổng thể, thiết kế đô thị quan tâm tới yêu cầu bảo vệ và sử dụng hợp lý môi trường sinh thái của đô thị như địa hình, mặt nước sông, hồ, bờ biển.... Nhằm đảm bảo quan hệ hài hòa giữa môi trường sinh thái và khu vực xây dựng, tỷ lệ hợp lý giữa môi trường đô thị với đồng ruộng xung quanh. Mặt khác, còn quan tâm tới vấn đề bảo vệ và tận dụng các di sản, cảnh quan truyền thống của đô thị, đảm bảo yêu cầu về mỹ quan đối với các quần thể kiến trúc chủ yếu, phát huy những đặc điểm riêng biệt của địa phương, những nét đặc trưng và cảnh quan chung của đô thị. Trên cơ sở đó, tiến hành phân cấp và phân bố hợp lý mạng lưới các loại không gian công cộng chủ yếu trong đô thị, phân bố hợp lý các hoạt động của dân cư trong đô thị và mối liên hệ giữa các khu vực với nhau: đồng thời nó cũng nghiên cứu để xác định các giải pháp đảm bảo và nâng cao chất lượng môi trường đô thị, như mạng lưới cây xanh, công viên, các trọng điểm cảnh quan đô thị...

Trong giai đoạn quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị phân tích môi trường tự nhiên của khu vực thiết kế và các khu vực lân cận, xuất phát từ góc độ cải thiện chất lượng môi trường đô thị nhằm thích nghi với hoạt động của con

người, đề xuất phương án về ý tưởng trong việc tận dụng hiện trạng cũng như trong cải tạo. Căn cứ vào nội dung hoạt động của con người để bố trí, sắp xếp các khu tĩnh và động trong khu vực không gian công cộng. Công việc nêu trên bao gồm thiết kế môi trường nước, các không gian tụ tập, phân tán, quan sát, dừng chân, giao thông... bao gồm cả các không gian trên mặt đất và ngầm dưới đất (nếu có) đáp ứng yêu cầu hoạt động của con người trong không gian công cộng đô thị. Mặt khác, chú ý tới giải pháp phân cách và tiếp nối giữa các không gian lân cận với nhau, các không gian chuyển hướng, các biểu tượng chủ yếu, tượng đài, vòi phun, hồ nước, chiếu sáng... thuộc lĩnh vực cảnh quan trong khu vực thiết kế. Trong trường hợp khu vực thiết kế có các di sản cần bảo vệ, thiết kế đô thị còn cần hoạch định phạm vi của khu vực bảo vệ. Trên cơ sở nêu trên, xác định giới hạn khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng và cho phép xây dựng.

Mối quan hệ giữa thiết kế đô thị và thiết kế kiến trúc

Thiết kế đô thị tạo ý tưởng chỉ đạo và cái khung cho thiết kế kiến trúc, còn thiết kế kiến trúc thực hiện, hoàn thiện và làm phong phú thêm những ý tưởng của thiết kế đô thị. Thiết kế kiến trúc quan tâm chủ yếu tới tỷ lệ, kích thước, các chi tiết cấu tạo... của bản thân công trình kiến trúc.

Với mối quan hệ như trên đã nêu, thiết kế đô thị mang tính chỉ đạo đối với công tác thiết kế các công trình kiến trúc trong đô thị. Tính chỉ đạo của công tác thiết kế đô thị đối với công tác thiết kế công trình kiến trúc thể hiện ở các mặt chủ yếu sau:

1. Định vị: Bao gồm việc xác định vị trí cụ thể của công trình kiến trúc trong một phạm vi không gian cụ thể của đô thị, hướng chủ đạo của công trình, cổng hoặc cửa ra chủ yếu của công trình...

2. Định lượng: Bao gồm khối tích của công trình và tỷ lệ thích hợp của không gian xung quanh phụ thuộc công trình.

3. Định hình: Bao gồm các yêu cầu về hình thức, phong cách kiến trúc sao cho hài hòa với cảnh quan chung của khu vực đô thị mà công trình tồn tại.

4. Định nhịp điệu: Bao gồm sắc độ, tiết tấu của công trình trong mối quan hệ với cảnh quan chung toàn khu vực.

Để đảm bảo sự phối hợp hài hòa trong các bước thiết kế, kiến trúc sư công trình cần có quan niệm về tính tổng thể: công trình kiến trúc là bộ phận

cấu thành trọng yếu của môi trường không gian đô thị. Vì vậy, kiến trúc sư cần xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa công trình kiến trúc với không gian đô thị mà trong đó công trình được xây dựng.

Mặt khác, kiến trúc sư công trình cũng cần có quan niệm đầy đủ về môi trường: công trình kiến trúc cần phải hòa nhập với môi trường xung quanh. Vì vậy, kiến trúc sư cần tôn trọng môi trường tự nhiên, tôn trọng những di sản, hoạt động... mang tính nhân văn và tôn trọng môi trường không gian vật chất tồn tại xung quanh khu vực xây dựng công trình kiến trúc.

Ngoài vai trò đối với thiết kế kiến trúc như đã nêu trên, thiết kế đô thị còn mang tính chỉ đạo đối với các hạng mục thiết kế chuyên đề trong tất cả các không gian công cộng, như thiết kế cây xanh, thiết kế đường giao thông, thiết kế các kiến trúc nhỏ, điêu khắc, quảng cáo, chiếu sáng..., từ đó có thể tạo nên môi trường không gian đô thị đẹp, hài hòa và hoàn chỉnh.

Từ những quan sát và phân tích nêu trên, chúng ta có thể thấy mối quan hệ gắn bó giữa công tác thiết kế đô thị với công tác quy hoạch đô thị và thiết kế kiến trúc công trình.

Nhìn lại nội dung các công việc về quy hoạch xây dựng đô thị mà chúng ta đã tiến hành trong những năm qua, đối chiếu với công việc mà các đồng nghiệp của chúng ta ở các nước khác đã làm có thể thấy rằng, ở những quốc gia phát triển, vấn đề thiết kế đô thị đã được nghiên cứu khá nhiều về mặt lý thuyết, và đương nhiên, những vận dụng của họ vào thực tế để góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quy hoạch xây dựng đô thị sớm hơn. Nhưng trước đó, nhiều nội dung của thiết kế đô thị cũng được đặt ra và giải quyết trong các đồ án quy hoạch tương tự như chúng ta đã làm trong giai đoạn đã qua.

Vì vậy, bổ sung nội dung thiết kế đô thị như một khâu công việc cần phải được coi trọng đúng mức trong quá trình quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị ở nước ta đang trở thành một vấn đề cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Muốn thế, vấn đề này phải được chính thức đưa vào các quy định mang tính pháp quy của Nhà nước, đồng thời phải được triển khai thực hiện bởi các cán bộ chuyên môn thuộc các chuyên ngành trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị.

Vừa qua, đã có văn bản của nhà nước mang tính pháp quy về thiết kế đô thị. Nhưng để công việc này thực sự phát huy hiệu quả trong thực tế công tác

quy hoạch xây dựng đô thị ở nước ta, còn cần những văn bản tiếp theo với sự chuẩn bị, có lẽ cũng không ít công phu, của các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ Xây dựng cũng như sự quán triệt của các cơ quan chuyên ngành tại các địa phương. Về việc triển khai thực hiện, cần có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật chuyên ngành được trang bị kiến thức về thiết kế đô thị một cách có hệ thống.

Muốn thế, trước mắt phải có kế hoạch từng bước cập nhật kiến thức này cho các cán bộ chuyên ngành đang thực thi nhiệm vụ có liên quan tại các cơ quan chuyên ngành.

Về lâu dài, nội dung công tác thiết kế đô thị phải được trang bị một cách có hệ thống tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành ở bậc đại học trong cả nước. Điều này đòi hỏi phải có sự phối hợp không chỉ giữa các cơ sở đào tạo có liên quan, mà còn cần sự phối hợp một cách có hiệu quả của Hội quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam và những viện chuyên ngành về các vấn đề lý thuyết cũng như những tư liệu thực tế có liên quan phục vụ yêu cầu đào tạo và hướng dẫn trong giới kiến trúc. Mặt khác, cũng cần sự hỗ trợ một cách tích cực của các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan trong quá trình thể chế hóa việc đưa những nội dung nêu trên vào kế hoạch đào tạo tại các trường đại học có liên quan.

Nguồn: Tạp chí Quy hoạch - xây dựng. Số 3(4)/2003.

ĐỂ CÓ MỘT THIẾT KẾ ĐÔ THỊ MANG THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM

KTS. Trương Văn Quảng
Viện Quy hoạch ĐT - NT Bộ Xây dựng

Thiết kế đô thị trước hết không phải là loại hình quy hoạch mới và cũng không phải là một khái niệm mới trong quy hoạch xây dựng đô thị. Khái niệm thiết kế đô thị về cơ bản đã được hình thành ngay từ khi đô thị ra đời và quy hoạch đô thị hình thành. Nó có thể được nhận dạng, đọc tên hoặc nghiên cứu sâu tại nhiều khu vực đô thị hóa cao, lâu đời trên thế giới. Ở Việt Nam, thiết kế đô thị cũng có thể đã được hình thành từ nhiều ngàn năm trước. Nó được gắn chặt và biểu đạt xúc tích qua tổ hợp cung điện, đền đài, lăng tẩm, trong tổ chức không gian phần "đô" và phần "thị", hoặc trong các khu đô thị cũ (theo lý thuyết quy hoạch mới của người Pháp) rất phù hợp với con người Việt Nam nhưng không kém phần đỉnh đặc, tráng lệ của các triều đại phong kiến, thuộc địa hiện còn lưu truyền trong sử sách hoặc còn tồn tại trong đô thị như một di sản văn hóa có một không hai của đất nước ta.

Chúng ta đã có dịp bình luận nhiều về thiết kế đô thị và nhắc đến "thuật phong thủy" khi cha ông chúng ta chọn đất, đặt viên gạch đầu tiên để xây dựng những "đô thị" của mình mà phần lớn chúng đều là khởi thủy, là "hạt nhân lịch sử" của các đô thị Việt Nam hiện tồn. Điều này là có cơ sở, bởi trong thực tế, các đặc điểm cơ bản của đô thị Việt cổ truyền (đô thị hiện tồn) được biểu hiện ở mối quan hệ của hai yếu tố cấu thành là phần "đô" và phần "thị". "Đô" là hình ảnh khái quát của những thành, dinh, trấn... và "thị" là hình ảnh phố và phường... Cụ thể hơn thì những đặc điểm này có biểu hiện ở các yếu tố: vị trí xây dựng đô thị được xác định theo thuyết phong thủy, trên cơ sở địa hình và điều kiện tự nhiên; có thành cổ với hệ thống hào nước bảo vệ, cung điện, dinh thự, trại lính; có chợ và khu dân cư; có nhà ở hình ống; có các công trình tôn giáo tín ngưỡng, có làng nghề...

Và chúng ta cũng đã tự đặt câu hỏi: Vậy, Kinh thành Thăng Long xưa liệu đã có một thiết kế đô thị? Kinh thành Huế nguy nga, tráng lệ, một di sản thế giới, được xây dựng khá hoàn mỹ liệu cũng đã áp dụng một phương pháp

thiết kế đô thị có tầm? Trật tự không gian các khu đô thị cũ thời Pháp thuộc của Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt... chắc hẳn cũng đã được xây dựng theo một nền thiết kế đô thị !.

Hiện tại, trong các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị (nhất là quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị) ngoài việc xác lập định hướng phát triển không gian, quy hoạch kiến trúc cảnh quan, chúng ta còn phải thiết lập các quy định về quy hoạch sử dụng đất như: mật độ xây dựng; tầng cao trung bình; hệ số sử dụng đất... Lập hồ sơ chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, các khoảng lùi tối thiểu của công trình, xác lập các trục chính không gian đô thị, các điểm nhấn là các công trình chủ đạo, các quy định về khối tích, chiều cao, màu sắc công trình, lắp đặt các thiết bị, quảng cáo.. và điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch v.v... Các loại công việc này về cơ bản đều biểu đạt ý nghĩa của loại hình thiết kế đô thị. Tất cả tuy còn "mờ" và chưa thật "rõ" so với tổng thể bộ môn thiết kế đô thị nhưng cũng đã thu được những thành công nhất định. Chẳng hạn như chất lượng trật tự không gian trong các đơn vị ở thời bao cấp: Trung Tự, Thành Công, Giảng Võ, hay trong các khu đô thị mới Định Công, Linh Đàm (Hà Nội), khu trung tâm mới thị xã Bắc Ninh, khu đô thị - du lịch Hùng Thắng (Quảng Ninh), khu trung tâm thị trấn Côn Đảo hiện nay... (Nếu không các đô thị của chúng ta còn có xu hướng "chuệch choạc" hơn nhiều...).

Tuy nhiên, hiện nay, ở Việt Nam chưa thể khẳng định thiết kế đô thị đã tồn tại như một yếu tố khách quan trong hệ thống quy trình quy hoạch xây dựng đô thị. Bởi lẽ, sự hiện diện của thiết kế đô thị trong hệ thống này dường như mới chỉ "phảng phất", "ẩn nấp" hoặc "phát lộ" ở các sản phẩm cụ thể là tổ hợp cung điện, đền đài, lăng tẩm, trong các khu đô thị cũ, trong thuyết "Phong thủy" hoặc trong nội dung, quá trình lập quy hoạch hiện hành mà chưa có điều kiện để nghiên cứu phát triển thành một lý thuyết có tính khoa học dùng cho giảng dạy và hướng dẫn trong thực tế quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị. Cũng chính vì thế chúng ta chưa có một công cụ hữu hiệu để xây dựng, kiểm soát, quản lý trật tự chất lượng không gian đô thị trong môi trường phát triển mới. Bởi vậy, việc nghiên cứu áp dụng thiết kế đô thị là công việc cần thiết, quan trọng trong thời điểm hiện nay. Nhằm từng bước thoát khỏi tình trạng "chuệch choạc", không "nhạc trưởng"... trong việc nâng cao chất lượng trật tự không gian đô thị Việt Nam vào đầu thế kỷ này.

Việc nghiên cứu áp dụng cần tập trung vào nghiên cứu những khái niệm cơ bản, các yếu tố chính cấu thành nên diện mạo thiết kế đô thị, hệ thống tiêu chí và các vấn đề thể chế có liên quan đến thiết kế đô thị của nước ngoài và khả năng áp dụng vào Việt Nam. Các tài liệu nước ngoài về thiết kế đô thị có thể tham khảo với những tên tuổi lớn như Kevyn Lynch, Jonathan Barnett, Le Corbusier, Howard... Hoặc một số tài liệu khác đã được dịch đang có bán trên các quầy sách. Kết quả nghiên cứu là việc đưa ra những cơ sở lý luận, khoa học và việc lựa chọn những nội dung về phương pháp luận, những yếu tố, tiêu chí phù hợp; hay chưa phù hợp hoặc cần phải Việt hóa, hoặc kiến nghị cần phải bổ sung (trên cơ sở những yếu tố cấu thành căn bản của đô thị, hoàn cảnh kinh tế, xã hội điều kiện tự nhiên, văn hóa, lối sống cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới...) để giới thiệu đưa vào hệ thống quy trình quy hoạch đô thị ở Việt Nam. Có nghĩa là cần có sự "sáng tạo" để có một sản phẩm thiết kế đô thị mang "thương hiệu" Việt Nam. Đó chính là quan điểm của việc nghiên cứu áp dụng. Nó cần có tính thực tiễn, khoa học, có giá trị và có nhiều khả năng áp dụng vào đô thị Việt Nam.

Nội dung và cấu trúc của việc nghiên cứu áp dụng có thể tập trung vào một số điểm sau:

I. TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ, VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TRONG QUY TRÌNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ

1. Khái niệm chung về thiết kế đô thị; 2. Thực trạng công tác thiết kế đô thị (trong nước và nước ngoài); 3. Vị trí, vai trò của thiết kế đô thị trong Quy trình quy hoạch xây dựng đô thị.

+ Mối quan hệ và vai trò của thiết kế đô thị trong quy hoạch đô thị.

+ Vị trí của thiết kế đô thị trong Quy trình quy hoạch xây dựng đô thị.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHOA HỌC VỀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

1. Các vấn đề chủ yếu về thiết kế đô thị; 2. Các xu hướng lý luận (phương pháp luận) về thiết kế đô thị; 3. Hệ thống tiêu chí và các yếu tố cơ bản trong thiết kế đô thị.

+ Của nước ngoài (không gian, những yếu tố và thành phần cơ bản của thiết kế đô thị; Các nhân tố chủ yếu tạo hình ảnh; Thiết lập hệ thống tiêu chí...).

+ Của Việt Nam (Tìm trong vốn cổ: Phong thủy, phong tục, tập quán, văn hóa, lối sống, điều kiện tự nhiên...; Phương pháp quy hoạch mới của người

Pháp: trong các khu đô thị cũ như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Đà Nẵng, Đà Lạt...; Lý thuyết quy hoạch xã hội chủ nghĩa: các khu ở Kim Liên, Trung Tự, Thành Công, Linh Đàm, Định Công. Thậm chí của khu vực phía Nam thời Mỹ ngụy, nếu sưu tầm được...

+ Đề xuất mới về hệ thống tiêu chí: Các yếu tố cơ bản trong thiết kế đô thị... (Bản chất của "thương hiệu" Việt).

4. Quy trình cơ bản của thiết kế đô thị (Các bước tiến hành thực hiện một đồ án thiết kế đô thị).

5. Các dạng đồ án thiết kế đô thị (Thiết kế đô thị chung cho một đô thị: thiết kế đô thị tổng thể; thiết kế đô thị các khu chức năng đô thị: thiết kế đô thị khu vực...)

6. Sản phẩm của một đồ án thiết kế đô thị (Hệ thống bản đồ, thuyết minh...).

7. Định chế và những vấn đề liên quan (Cơ sở pháp lý để đưa thiết kế đô thị vào cuộc sống).

III. KHẢ NĂNG ÁP DỤNG LOẠI HÌNH THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TRONG QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM

1. Khả năng áp dụng trong Quy trình quy hoạch xây dựng đô thị ; 2. Loại hình, sản phẩm thiết kế đô thị có thể áp dụng (Bao gồm Quy trình thiết kế đô thị); 3. Áp dụng thí điểm (Địa chỉ áp dụng cụ thể để vận hành Quy trình thiết kế đô thị thí điểm); 4. Đào tạo và giảng dạy (Xây dựng lý thuyết, phương pháp luận về thiết kế đô thị mang "thương hiệu" Việt).

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Sự cần thiết phải có thiết kế đô thị trong Quy trình quy hoạch đô thị Việt Nam; Kiến nghị, đề xuất những giải pháp và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu về thiết kế đô thị để sớm có một thiết kế đô thị mang "thương hiệu" Việt.

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc Việt Nam. Số 2/2004.

URBAN DESIGN

LĨNH VỰC MÀ GIỚI KIẾN TRÚC VÀ CÁC NHÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VIỆT NAM ĐANG QUAN TÂM

Đặng Thái Hoàng
Trường Đại học Xây dựng

Từ trong lĩnh vực Urban Design (thiết kế đô thị) chứa đựng rất nhiều vấn đề mà giới kiến trúc Việt Nam và các nhà quản lý đô thị Việt Nam đang quan tâm, đáng quan tâm, và theo chúng tôi, chúng ta đang đặt rất nhiều kỳ vọng vào nó.

Về tầm quan trọng của Urban design, nếu chúng ta có nó, từ nay mối liên hệ giữa kiến trúc sư quy hoạch và kiến trúc sư công trình được hòa nhập vào nhau, và thiết kế đô thị chính là cái gạch nối giữa lĩnh vực quy hoạch đô thị và thiết kế kiến trúc, thiết kế cảnh quan.

Ba đối tượng Quy hoạch đô thị, Thiết kế đô thị và Thiết kế kiến trúc và cảnh quan kiến trúc có mục đích, đối tượng công tác, thành quả, thời gian thực hiện, nguồn ủy thác, nguồn tham gia khác nhau nhưng cùng có những phân trùng lặp, bao trùm lên nhau.

Người tham gia thiết kế đô thị, có thể vừa là kiến trúc sư quy hoạch hay là kiến trúc sư công trình, đứng giữa và điều phối mối quan hệ chung. Tầm quan trọng của các nhà thiết kế đô thị là làm hài hòa mối quan hệ giữa quy hoạch và kiến trúc mà ở ta từ trước đến nay còn lẫn lộn.

Nhiệm vụ của ba lĩnh vực này lại vẫn có sự khác biệt rất rõ ràng:

- Quy hoạch đô thị phải trả lời được câu hỏi: Xây ở đâu (Where) và Xây cái gì (What)?.
- Thiết kế đô thị ngoài trả lời kỹ hơn các câu hỏi trên còn phải trả lời câu hỏi Ai xây (Who) và Xây lúc nào (When)?.
- Đối với thiết kế kiến trúc và thiết kế cảnh quan thì vấn đề là Xây như thế nào (How)?.

Vì vậy, theo tôi, các chuyên gia ở Viện quy hoạch, với tư cách là cơ quan thiết kế quy hoạch lớn nhất đất nước, trong phạm vi thiết kế đô thị, cần

hoạch định cho được hành lang làm việc của nhà kiến trúc sư thiết kế đô thị và cơ chế làm việc của các nhà quản lý đô thị.

Vấn đề thứ hai lớn mà chúng tôi muốn đề cập đến là lĩnh vực Urban Design đang thâm nhập vào Việt Nam như thế nào, chúng tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa động từ thâm nhập (bao gồm đã thâm nhập, đang thâm nhập và sẽ thâm nhập như thế nào) chứ chưa đề cập đến vấn đề ứng dụng và tiêu hóa, Việt Nam hóa ra sao vì chúng tôi cho rằng còn cần có thời gian và thuộc vào giai đoạn sau. Muốn cấy được và gặt hái được trước hết phải cấy ải trước đã.

Tôi muốn nói đến công việc viết, dịch và đọc tài liệu nước ngoài mà các bạn đồng nghiệp và chính tôi đã làm. Và những khái niệm này, trong khuôn khổ của bài này, với một thời gian gấp gáp như thế này, tôi chỉ xin phép được kể tên, thống kê, nêu những vấn đề xối lên cần đi sâu chứ chưa có thể xử lý nội dung.

Về các tác giả Việt Nam, chúng tôi có trao đổi và được đọc một số bài viết của Ngô Trung Hải và Trần Lan Anh, đã quan tâm và đề xuất một số vấn đề về thiết kế đô thị.

Chúng tôi cũng biết TS. KTS. Phạm Đình Tuyển (ở Trường Đại học Xây dựng) và Sena đã cùng đồng nghiệp dịch cuốn New Urbanism (chủ nghĩa đô thị mới) và cuốn Thành phố Vườn của Thế kỷ XXI.

Đó là những sự tiếp cận đáng chú ý.

Riêng về chúng tôi, chúng tôi cũng muốn nói rằng bên cạnh các môn học của Trường Đại học Xây dựng như Lý thuyết sáng tác Kiến trúc, Lịch sử Kiến trúc (đã dạy từ rất lâu), Lý luận và phê bình kiến trúc (chuẩn bị đưa vào dạy), chúng tôi đã có môn học Lịch sử đô thị từ lâu.

Và chúng tôi cũng đã biên soạn cuốn "Lịch sử đô thị" (NXB Xây dựng - năm 2000 - 335 trang), cuốn sách này đã đề cập đến Camilo Sitte, như là một bậc thầy của Bộ môn Thiết kế đô thị nhưng có hạn chế là nội dung cuốn sách kết thúc ở thời điểm 1970 (có nghĩa là sau 3 thế hệ đô thị mới ở Anh).

Trong hai năm gần đây, chúng tôi cũng lần lượt công bố một số bài nghiên cứu:

- Sự đổi mới của lý luận kiến trúc Mỹ... bắt đầu từ Thiết kế đô thị.
- Nghệ thuật Thủy cảnh trong kiến trúc đô thị Hà Nội
- Các hình thức Design cộng đồng trong kiến trúc Hà Nội.

- Nghệ thuật cảnh quan trên ngưỡng cửa của Thế kỷ XXI.

Điều đáng quan tâm riêng, và cũng là thu hoạch riêng đối với tôi sau khi viết những bài này là:

- Không thể tách khỏi nhau hai khái niệm: Lý luận kiến trúc và Lý luận đô thị.

- Cần nhấn mạnh khái niệm CI (City-Identity) (Bản sắc đô thị) một khái niệm vừa được quốc tế hóa vừa mang tính chuyên biệt.

- Tại sao lại không khích lệ hoặc bắt buộc nhà đầu tư trích ra 1% đến 2% tiền xây dựng công trình để mua chỗ và xây dựng các hình thức nghệ thuật công cộng, làm đẹp cho thành phố.

Sau đây chúng tôi xin bàn đến công việc dịch và đọc những vấn đề xoay quanh thiết kế đô thị. Chúng tôi xin chỉ nhấn mạnh phần đề cương, và cố gắng đưa ra những chương mục mà chúng tôi cho rằng tác giả đã đề cập đến những vấn đề của Urban design một cách sáng tỏ nhất.

1) Chúng tôi đã dịch cuốn Thiết kế đô thị có minh họa (Illustrating Urban Design) của Kim Quảng Quân, viết năm 1999 (NXB Xây dựng năm 2000)

Cuốn sách gồm 8 chương, và mục lục của nó được sắp xếp chặt chẽ và mang tính chính trị cao:

Chương 1: Đô thị và thiết kế.

Chương 2: Phạm vi và đặc trưng.

Chương 3: Nguồn gốc và lý luận.

Chương 4: Nhân tố và nguyên tắc.

Chương 5: Quá trình và kết quả.

Chương 6: Khai thác và quản lý.

Chương 7: Cảnh quan và không gian.

Chương 8: Giới thiệu ví dụ thực tế.

Chúng tôi muốn lưu ý bạn đọc có ba chương rất quan trọng là Chương *Nguồn gốc và lý luận*, *Khai thác và quản lý*, *Cảnh quan và không gian*, và qua đó chúng tôi muốn nhấn mạnh việc chúng ta về cần đem những bản vẽ tô màu rất đẹp thể hiện một mặt phẳng бет 2 chiều quá độ sang thể hiện không gian ba chiều mà có khi không cần tô màu gì cả mà hiệu quả vẫn rất cao. Hy vọng rằng trong tương lai hệ thống kiểu bản vẽ của Viện sẽ là tấm gương cho sinh viên trong trường, vì hiện nay bản vẽ của các em chỉ nặng về tô xanh tô đỏ, đẹp hơn trong thực tế hỗn độn rất nhiều.

2) Những thu hoạch sau khi đọc cuốn *British Town Planning and Urban Design (Principles and Policies)* (Quy hoạch đô thị và thiết kế đô thị Anh Quốc - Nguyên tắc và Đường lối) của Eleonor Smith Morris - NXB Longman, 1997.

Cuốn sách cho ta thấy khi dàn dựng một đề cương nghiên cứu luôn luôn ta phải theo sát ba vấn đề: Lịch sử → lý luận → thực tiễn.

Cuốn sách có những phần đáng chú ý sau:

Chương 4 của phần I (là phần Lịch sử):

Có tên gọi Những tiếp cận về Thiết kế đô thị: Thành phố tuyến Urban design approaches: The linear city.

Bao gồm các mục sau:

- The linear city idealist (các nhà lý tưởng thành phố tuyến).
- Le Corbusier's dominance on city form (những đề xuất của Le Corbusier về hình thức đô thị).
- Le Corbusier's, completed projects and CIAM.
- The Mans Plan for London.
- Walter Gropius and the Bauhaus movement.

Phần II: Thiết kế đô thị và Sách lược quy hoạch (Urban Design and Planning Policies).

Trong phần này có hai chương là chương Thiết kế đô thị sau chiến tranh, và tái khai thác, tái đổi mới và bảo tồn đô thị.

Phần IV: Thiết kế đô thị Quy hoạch đô thị và môi trường.

Trong phần này có những chương quan trọng như: Tái đẩy mạnh thiết kế đô thị vào thời kỳ cuối thế kỷ XX và đường lối chính sách quy hoạch đầu thế kỷ XXI.

Chúng tôi không nghĩ là chúng ta ôm đồm tất, ngấu ngiến tất những vấn đề của những nước phát triển đang gặp phải, vì họ tiến bộ hơn chúng ta rất nhiều, nhưng cái mà chúng ta cần là phương pháp luận.

3) Những thu hoạch sau khi đọc cuốn "*Đô thị không gian phát triển luận*".

Thuộc tủ sách Nghiên cứu hình thái kiến trúc đô thị, của tác giả Đoàn Tiến, NXB Khoa học kỹ thuật Giang Tô.

Chúng tôi nghĩ là những tài liệu tập huấn ở Ấn Độ và những sách về thiết kế đô thị ở Trung Quốc là những tư liệu rất cập nhật, những tư duy

Phương Tây - qua bộ lọc của họ - đã thành những phương pháp luận quý của phương Đông.

Cuốn sách nói trên gồm 8 chương lớn, trong đó toàn bộ chương 7 tác giả viết dưới tiêu đề: *Thiết kế đô thị và tối ưu hóa không gian đô thị*.

Với các phần sau:

7.1. Thiết kế đô thị trong toàn bộ quá trình phát triển không gian.

7.2. Những quy chuẩn và mục tiêu thiết kế tối ưu hóa không gian.

7.3. Thiết kế đô thị hiện đại (trong đó đề xuất nhiều và phân tích một cách khoa học vấn đề thị giác), đề cập đến vấn đề địa điểm (Place), khung cảnh văn hóa (context), vấn đề hình thái học không gian, vấn đề thiết kế và không chế đa tầng lớp.

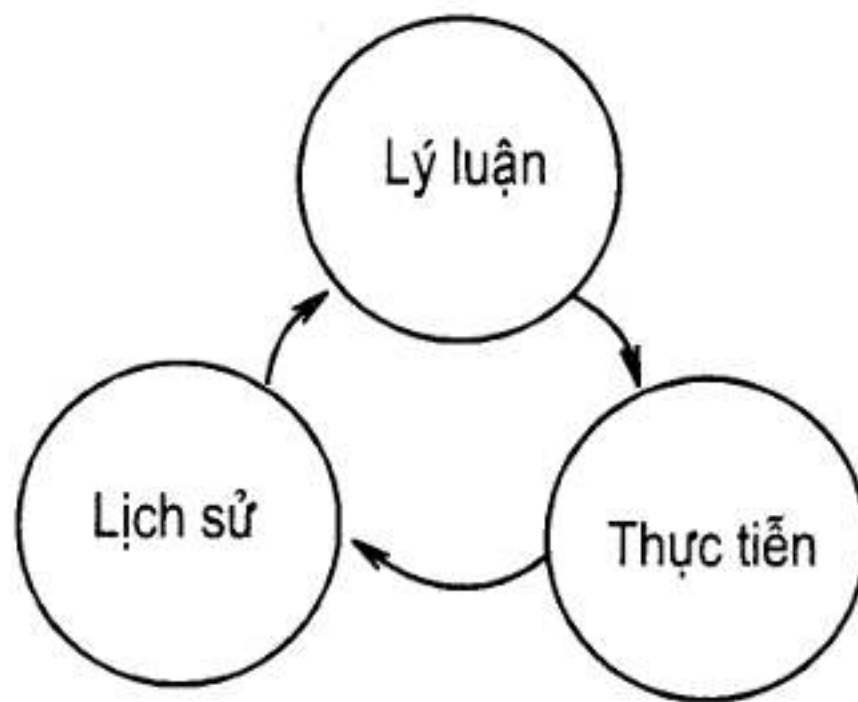
Đặc biệt, tác giả đã quan tâm đến vấn đề đặc điểm mục tiêu của thiết kế đô thị là:

- Thiết kế không gian hình thể (Physical space design).
- Thiết kế bầu không khí Việt Nam (Culture atmosphert design).
- Thiết kế cơ chế nội tại (Operating mechanim design).

Công việc nghiên cứu của chúng ta không dừng lại ở việc viết, dịch và đọc, nhưng đó là những vật liệu cơ bản, có bột mới gột nên hồ. Chính vì vậy công việc đầu tiên mà chúng tôi làm mà đối với anh Ngô Trung Hải và đồng nghiệp cũng đang làm như vậy - là thu thập thông tin. Sau đó mới đến công việc nâng cao, và biến thành cái của mình.

Riêng đối với lĩnh vực Urban Design là một vấn đề mới và khó, các thông tin về đến Việt Nam chưa có thể nói là nhiều, nhưng đang ngày một phong phú hơn, như vậy chúng ta có thể có một cách nhìn đa chiều hơn, và đòi hỏi có những bộ lọc tinh tường trong cách nhìn, nhằm làm lợi cho nền kiến trúc Việt Nam, sao cho thiết kế đô thị sẽ là cái cầu nối hữu hiệu giữa quy hoạch đô thị và kiến trúc tạo cho người kiến trúc sư quy hoạch và kiến trúc sư công trình "đồng sàng" mà không "dị mộng". Đó chính là nhằm xây dựng cho đất nước ta một chân trời kiến trúc rộng mở hơn, đó cũng chính là mục tiêu tốt đẹp của lĩnh vực thiết kế đô thị.

Nhân việc đọc Đề tài nghiên cứu về Thiết kế đô thị cấp bộ của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn, chúng tôi muốn nhấn mạnh thêm sự luân chuyển và khép kín, thành một vòng tròn của ba khái niệm:



Một vấn đề cuối cùng là việc phối hợp giữa Trường và Viện, để có thể bổ sung cho nhau về lý luận và thực tiễn, đó là những công việc song song và đan xen vào nhau, có thể giúp sinh viên trong trường sớm tiếp thu thực tế ngoài đời.

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TRAO ĐỔI

KTS. Trương Văn Quảng
Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn

Hiện nay, quá trình đô thị hóa đang diễn ra sôi động tại Việt Nam do sự phát triển có hiệu quả của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều đô thị được mở rộng và xây dựng mới, chất lượng cuộc sống trong đô thị ngày được cải thiện... Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn nhiều "sự phân nân" của xã hội trong đó có các nhà chuyên môn, nhà quản lý, điều hành về việc tổ chức không gian đô thị, chất lượng kiến trúc công trình, cảnh quan môi trường sống, cùng những tiện ích của "ngoại thất đô thị"... Và theo đó, dường như đang nổi lên sự tranh luận về một loại công việc sau quy hoạch đô thị (Urban Planning) có liên quan đến những "phân nân" trên. Đó là bộ môn "Thiết kế đô thị" (Urban Design), một lĩnh vực tạm gọi là mới so với quy trình quy hoạch xây dựng đô thị hiện nay của chúng ta.

Có nhiều ý kiến cho rằng *thiết kế đô thị* là một bộ môn khoa học mới - mới trong nhận thức của chúng ta thời gian gần đây. Nhưng thực tế nó đã có một lịch sử lâu đời được chứng minh bởi quỹ di sản đô thị là các thành phố cổ hiện tồn của nhân loại. Chẳng hạn như thành phố Venise (Italia), Saint Peterburg (Liên bang Nga), Pari (Cộng hòa Pháp), Bắc Kinh (Trung Quốc), Kinh thành Huế (Việt Nam)... Cũng có thể do hoàn cảnh hoặc nhu cầu bức xúc của quy hoạch đô thị cao hơn, mà bộ môn thiết kế đô thị bị "lấn" vào quy trình quy hoạch xây dựng đô thị, và nó chưa trở thành một bộ môn khoa học độc lập như hiện nay mà chúng ta đang bàn tới. Sự bức xúc của đô thị hóa nhằm giải quyết nhanh những vấn đề có liên quan đến xã hội đô thị buộc chúng ta phải quan tâm đến việc phát triển gấp quỹ nhà ở, công trình dịch vụ xã hội, kỹ thuật hạ tầng.. đáp ứng kịp thời những nhu cầu cần thiết trước mắt cho người dân... Có lẽ cũng bởi vậy nên chúng ta chưa có thời gian để quan tâm đầy đủ đến đô thị, để thiết kế đô thị đẹp hơn. Phải chăng chúng ta chưa thật sự nhận thức kịp, chưa hiểu thấu đáo vấn đề này như bản chất chất lượng trật tự không gian đô thị cần phải có? Thực tế đây là một vấn đề mới đối với chất lượng trật tự không gian đô thị trong môi trường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam hiện nay,

chứ không hề mới so với lịch sử phát triển đô thị trên thế giới và lịch sử phát triển đô thị Việt Nam.

Về mặt lý luận, đối tượng nghiên cứu của thiết kế đô thị là hình thức, môi trường đô thị - môi trường gắn kết các kiến trúc thiên tạo và nhân tạo trong một trật tự chất lượng thẩm mỹ không gian nhất định. Đó cũng chính là sự sáng tạo trật tự không gian, hoặc sự mở rộng của thiết kế kiến trúc trong một không gian ba chiều và một "không gian ảo" có ý thức trong cảm nhận của con người gắn với cuộc sống tâm linh.

Bởi vậy, cần khẳng định rằng, trong quá trình phát triển đô thị ở Việt Nam, chúng ta đã áp dụng phần nào những khía cạnh của thiết kế đô thị, mà tự thân nó đã phản ánh tương đối đầy đủ trong các trật tự không gian đô thị hiện có. Chỉ có điều chúng ta đã tổng kết để hình thành cơ sở lý luận có tính khoa học cho bộ môn thiết kế đô thị này một cách có bài bản (có tính kế thừa và sáng tạo), nhằm áp dụng trong thực tiễn hoặc giảng dạy trong các trường đào tạo kiến trúc sư hay chưa thì còn phải xem xét kỹ trước khi có một kết luận chung... Suy cho cùng có thể nói thiết kế đô thị ở Việt Nam đã và đang ở một trình độ nào đó mà trong nhận thức chúng ta chưa có điều kiện làm rõ hoặc chưa dám khẳng định. Mặt khác, cũng có thể nói thiết kế đô thị là một vấn đề mới trong môi trường đô thị hóa cao hiện nay bởi những đòi hỏi khắt khe về chất lượng cuộc sống và tư duy công nghệ thời hiện đại, nhưng cội nguồn của nó, ít nhiều cũng gắn liền với lịch sử phát triển các đô thị Việt Nam.

Việc coi thiết kế đô thị là một bộ môn khoa học đi sau quy hoạch đô thị là điều cần thiết và quan trọng trong giai đoạn phát triển hiện nay. Nhưng để có phương pháp thiết kế đô thị tốt phù hợp với những đặc điểm riêng của Việt Nam và có tính thời đại, thì phải có những nghiên cứu sâu về vấn đề này. Theo đó, cần đánh giá, tổng kết, đúc rút thành lý luận những kinh nghiệm thiết kế đô thị của cha ông ta, trong quỹ di sản chất lượng trật tự không gian tại các đô thị hiện tồn (kể cả trong xây dựng công trình). Đồng thời phải chọn lọc những kinh nghiệm thiết kế đô thị của nước ngoài để bổ sung, hỗ trợ và làm phong phú thêm bộ môn khoa học mới này như chúng ta đang trao đổi, luận bàn.

Như vậy, cơ sở khoa học của bộ môn thiết kế đô thị Việt Nam có thể bao gồm các yếu tố sau:

+ Cơ sở lý luận và khoa học của thuật phong thủy trong quy hoạch và xây dựng công trình;

+ Đặc điểm điều kiện tự nhiên của cả nước và mười vùng sinh thái đô thị Việt Nam;

+ Lịch sử, văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán theo vùng, miền;

+ Điều kiện kinh tế - xã hội và khoa học công nghệ.

+ Tâm vóc, tâm sinh lý con người;

+ Tính chất, chức năng và những yêu cầu về trật tự chất lượng thẩm mỹ không gian;

+ Những kinh nghiệm có chọn lọc của nước ngoài về thiết kế đô thị.

Nguồn: Tạp chí kiến trúc Việt Nam. Số 3/2003.

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TRONG QUÁ TRÌNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG TẠI MỸ

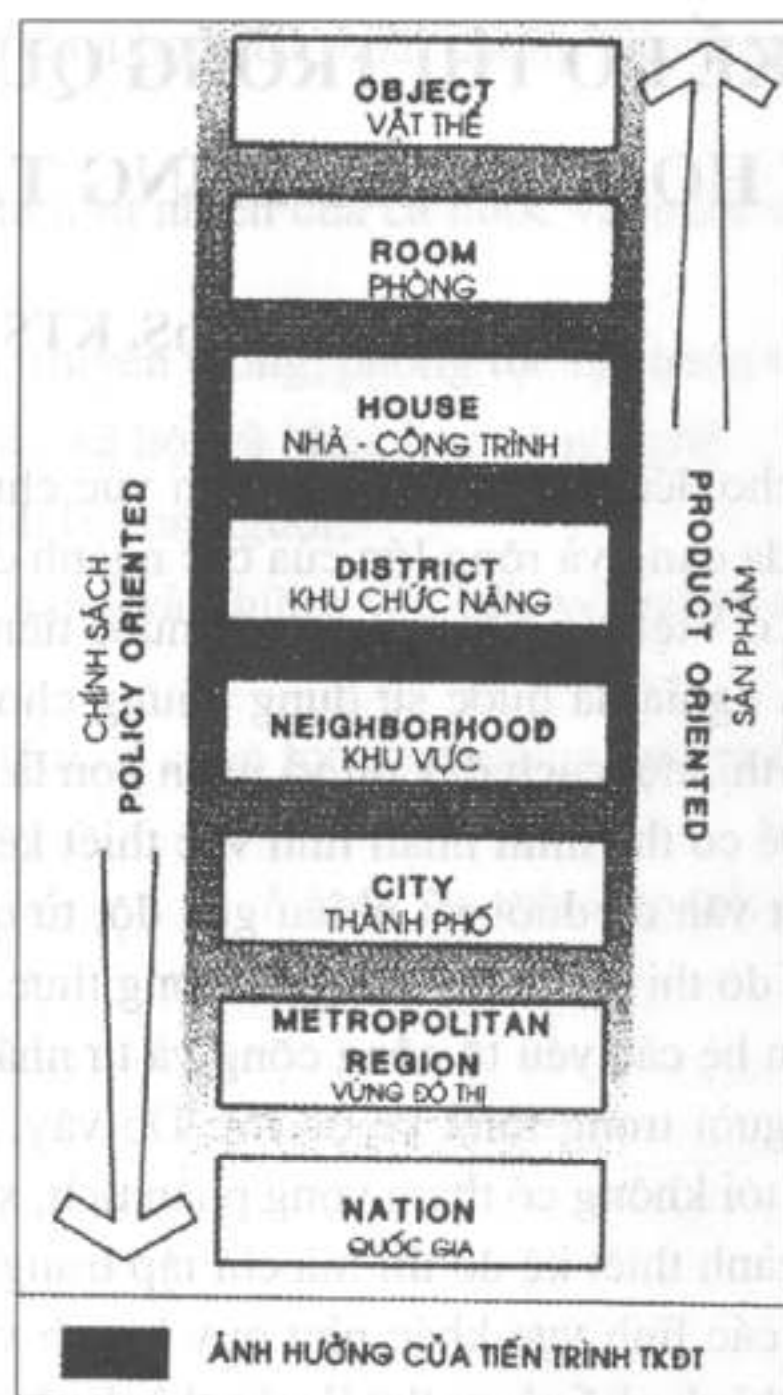
ThS. KTS Trương Trung Kiên

Thiết kế đô thị cho đến nay vẫn là một lĩnh vực chưa được xác định một cách rõ ràng do sự đa dạng và rộng lớn của các ngành có liên quan. Điều này không chỉ phổ biến ở Việt Nam mà còn ở các nước tiên tiến trên thế giới. Có rất nhiều cách định nghĩa đã được sử dụng nhưng cho đến nay để xác định lĩnh vực thiết kế đô thị một cách đầy đủ và ngắn gọn là một công việc còn rất nhiều tranh luận. Để có thể nhìn nhận lĩnh vực thiết kế đô thị một cách toàn vẹn ta phải xem xét vấn đề dưới rất nhiều góc độ, từ quy mô của đối tượng thiết kế mà thiết kế đô thị tác động, các đối tượng thực thể mà thiết kế đô thị có liên quan, sự liên hệ các yếu tố công cộng và tư nhân... cho đến các khía cạnh xã hội, con người trong thiết kế đô thị. Do vậy, trong khuôn khổ của một bài viết, chúng tôi không có tham vọng phân tích, xem xét tất cả các khía cạnh của chuyên ngành thiết kế đô thị mà chỉ tập trung sự tham gia của thiết kế đô thị bên cạnh các lĩnh vực khác như quy hoạch và kiến trúc trong tiến trình xây dựng các thành phố và cụ thể là các thành phố tại Mỹ.

Sự tham gia của thiết kế đô thị trong tiến trình xây dựng các thành phố có thể được nhìn nhận dưới nhiều góc nhìn khác nhau, trong đó ta có thể xem xét ảnh hưởng của thiết kế đô thị theo quy mô, cơ cấu phân cấp của môi trường xây dựng từ cấp vĩ mô như quốc gia, vùng đô thị cho đến các thực thể kiến trúc ở quy mô nhỏ như công trình, phòng, các chi tiết kiến trúc v.v.. Sơ đồ (1) cho ta thấy được sự phân cấp, mức độ ảnh hưởng và sản phẩm của thiết kế đô thị ở mỗi quy mô đô thị.

Ở cấp độ quốc gia, sự tham gia của thiết kế đô thị thể hiện trong việc lựa chọn vị trí xây dựng các đô thị. Ngoài các yếu tố về kinh tế, xã hội, quốc phòng thì một trong các yếu tố được sử dụng để xem xét vị trí là tính đặc thù về cảnh quan như đô thị sông nước, bờ biển, hay vùng núi. Yếu tố này sẽ quyết định diện mạo chung của đô thị sau này. Và ở cấp độ này ta thấy được sản phẩm của quá trình thiết kế đô thị chỉ ở dưới dạng ý tưởng định hướng.

Ở quy mô vùng đô thị, thiết kế đô thị có thể được xem xét trong việc phân bố các trung tâm chính phụ, mật độ tập trung... các nhà thiết kế sẽ dựa vào các chính sách phát triển để tác động.



Sơ đồ 1: Sự phân cấp và mức độ ảnh hưởng của thiết kế đô thị trong quá trình xây dựng các thành phố tại Mỹ

Quy mô cấp thành phố, khu vực và khu chức năng. Ta có thể thấy thiết kế đô thị có tác động rõ ràng nhất ở các quy mô này. Từ việc xác định chiều cao, định hướng bố cục các khu chức năng, ý tưởng về dáng dấp hay mặt đứng của đô thị, tạo nét đặc trưng cho từng khu vực, đến việc hình thành không gian đô thị cho từng khu chức năng.

Ở cấp độ công trình, thiết kế đô thị tham gia điều khiển sự phát triển nhằm đảm bảo sự hài hòa của không gian đô thị và đảm bảo các mục tiêu đề ra, cụ thể như giới hạn xây dựng, chiều cao, khoảng lùi, v.v...

Ở quy mô phòng - vật thể kiến trúc, thiết kế đô thị cũng liên quan trong quy hoạch chi tiết có liên quan đến không gian đô thị. Thường chịu ảnh hưởng trực tiếp của quy mô cấp công trình.

Như vậy, thiết kế đô thị tham gia vào quá trình xây dựng ở mọi quy mô và cấp độ, tuy nhiên sự khác biệt ở mỗi quy mô là mức độ ảnh hưởng và

hình thức của sản phẩm theo mô hình của sơ đồ 1. Hiện tại vai trò của thiết kế đô thị tham gia rõ nét nhất ở quy mô thành phố, khu vực và các khu chức năng. Tuy nhiên theo sơ đồ này ta vẫn thấy được sự ảnh hưởng ở các cấp độ khác nhau từ cấp độ quốc gia cho đến cấp độ vật thể kiến trúc và sản phẩm của quá trình thiết kế đô thị là một sự kết hợp giữa chính sách và giải pháp thiết kế ở các tỷ lệ khác nhau tùy theo mỗi quy mô.

Sản phẩm của quá trình thiết kế đô thị thay đổi trong sự phân cấp trên theo hai hướng - hướng sử dụng các chính sách và hướng giải pháp thiết kế. Càng đi về cấp độ vĩ mô, các sản phẩm càng có xu hướng xuất hiện dưới dạng các quy định, chính sách và càng đi về phía các cấp đô vi mô, các sản phẩm này càng biến đổi nhiều hơn sang dạng các giải pháp thiết kế cụ thể. Một trong các vấn đề tồn tại trong lĩnh vực thiết kế đô thị truyền thống tại Mỹ của những năm cuối thập kỷ 80 đầu thập kỷ 90 là sự định hướng đơn lẻ theo các dự án, hướng tiếp cận này trong thiết kế đô thị coi toàn thành phố như một công trình và hình thành một thiết kế rạch ròi trên giấy, tuy nhiên không có gì đảm bảo chắc chắn rằng các thiết kế này sẽ khả thi trong tương lai. Trong thời gian gần đây, sự nhận thức ngày càng rõ ràng hơn về thực tế rằng các bản thiết kế không chỉ là sản phẩm duy nhất của công việc thiết kế đô thị. Thêm vào đó là các sản phẩm khác cũng quyết định sự thành công của công việc thiết kế đô thị. Các thành phố hiện nay có thể sử dụng các cơ cấu tổ chức để điều khiển quá trình phát triển của đô thị đồng thời tạo ra môi trường sống có chất lượng cao. Một cách chi tiết hơn, hai phương hướng giải pháp thiết kế và chính sách công việc thiết kế đô thị có thể chia ra làm 4 nhóm cụ thể hơn bao gồm: Chính sách, các thiết kế, quy định, chương trình. Chính sách là phương pháp thiết kế gián tiếp bao gồm các công cụ điều chỉnh cho việc đầu tư và thi hành các chương trình. Nó khác, chính sách thiết kế đô thị là khung cơ bản cho toàn bộ tiến trình thiết kế. Các chính sách này đáp ứng lại các cơ cấu về kinh tế xã hội, định ra giới hạn cho các thiết kế đồng thời là các chiến lược nhằm làm cho các bản thiết kế trên giấy trở thành hiện thực. Các thiết kế, bao gồm các bản vẽ, sơ đồ như chúng ta thấy đóng vai trò chính yếu nhất trong các sản phẩm của thiết kế đô thị và là sự minh họa trên không gian 3 chiều của các chính sách. Các thiết kế trên cần được phát triển trong khuôn khổ của các chính sách đã được đặt ra. Tuy nhiên các chính sách và các thiết kế vẫn chưa đủ để định ra các yếu tố cụ thể của các hình thái vật lý của đô thị. Từ đó các quy định về thiết kế ra đời

nhằm đảm bảo chất lượng ở tầm vi mô. Một ví dụ điển hình của các quy định này là bộ "Quy định phát triển khu vực trung tâm thành phố của thành phố San Francisco năm 1982". Cuối cùng là các chương trình, đây là các khía cạnh của quá trình thiết kế đô thị nhằm duy trì và bảo tồn các không gian hiện hữu và các không gian sẽ được xây dựng. Bốn nhóm sản phẩm này được các nhà thiết kế đô thị kết hợp một cách hài hòa tùy theo quy mô, tính chất của mỗi thành phần đô thị nhằm tạo ra các không gian như mong muốn.

Rất nhiều người cho rằng mặc dù chuyên ngành thiết kế đô thị phát triển rất mạnh mẽ sau thời kỳ phục hồi của các thành phố tại Mỹ vào những năm 1950 - 1960, sự tồn tại của nó thực sự đã có từ rất lâu đời. Cụ thể là vào thời điểm của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã chuyển hướng, mối quan tâm của các thiết kế hướng vào đối tượng công cộng. Các chuyên ngành có thể đã được biết đến dưới nhiều tên gọi khác nhau như quy hoạch thành phố hay quy hoạch đô thị ở Mỹ. Tuy rằng thiết kế đô thị không phải là một bước phát triển cao hơn của các chương trình phục hồi các thành phố vào những năm 50 - 60 nhưng thiết kế đô thị đã xuất hiện một cách rõ ràng như một chuyên ngành đặc thù tại Mỹ trong thời điểm này và đã đóng vai trò quan trọng trong tiến trình phục hồi các đô thị. Mặc dù đã có những thất bại trong việc hình thành các không gian thành phố cuối những năm 60 đến đầu những năm 70, các ảnh hưởng đã định hướng được các vấn đề gốc rễ nằm ở chính sách chung và yếu tố kinh tế, chính trị. Sự phát triển tiếp theo của chuyên ngành thiết kế đô thị có thể được nhìn nhận như một sự kết hợp giữa quy hoạch sử dụng đất truyền thống với hướng tiếp cận mới và các chính sách, cơ cấu kiểm soát đô thị tùy theo phạm vi ảnh hưởng. Kết quả của tiến trình này cho đến nay là sự tái tạo, phục hồi của hàng loạt các thành phố, đặc biệt là các khu trung tâm. Các thành phố như San Francisco, Portland, Oregon, Santa Monica v.v.. thường được sử dụng làm các ví dụ điển hình về thiết kế đô thị với sự minh họa cho hiệu quả và tính kết hợp hài hòa giữa các yếu tố lãnh đạo hành chính, sự kết hợp của các chuyên ngành trong thiết kế, nghệ thuật công cộng và sự tham gia của người dân thành phố.

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PGS. TS. Đỗ Đức Viêm
Hội quy hoạch và Phát triển đô thị
Đại học Kiến trúc Hà Nội

Bài viết đã đăng tại kỷ yếu hội thảo khoa học "Thiết kế đô thị - từ đào tạo đến ứng dụng thực tiễn" tháng 8/2004 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động thiết kế đô thị tồn tại trong thực tế cùng với quá trình xây dựng đô thị. Nhưng thiết kế đô thị được quan tâm nghiên cứu một cách độc lập và sôi nổi có lẽ mới chỉ trong vòng gần nửa thế kỷ trở lại đây.

Trong những năm 60 của thế kỷ XX, vấn đề thiết kế đô thị được nêu lên ở Mỹ với cuốn "Urban Design: the Architecture of Towns and Cities" do Hiệp hội Kiến trúc sư Mỹ xuất bản. Đến những năm 70 của thế kỷ XX, thiết kế đô thị đã trở thành một lĩnh vực nghiên cứu độc lập và khá sôi nổi ở nhiều nước trên thế giới.

Tuy nhiên, cho tới nay, thiết kế đô thị vẫn chưa có một định nghĩa duy nhất, được thừa nhận rộng rãi.

Chú trọng về kích thước không gian, Eliel Saarinen trong "The City - Its growth, Its Decay, Its Future"⁽¹⁾ cho rằng: "Thiết kế đô thị là nghệ thuật tổ chức không gian ba chiều". Tiếp đó là John Lang, trong "Urban Design: The American Experience"⁽²⁾ quan tâm thêm đến yếu tố thời gian và cho rằng: "Thiết kế đô thị quan tâm đến nơi quần tụ dân cư và bố cục hình thể theo yếu tố bốn chiều của nơi chốn này" (ý nói tới không gian ba chiều và chiều thời gian - người viết). Nhấn mạnh về yếu tố nghệ thuật, David Gosling và Barry Maitland trong "Concepts of urban design"⁽³⁾ quan niệm "Thiết kế đô

⁽¹⁾ Eliel Saarinen: "The City - Its growth, Its Decay, Its Future". New York: Reinhold Publishing Corporation.

⁽²⁾ John Lang: "Urban Design: The American Experience". NY: Van Nostrand Reinhold.

⁽³⁾ David Gosling và Barry Maitland: "Concepts of urban design" Academy Edition. London: St. Martin's Press.

thị đáp ứng nhu cầu và mong muốn thưởng thức của mọi tầng lớp dân cư đô thị đối với môi trường thị giác" ...

Theo "Anh quốc đại bách khoa toàn thư", thì: *"Mục đích chủ yếu của thiết kế đô thị là cải tiến chất lượng môi trường không gian của nhân loại, từ đó cải tiến chất lượng cuộc sống của con người"*.

Ở Phương Đông, cuốn "Trung quốc đại bách khoa toàn thư" định nghĩa: *"Thiết kế đô thị là công tác thiết kế đối với môi trường đô thị"*. Tập "Tiêu chuẩn thuật ngữ cơ bản về quy hoạch đô thị" của Trung Quốc, giải thích một cách chi tiết hơn: *"Thiết kế đô thị là sự sắp xếp và những ý tưởng tổng thể đối với môi trường không gian và hình thể của đô thị, quán xuyên toàn quá trình quy hoạch đô thị"*.

Như vậy có thể thấy rằng, về từ ngữ, mặc dù có thể còn có cách biểu đạt khác nhau, song về cơ bản, thiết kế đô thị đều nói tới môi trường không gian và hình thể của đô thị. Vì vậy, cảnh quan đô thị là một nội dung được quan tâm nhiều trong công tác thiết kế đô thị, bởi nội dung này là phần cảm nhận được bằng thị giác. Tuy nhiên, đây mới chỉ là một phần trong nội dung của thiết kế đô thị.

Thiết kế đô thị lấy môi trường hình thể của đô thị làm đối tượng chủ yếu để cụ thể hóa các ý tưởng quy hoạch đối với không gian và hoạt động của đô thị, ở mức độ khác nhau (tùy theo giai đoạn quy hoạch), nhằm đảm bảo dung hòa một cách hợp lý các yêu cầu về chức năng hoạt động trong không gian đô thị đối với các yếu tố kinh tế, xã hội, kỹ thuật (nhất là đối với các hệ thống kết cấu hạ tầng), đồng thời tạo nên cảnh quan đẹp cho đô thị.

Nhìn lại lịch sử, hoạt động thiết kế đô thị (như nội dung mà chúng ta quan niệm hiện nay) là một nội dung của quy hoạch đô thị. Nó cụ thể hóa ý tưởng của quy hoạch đô thị; đồng thời, làm căn cứ cho hoạt động thiết kế kiến trúc cũng như xây dựng đô thị.

Trước đây quy hoạch và thiết kế đô thị được hiểu chung làm một. Mãi tới cuối thế kỷ XX thiết kế đô thị mới trở thành một lĩnh vực chuyên sâu được nhiều nhà chuyên môn quan tâm nghiên cứu một cách độc lập.

Vì vậy cho nên, như quan điểm của "American Institute of Architects" đã nêu trong "Urban Design: the Architecture of Towns and Cities", *"tạo lập khái niệm thiết kế đô thị không phải là cần sáng tạo ra một lĩnh vực*

tách biệt, mà là cần khôi phục sự chú trọng đối với vấn đề cơ bản là vấn đề môi trường".

Chính vì thiết kế đô thị là một nội dung gắn bó với công tác quy hoạch đô thị, nên đối với những đô thị có quy hoạch hoàn chỉnh, thiết kế đô thị là nội dung nhằm cụ thể hóa ý đồ quy hoạch trong không gian vật thể của đô thị; trên cơ sở của sự gắn kết hữu cơ đã được hoạch định trong quy hoạch đô thị. Đối với đô thị còn chưa có quy hoạch hoàn chỉnh, thiết kế đô thị sẽ có tác dụng tạo dựng nên môi trường vật thể của đô thị một cách chủ động, có ý thức của người thiết kế, hạn chế tình trạng thiếu hài hòa do các chuyên ngành triển khai xây dựng độc lập, thiếu mối liên hệ dung hòa với nhau.

Đối với những nước đang phát triển, trong đó có Việt nam chúng ta, do công tác quy hoạch đô thị còn có nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, nên thiết kế đô thị càng cần được quan tâm. Ở nước ta, thiết kế đô thị không phải là vấn đề mới. Nhưng nội dung này còn chưa được quan tâm đúng mức cả trong thực tế cũng như trong công tác nghiên cứu lý luận và trong đào tạo.

Trong thực tế, công tác quy hoạch xây dựng đô thị ở nước ta, cho tới nay, còn đang trong giai đoạn mà quy hoạch và thiết kế đô thị được hiểu chung làm một. Các cán bộ làm công tác chuyên môn cũng như các cán bộ quản lý có liên quan của chúng ta còn chưa có điều kiện tìm hiểu một cách có hệ thống vấn đề này. Vì vậy mà nội dung thiết kế đô thị còn chưa được chú ý đúng mức trong cả quy hoạch tổng thể các đô thị cũng như trong quy hoạch chi tiết từng bộ phận của mỗi đô thị. Hiện tượng đó tồn tại cả đối với những người làm công tác chuyên môn cũng như những người làm công cụ quản lý xã hội có liên quan.

Trong công tác nghiên cứu lý luận, ngoài buổi hội thảo về thiết kế đô thị do Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn, Bộ Xây dựng tổ chức cách đây mấy năm (còn chưa đi đến hồi kết) thì chỉ mới có một số rất ít bài viết bàn về chủ đề này trên mấy tạp chí chuyên ngành. Các công việc đã làm nêu trên còn mang tính tản mạn, nên kết quả còn rất hạn chế. Và như vậy, rõ ràng là chưa đủ tầm cỡ để có thể coi là hoạt động nghiên cứu lý luận đối với chủ đề này.

Trong công tác đào tạo, kế hoạch đào tạo cán bộ chuyên ngành có liên quan đến thiết kế đô thị tại các trường đại học cũng chỉ mới đề xuất nội dung

thiết kế đô thị thành môn học độc lập trong các đề tài nghiên cứu cải tiến nội dung đào tạo trong những năm gần đây. Cho đến nay, công việc này đang còn là việc xác định vị trí môn học trong kế hoạch đào tạo, mà chưa có những đầu tư cần thiết để có thể tổ chức biên soạn nội dung môn học thiết kế đô thị thành tài liệu giảng dạy.

Trong tình hình như vậy, chắc rằng còn nhiều cán bộ chuyên môn của chúng ta, nhất là các đồng nghiệp trẻ, có lẽ còn nhận thức chưa đầy đủ, chưa có hệ thống đối với nội dung môn học thiết kế đô thị. Vì vậy, để khắc phục những khiếm khuyết trong vấn đề thiết kế đô thị ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, trước hết cần trang bị kiến thức này một cách có hệ thống tại các trường chuyên ngành đào tạo Kiến trúc sư, kể cả Kiến trúc sư quy hoạch và Kiến trúc sư công trình. Đồng thời, cũng cần có kế hoạch trang bị lại nội dung này cho các cán bộ đang thực thi nhiệm vụ này tại các cơ quan tư vấn, cũng như cán bộ của các cơ quan nghiên cứu có liên quan. Đây sẽ là lực lượng chủ chốt nhằm góp phần triển khai việc bổ sung cho đầy đủ nội dung thiết kế đô thị trong thực tế công tác quy hoạch đô thị nước ta trong giai đoạn tới, đúng với vai trò cần có của nó.

Trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, các tư liệu về lý luận trong thiết kế đô thị còn quá ít, lực lượng cán bộ chuyên ngành am hiểu về nội dung này một cách có hệ thống cũng còn hạn chế, nếu để từng cơ sở đào tạo tự lực trong việc biên soạn các tài liệu cần thiết phục vụ môn học thiết kế đô thị sẽ khó tránh khỏi những khó khăn cho từng cơ sở. Do đó, sự liên kết các trường đại học có liên quan, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ của Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, sẽ có thể phát huy sức mạnh của lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật có liên quan của các trường, các cơ sở nghiên cứu, để có thể nhanh chóng hình thành được những tài liệu chung, với những nội dung cơ bản về kiến thức quản lý đô thị, phục vụ yêu cầu đào tạo và nghiên cứu lý luận, cũng như trong thực tế.

Trên đây là những suy nghĩ cá nhân xung quanh vấn đề thiết kế đô thị ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, xin được nêu trong hội thảo, với mong muốn góp phần cùng các đồng nghiệp tìm ra những giải pháp hợp lý có hiệu quả đối với việc bổ sung nội dung thiết kế đô thị trong công tác quy hoạch xây dựng đô thị ở nước ta trong giai đoạn tới. Những ý kiến nêu trên có thể còn có những vấn đề chưa thỏa đáng, rất mong được cùng thảo luận và nhận được ý kiến góp ý của các đồng nghiệp có quan tâm.

ĐƯA THIẾT KẾ ĐÔ THỊ VÀO QUY HOẠCH XÂY DỰNG CÁC KHU ĐÔ THỊ MỚI Ở HÀ NỘI VÀ VIỆT NAM

PGS. KTS. Đặng Thái Hoàng
Trường đại học Xây dựng

Mục tiêu của bài viết này nhằm gắn kết việc làm của bộ môn, của chuyên ngành thiết kế đô thị vào với công việc quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc và hoàn chỉnh cảnh quan, môi trường trong các khu đô thị mới ở Hà Nội và Việt Nam. Đó là một công việc "mình với ta tuy hai mà một" và cũng là một công việc "ta với mình tuy một mà hai".

Tại sao ta nói như vậy, và thiết kế đô thị cần có để làm gì ? Chúng ta sẽ chứng minh để đi đến được kết luận sau đây: *"Thiết kế đô thị nhằm nâng cao chất lượng về kiến trúc, cảnh quan và môi trường trong các khu đô thị mới ở Hà Nội và ở Việt Nam"*.

Như vậy là giữa quy hoạch xây dựng và thiết kế kiến trúc, tiến hành xây dựng các khu đô thị mới ở ta *đã có sự song hành* với công việc thiết kế đô thị. Chúng ta có thể soi bóng và thấy có công việc và nội dung của thiết kế đô thị trong thành quả của các khu đô thị mới Hà Nội. Trong tay chúng tôi có một cuốn sách có tên là "Quy hoạch và thiết kế môi trường các khu nhà ở" do Viện Nghiên cứu thiết kế kiến trúc thành phố Bắc Kinh biên soạn và Nhà xuất bản Kiến trúc Công nghiệp Trung Quốc ấn hành. Như vậy làm một khu đô thị mới, một khu nhà ở, một nhóm nhà ở, bao giờ cũng nhằm hoàn thành hai mục tiêu (như cuốn sách đã nói) là: " quy hoạch" và "môi trường". Môi trường hình thể ở đây chính là thiết kế đô thị.

Một tiểu kết tiếp theo cho Hà Nội và Việt Nam là: " Ngay từ khi xây dựng các khu đô thị mới và đưa chúng vào sử dụng, chúng ta đã có (ít hay nhiều) làm công việc của thiết kế đô thị, và chúng ta đang nhận biết được tầm quan trọng của việc làm đó, một số phần việc làm ban đầu là vô thức đang tiến tới hữu thức".

Một tiểu kết tiếp theo: "Sau một số lo lắng ban đầu, nhân dân và người tiêu dùng, người ở trong các khu đô thị mới (không phải là tất cả các khu đô thị mới nhưng có một số khu đô thị mới và nhóm nhà ở riêng lẻ) được hưởng

thành quả của cả hai lĩnh vực quy hoạch đô thị và thiết kế đô thị" và "một số tập đoàn thiết kế, một số chủ đầu tư đã có một số cố gắng đưa thiết kế đô thị vào công việc của mình và đã có thể thở phào khi thấy những cố gắng này đang ra hoa kết trái".

Mọi công việc và thành quả chỉ mới là bước đầu và chưa mang tính chuyên biệt. Một số khu đô thị mới được thai nghén chỉ cách thời điểm hiện nay không quá 10 năm, đưa vào sử dụng sớm là cách đây 5 năm, một số bắt đầu đưa vào sử dụng vào thời điểm hiện nay, 5 năm nữa một số lượng lớn các khu nhà ở mới ở Hà Nội, ngoại vi Hà Nội và Việt Nam sẽ tiếp tục ra đời.

Thiết kế đô thị là chuyên ngành ra đời trong những năm 1960, sự phát triển của nó ở Mỹ trong những năm 1980 đã làm đảo lộn hết nền lý luận kiến trúc ở Mỹ, sau đó ở Anh, Úc, Nhật, Singapore và ở các nước đang phát triển cũng được áp dụng đại trà. Ở Việt Nam, lý luận và thực tiễn thiết kế đô thị mới được du nhập vào cách đây 5 năm.

Nếu so sánh tiến trình phát triển các khu đô thị mới ở Hà Nội, Việt Nam với quá trình du nhập thiết kế đô thị vào Việt Nam, ta thấy có tuổi đời tương đồng.

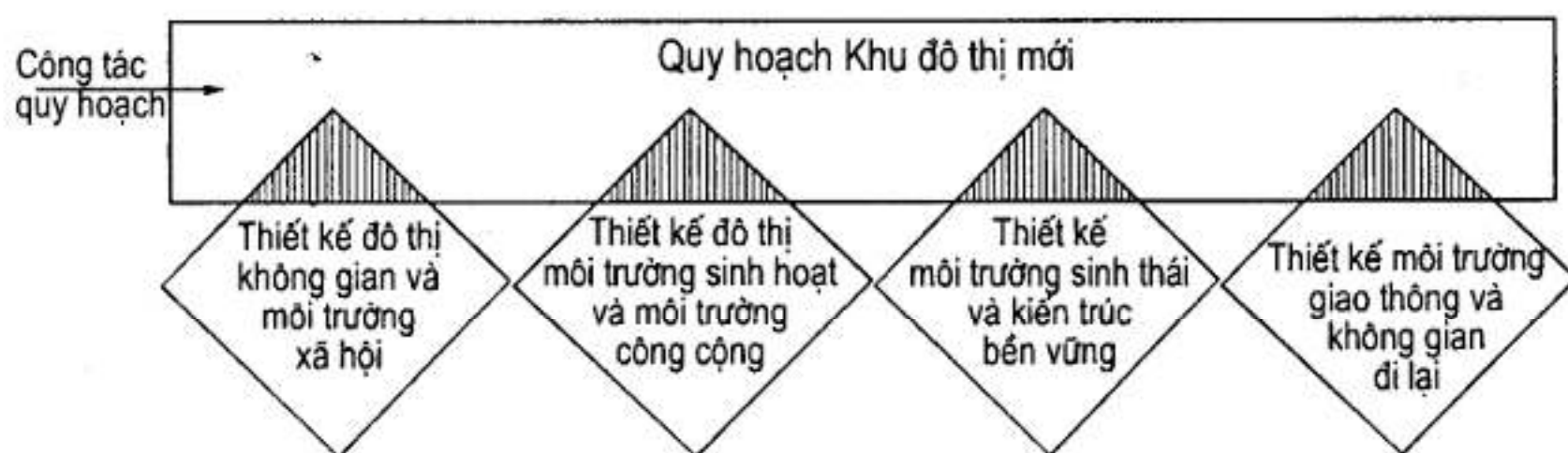
Chính vì vậy, có người cực đoan cho rằng "hai người cùng ra đời một lúc" thì làm sao "anh nọ giúp anh kia được".

Chúng tôi xin lưu ý là thật ra "hai người này đã cùng gặp gỡ bổ sung cho nhau không chỉ trong thời gian này mà thậm chí các cuộc gặp nhau của họ đã được chuẩn bị (sơ bộ) từ trước".

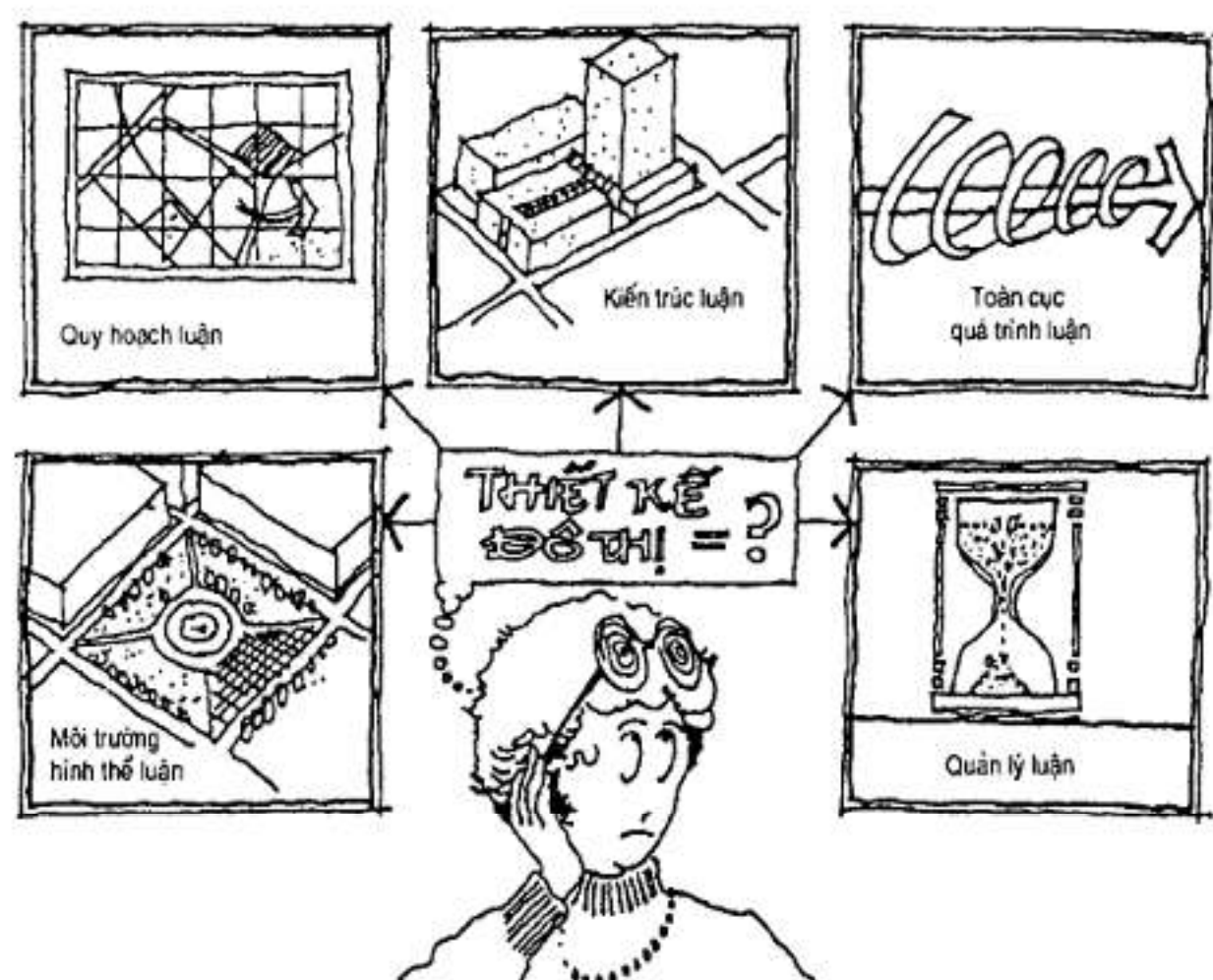
Những năm tháng nói trên thực tế chỉ là những "cột mốc chính thức" trên đường đời, và họ đã, đang và sẽ chuẩn bị để tiến tới một "cuộc gặp gỡ lịch sử trong tương lai".

Bởi vì, cũng đã có câu châm ngôn: "Quy hoạch (xây dựng) từ xưa đã có" và "thiết kế đô thị từ xưa đã có".

Trong quy hoạch khu đô thị mới hiện đại, có hiện tượng ngàm vào nhau giữa quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị.



Chiêm nghiệm lại thì ở một số khu đô thị, chúng ta đã có những dấu hiệu đáng mừng, vấn đề là chúng ta làm sao đứng giữa và xử lý công minh được 5 luận điểm cấu thành thiết kế đô thị mà không nghiêng lệch quá về một phía nào. Đó là những nhận thức sau đây:



Một số nhận thức đối với thiết kế đô thị

a) *Môi trường hình thể luận*: quan tâm đến môi trường hình thể không gian 3 chiều hoặc môi trường công cộng, các Plaza.

b) *Kiến trúc luận*: chú ý sáng tạo trật tự không gian, chú ý tính quần thể, tìm tòi sự thống nhất trong đa dạng, làm các hình thức "kiến trúc cổng" ấn tượng, gây ấn tượng mạnh giữa cao và thấp, chú ý đến tầm nhìn, điểm nhìn, hiệu quả thẩm mỹ.

c) *Quy hoạch luận*: tiếp tục công tác quy hoạch ở mức sâu hơn, cụ thể hơn, chi tiết hơn.

d) *Quản lý luận*: xem thiết kế đô thị là công việc chính của lãnh đạo và quản lý các cấp dùng pháp luật quy chuẩn để theo dõi sự phát triển đô thị, xem thiết kế đô thị là công cụ hữu hiệu để điều phối hoạt động xây dựng.

e) *Toàn cục quá trình luận*: xem thiết kế đô thị là cách thức để giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội, nhìn nhận thiết kế đô thị có tính quán xuyên cao và lâu dài.

Chính vì vậy, chuyên ngành thiết kế đô thị là một *chuyên ngành tổng hợp*, "*không phải của riêng ai*" mà lại đòi hỏi có "*trình độ chuyên môn cao*".

Lấy ví dụ ở Hà Nội ta thấy:

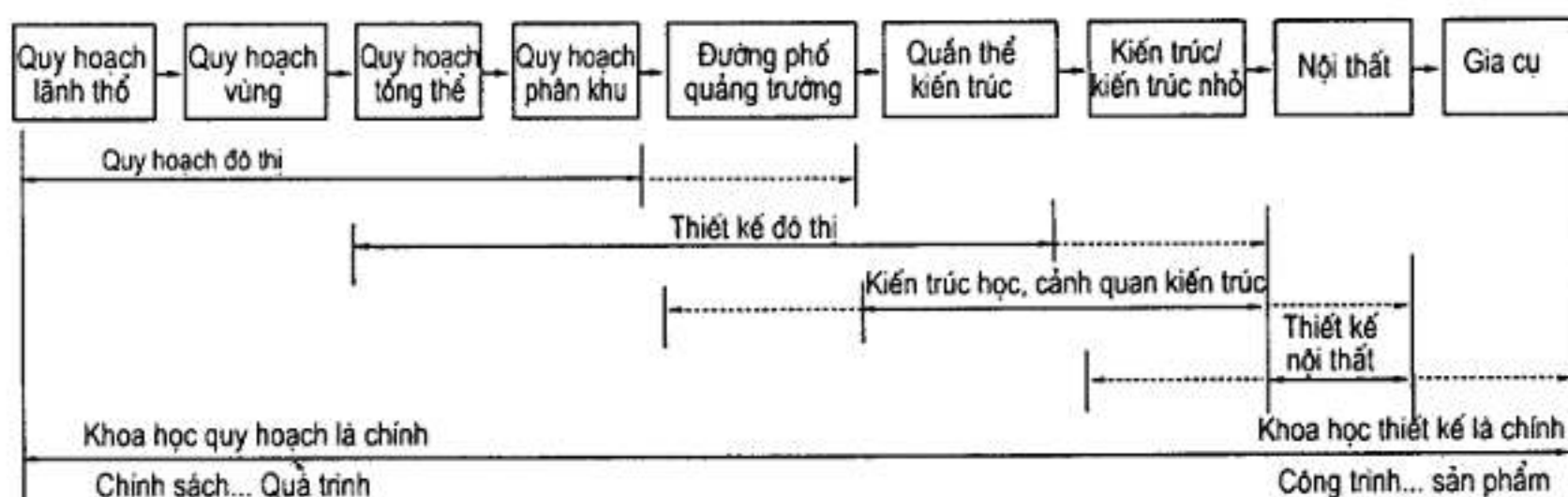
- Môi trường hình thể luận được thể hiện ở khu đô thị mới Linh Đàm, Hà Nội.
- Kiến trúc luận được thể hiện ở nhà ở khu Đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc (nhịp điệu, xi-lu-ét, hình thức mái...).
- Quy hoạch luận thể hiện ở khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

Tuy vậy, để thiết kế môi trường hình thể, việc đi sâu nghiên cứu thị lực, tầm nhìn, tỷ lệ vàng, độ dễ chịu về tâm lý, chất lượng của không gian, ... còn cần được đi sâu thêm, chính thức hóa thành những tài liệu bài bản. Chính vì vậy, một số môn cảnh không gian trong các khu nhà ở của nước ta còn được hình thành một cách tự phát và thiếu tính quy luật.

Và vì vậy, người ở trong khu ở chưa cảm thấy gần gũi với không gian sống của mình và nhà quản lý thấy khó khăn trong việc quản lý do sự hình thành mất trật tự và không có dự kiến trước của không gian.

Nếu môi trường không gian của khu Linh Đàm thoáng rộng như vậy mà có những dự án thiết kế đô thị gọi là Thiết kế cộng đồng (Community Design) hoạt động, được lấy 1% tổng dự toán kinh phí quy hoạch xây dựng (theo như luật của các nước là 1% đến 2%) để mua chỗ và đặt tượng, xây các hình thức kiến trúc nhỏ thì sẽ dễ chịu hơn nhiều.

Việc một số khu nhà ở phân lô thành các khu nhà ở chia lô và để dân tự phát xây dựng, không quản lý về độ cao, hình khối, phong cách, màu sắc... là thiếu sót của việc không có thiết kế đô thị trong xây dựng.



Các tầng lớp môn học của thiết kế đô thị

Một trong những nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, các chủ đầu tư, các tập đoàn thiết kế và xây dựng là biết lắng nghe ý kiến của công chúng, nhưng đồng thời cũng phải biết hướng dẫn cho họ "sống sung sướng", nhiều người có tiền hiện nay sống rất lạc hậu và văn hóa kém.

Chính vì vậy, thiết kế đô thị có mục tiêu là tổng hòa và nâng cao chất lượng đô thị về tất cả các mặt kiến trúc học, nghệ thuật môi trường, cảnh quan kiến trúc và công trình học đô thị. Ngành nào cũng quan trọng cả, có sự xâm nhập, đan cài vào nhau, nhưng thiết kế đô thị có một ưu thế là có tính quán xuyên cao, vì nó ở giữa, ở vị trí trung tâm, như diễn đạt ở sơ đồ trên.

Từ lý luận về thiết kế đô thị đến thao tác thiết kế đô thị là một quá trình rất gần, chúng tôi chỉ muốn nói đến hai cách thao tác sau đây:

a) Thao tác quan hệ hình - nền: là thao tác trên mặt đứng triển khai hoặc thao tác nhìn từ trên xuống mặt bằng tổng thể, hoặc nhìn trong mô hình.

Thao tác này là một thao tác có thể là cảm quan (dùng cảm nhận, nhận thức trực quan để cảm thấy "thế này là thích hợp") và có thể là thao tác định lượng (khống chế bằng các hệ số).

Bằng thao tác hình - nền, ta thấy một số khu đô thị mới xây các nhà cao xung quanh viên ngoài là có điều chưa thỏa đáng (nhiều trường hợp nhà cao tầng nên làm nền cho các khối nhà thấp hơn). Lý luận quan niệm hình nền là lý luận âm - dương, cũng là lý luận triết học.

b) Thao tác tạo nên các không gian văn hóa. Điều chúng tôi muốn nói ở đây là một trong những mục đích của thiết kế đô thị là thiết kế môi trường hoạt động xã hội, thiết kế bầu không khí (atmosphère) văn hóa; như vậy, ngoài việc chúng ta thiết kế môi trường không gian hình thể (tạo thành các hệ thống không gian có giới hạn bởi bình diện nền, bình diện tường hay bình diện trần đô thị hay kiến trúc), một việc làm quan trọng khác là tạo sức sống "cho cái khoảng không" và "làm cho nó hoạt động được, tác động được đến hành vi văn hóa của con người".

Tổ chức, bộ máy và nhân sự cho việc thiết kế đô thị như thế nào, chúng tôi sẽ xin tham luận vào một dịp khác, nhưng một trong những bên tham gia không thể thiếu của thiết kế đô thị cho các khu đô thị là chủ đầu tư, họ cũng sẽ là người được hưởng lợi và cùng bộ máy quản lý nhà nước các cấp tăng được năng lực quản lý theo hệ thống văn bản quy chuẩn vốn là sản phẩm chiếm một phần quan trọng kết quả của thiết kế đô thị.

HOÀN THIÊN QUY TRÌNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ

PGS. TS. KTS. Huỳnh Đăng Hy

Vài năm gần đây thiết kế đô thị được nhiều người bàn đến. Một số vị lãnh đạo Nhà nước đã có nhận xét "Công tác quy hoạch xây dựng và phát triển kiến trúc đô thị ở nước ta đã có nhiều tiến bộ... Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, trật tự kiến trúc đô thị vẫn chưa được thiết lập; kiến trúc phát triển khá đa dạng nhưng mang tính tự phát và chưa hình thành bản sắc. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do công tác thiết kế đô thị chưa được coi trọng. Để khắc phục tình trạng trên, nhằm thực hiện mục tiêu "xây dựng và phát triển kiến trúc hiện đại, giàu bản sắc dân tộc" thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 09/2003/CT-TTg ngày 7-4-2003 về công tác thiết kế đô thị.

Tiếp theo Bộ Xây dựng nghị thảo Nghị định của Chính phủ về quản lý, quy hoạch xây dựng nhằm thực hiện Chỉ thị số 09/2003/CT-TTg, đồng thời để thay thế Nghị định của Chính phủ ban hành điều lệ quản lý quy hoạch đô thị số 91/CP ngày 17-8-1994 (tài liệu phục vụ Hội nghị quản lý kiến trúc, quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, tháng 4/2003).

Tại mục 2 của điều 4 dự thảo này ghi "quy hoạch xây dựng đô thị gồm quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị và quy hoạch xây dựng hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng chuyên ngành".

"Điều 16: Thiết kế đô thị:

1. Thiết kế đô thị được áp dụng cho một vùng, một đô thị, một khu, một trục đường, quảng trường của đô thị. Trong đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, thiết kế đô thị được lồng ghép là một bộ phận cấu thành của đồ án quy hoạch xây dựng.

Trong trường hợp cần thiết, thiết kế đô thị được lập như một đồ án thiết kế đô thị chi tiết riêng nhằm cụ thể hóa các quy định của quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết về mặt hình thức bố cục không gian, kiến trúc cảnh quan đối với trục đường, quảng trường hoặc một khu chức năng đô thị.

2. Nội dung của thiết kế đô thị:

a) Luận chứng cơ sở và các yếu tố hình thành bố cục không gian, kiến trúc và cảnh quan của khu vực lựa chọn thiết kế.

b) Phân bố các yếu tố hình thành bố cục không gian trong tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết;

c) Tổ chức bố cục không gian và cảnh quan kèm theo các giải pháp sử dụng vật liệu, màu sắc, cây xanh, chiếu sáng, trang thiết bị cho không gian trống bên ngoài của khu đô thị, các trục đường, quảng trường và không gian công cộng;

d) Soạn thảo quy định quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị.

3. Thiết kế đô thị chi tiết được duyệt là cơ sở để lập các dự án đầu tư xây dựng, thiết kế công trình và cấp phép xây dựng".

Luật xây dựng được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ tư thông qua tháng 11/2003, có hiệu lực từ 01-7-2004, tại điểm 15 điều 3 - giải thích từ ngữ "*Thiết kế đô thị* là cụ thể hóa nội dung quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị về kiến trúc các công trình trong đô thị, cảnh quan cho từng khu chức năng, tuyến phố và các khu không gian công cộng khác trong đô thị". Luật dành hẳn một chương II (gồm 24 điều) quy định về Quy hoạch xây dựng; trong đó tại điều 27 quy định về thiết kế đô thị.

"1. Thiết kế đô thị bao gồm những nội dung sau:

a) Trong quy hoạch chung xây dựng đô thị, thiết kế đô thị phải quy hoạch và thể hiện được không gian kiến trúc công trình, cảnh quan từng khu phố, của toàn đô thị, xác định được giới hạn chiều cao công trình của từng khu vực và của toàn đô thị;

b) Trong quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, thiết kế đô thị phải quy hoạch và thể hiện được cốt xây dựng mặt bằng, vỉa hè, nền công trình và các tầng của công trình, chiều cao công trình, kiến trúc mặt bằng, hình thức kiến trúc mái, màu sắc công trình, trên từng tuyến phố;

c) Thiết kế đô thị phải thể hiện được sự phù hợp với điều kiện thiên nhiên của địa phương, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và nhân tạo ở khu vực thiết kế, tận dụng các yếu tố mặt nước, cây xanh; bảo vệ di sản văn hóa, công trình di tích lịch sử, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các quy định về quản lý kiến trúc để quản lý về việc xây dựng theo thiết kế đô thị được duyệt.

3. Chính phủ quy định cụ thể về thiết kế đô thị".

Tất cả trích dẫn các văn bản Nhà nước nêu trên cho thấy các tài liệu đó mới thể hiện nội dung thiết kế đô thị là thiết kế không gian kiến trúc đô thị. Việc nghiên cứu và thể hiện các ý tưởng tổ chức không gian kiến trúc đô thị có chất lượng cao hơn quy định về việc lập các đồ án quy định xây dựng đô thị được ban hành kèm theo quyết định số 322/BXD-ĐT ngày 28/12/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng là cần thiết, nhưng thực chất nội dung của thiết kế đô thị là gì, đến nay chưa có sự thống nhất giữa các văn bản nhà nước và ý kiến của nhiều chuyên gia ngành thiết kế xây dựng đô thị.

Vậy thiết kế đô thị là gì ?

Trước hết chúng ta cần thống nhất khái niệm đô thị: Tại Nghị định của Chính phủ về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị số 72/2001/NĐ-CP ngày 5-10-2001: "Đô thị Việt Nam bao gồm thành phố, thị xã, thị trấn được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập" (điều 3). Đối với thành phố, thị xã còn được phân chia thành khu vực nội thành, nội thị và ngoại thành - ngoại thị (điều 6). Mỗi đô thị phải hội đủ 5 tiêu chí được xác định ở mục 2, điều 3 nghị định này. Nói cách khác, "đô thị là điểm dân cư tập trung đông đúc, chủ yếu là lao động phi nông nghiệp; dân cư sống và làm việc theo phong cách, lối sống đô thị. Đó là lối sống có nhu cầu về vật chất và tinh thần cao, có đầu tư xây dựng và phát triển mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và xã hội". Theo khái niệm triết học, đô thị là môi trường vật chất được xây dựng đồng bộ, hiện đại, mỹ quan các cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật - xã hội để con người ở, làm việc, nghỉ ngơi, thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần ở mức độ cao.

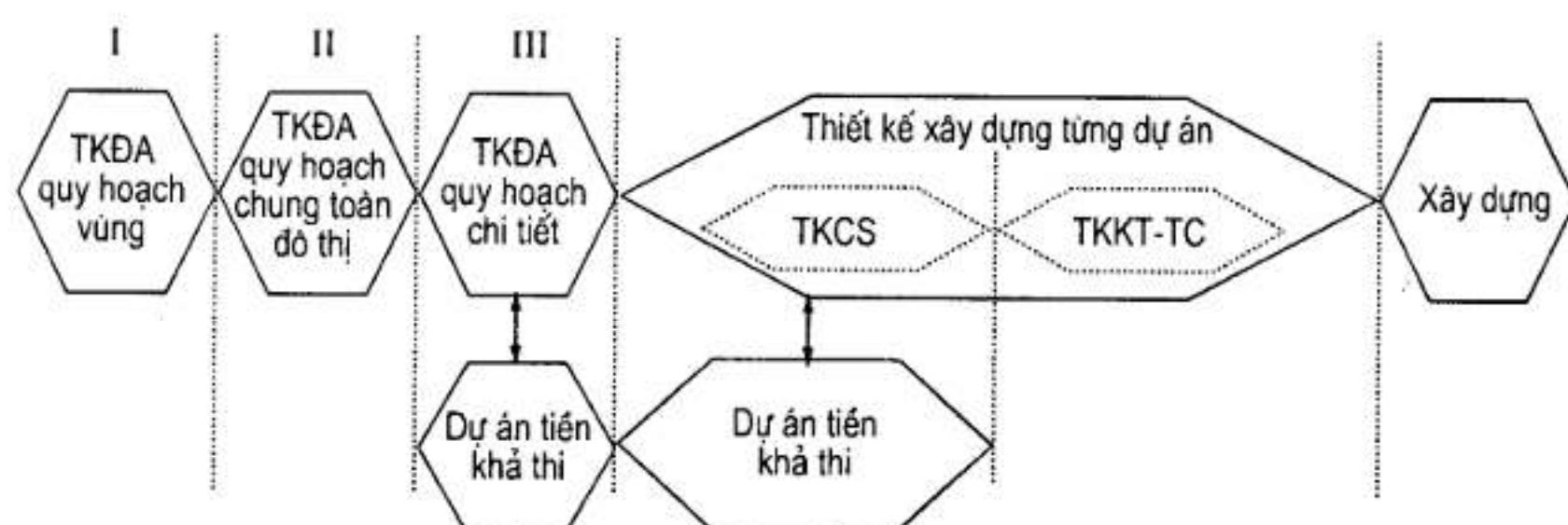
Vậy thiết kế đô thị là toàn bộ những công việc tạo lập nên các đồ án thiết kế đồng bộ gồm các tài liệu tính toán, vẽ và viết thể hiện được ý tưởng xây dựng một đô thị từ đầu đến khi thực hiện, vật chất hóa ý tưởng đó trong không gian.

Thiết kế đô thị phải được hiểu gồm *một chuỗi liên tục các giai đoạn thiết kế khác nhau*; từ cái chung đến cái riêng, từ tổng đến cụ thể - chi tiết, từ phạm vi lãnh thổ rộng đến một lãnh thổ hẹp. Mỗi giai đoạn chỉ nghiên cứu, đề xuất, giải quyết các vấn đề ở mức độ nhất định, một cách tuần tự.

Thiết kế đô thị phải được bắt đầu từ các giai đoạn thiết kế quy hoạch cho đến thiết kế kỹ thuật - thi công từng dự án, hay từng hạng mục công trình cụ thể. Công việc thiết kế đô thị ở Việt Nam đã được bắt đầu từ những

năm 60 của thế kỷ trước, gồm các giai đoạn sau: Thiết kế đồ án (sơ đồ) quy hoạch vùng (vùng liên tỉnh, vùng tỉnh, thành phố trực thuộc TW); Thiết kế đồ án quy hoạch chung toàn đô thị; Thiết kế đồ án quy hoạch chi tiết từng khu chức năng của đô thị (cải tạo khu đô thị cũ, xây dựng khu nhà ở mới, khu trung tâm đô thị; khu công viên văn hóa - thể dục thể thao; khu công nghiệp tập trung, bến cảng, kho tàng; trung tâm đào tạo; khu du lịch); thiết kế xây dựng từng dự án, trong giai đoạn này có hai bước thiết kế nhỏ là thiết kế sơ bộ (thiết kế cơ sở) và thiết kế kỹ thuật - thi công; như sơ đồ minh họa dưới đây:

Quy trình đầy đủ các giai đoạn thiết kế xây dựng đô thị



Mỗi giai đoạn thiết kế đô thị nêu trên phải được nghiên cứu và thể hiện một cách đồng bộ bao gồm các công trình kiến trúc - cảnh quan, các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ và nhà ở trên mặt đất, các cống ngầm dưới mặt đất và toàn bộ hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, thông tin liên lạc...

Như vậy, tiến trình thiết kế đô thị ở Việt Nam đã là thông lệ, tiến trình đó cũng hòa nhập với thông lệ quốc tế và khu vực. Không phải là "lĩnh vực mới chưa được thực hiện ở nước ta, giới quy hoạch đô thị của ta còn đang cố gắng để cập nhật khoa học này" như một chuyên gia đã viết ở Tạp chí quy hoạch số 8 (số 2/2004).

Ba giai đoạn thiết kế đô thị đầu tiên của sơ đồ trên (thiết kế quy hoạch) được thể hiện cụ thể tại nghị định 91/CP ngày 17-8-1994 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý quy hoạch đô thị. Quyết định 322/BXD-ĐT ngày 28-12-1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chương II - Quy hoạch xây dựng của Luật xây dựng 11/2003. Giai đoạn thiết kế đô thị sau cùng: Thiết kế xây dựng từng dự án trong đô thị được thể hiện chi tiết trong Quy chế

quản lý đầu tư và xây dựng được ban hành kèm theo các Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8-7-1999, số 12/2000/NĐ-CP ngày 5-5-2000, số 7/2003/NĐ-CP ngày 30-01-2003 của Chính phủ và chương III và IV Luật xây dựng, 11/2003. Chính vì các văn bản quản lý Nhà nước về thiết kế xây dựng đô thị đã được soạn thảo và ban hành một cách cật khúc nên ta không thấy được tiến trình liên tục và đầy đủ của quy trình thiết kế xây dựng khoa học, đồng bộ.

Như vậy, thiết kế đô thị cần được hiểu là thiết kế xây dựng đô thị . Công việc thiết kế xây dựng đô thị phải bao gồm đồng bộ cả các vấn đề kinh tế - xã hội - kỹ thuật hạ tầng, gồm 4 giai đoạn thiết kế. Hai giai đoạn thiết kế đều có tính chất chiến lược, hai giai đoạn thiết kế sau có tính chất chiến thuật - hành động. Với một số ý trình bày vắn tắt trên để đi đến một kiến nghị nhỏ cần biên tập lại thuật ngữ số 15 điều 3 Luật Xây dựng và điều 27 về Thiết kế đô thị của Luật xây dựng để trình Quốc hội xem xét, cho điều chỉnh bổ sung Luật Xây dựng vào thời điểm thích hợp.

Về phương pháp thiết kế xây dựng đô thị: quá trình thiết kế từng giai đoạn thiết kế xây dựng đô thị bao gồm:

1. Lập và duyệt nhiệm vụ thiết kế ở chủ đầu tư;
2. Nhận các tài liệu gốc từ chủ đầu tư và ở các tổ chức khác (tổ chức thiết kế; nghiên cứu khoa học; kế hoạch, v.v...)
3. Chuẩn bị bản đồ địa hình để thiết kế;
4. Nghiên cứu sơ bộ khu vực để thiết kế;
5. Lập và so sánh các phương án giải pháp thiết kế;
6. Thể hiện tài liệu vẽ và viết của đồ án;
7. Thỏa thuận đồ án thiết kế với các tổ chức liên quan, chủ đầu tư và duyệt đồ án thiết kế.

Phương pháp luận lập đồ án thiết kế xây dựng đô thị là:

- Nghiên cứu kỹ hiện trạng khu vực được thiết kế;
- Phân tích tổng hợp viễn cảnh phát triển khu vực thiết kế gồm các yếu tố kinh tế - xã hội - kiến trúc - kỹ thuật - vệ sinh môi trường và sinh thái;
- Lập và so sánh các phương án của giải pháp thiết kế;
- Chọn phương án tối ưu và thảo các thiết kế chi tiết bổ sung;

1. Nhiệm vụ thiết kế: là tài liệu đặc biệt phải có, đính kèm với hợp đồng thiết kế.

Nhiệm vụ thiết kế này do cơ quan thiết kế chuẩn bị (dự thảo), sau đó Cơ quan quản lý quy hoạch và kiến trúc bổ sung hoàn chỉnh, thủ trưởng, chủ đầu tư duyệt.

Nội dung nhiệm vụ thiết kế được lập khác nhau đối với các giai đoạn thiết kế xây dựng đô thị khác nhau. Nhưng hàng loạt nguyên tắc phải được phản ánh ở mọi dạng nhiệm vụ. Các nguyên tắc đó là:

- Căn cứ để giao nhiệm vụ thiết kế (công văn yêu cầu; kế hoạch thiết kế được duyệt v.v...)

- Bản đồ thể hiện ranh giới khu vực được thiết kế và các thông số chủ yếu của khu vực (dân số, quy mô khu đất);

- Tỷ lệ yêu cầu thể hiện các bản vẽ và đặc điểm bản đồ địa hình được sử dụng;

- Trình tự và thời hạn chủ đầu tư giao các tài liệu gốc để thiết kế;

- Trình tự thỏa thuận và phê duyệt tài liệu thiết kế.

+ Trong nhiệm vụ lập sơ đồ và đồ án quy hoạch vùng, đồ án quy hoạch vùng của vùng ảnh hưởng thành phố cực lớn, đồ án quy hoạch vùng của vùng đặc thù (du lịch, nghỉ ngơi, bảo vệ thiên nhiên) phải có các chỉ dẫn bổ sung; Cần thiết phải kết hợp (hay khớp nối) các công việc đã làm trước về quy hoạch vùng và các tài liệu thiết kế, nghiên cứu khoa học khác, các thông số riêng phát triển các ngành kinh tế quốc dân vào thời điểm giao nhiệm vụ thiết kế, các yêu cầu đặc biệt cho công trình thiết kế (giới hạn phát triển của từng đô thị, bảo vệ các tổ hợp thiên nhiên độc đáo và v.v...).

Trong lập quy hoạch vùng, bên cạnh nhiệm vụ thiết kế chính của chủ đặt hàng đã giao cho tổ chức thiết kế chính, chủ đặt hàng có thể giao cho tổ chức thiết kế chuyên ngành hay tổ chức nghiên cứu khoa học - các tổ chức tham gia thiết kế vào đồ án chung nhiệm vụ thực hiện từng phần. Tổ chức thiết kế chính phải lập và làm thủ tục theo các hợp đồng phụ các nhiệm vụ thiết kế đó.

- Nhiệm vụ lập đồ án quy hoạch chung các đô thị và đồ án quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn, ngoài các nguyên tắc bắt buộc, thường bao gồm: chỉ dẫn sự cần thiết xét đến các điều kiện đặc biệt phát triển lãnh thổ của điểm dân cư; yêu cầu đặc biệt về tổ chức cơ cấu và phân khu chức năng lãnh thổ của đô thị. Khi lập tài liệu thiết kế phải xét đến các tài liệu chuyên ngành và tài liệu thiết kế được duyệt trước kia. Trong nhiệm vụ thiết kế cần

được thỏa thuận các thông số cơ sở xây dựng đô thị, tỷ lệ nhà ở theo tầng cao và vật liệu tường, các nguyên tắc chủ yếu giải quyết hệ thống trang bị kỹ thuật, cũng như khối tích sơ bộ của việc xây dựng nhà ở, công trình văn hóa, dịch vụ đợt đầu.

+ Khi chuẩn bị nhiệm vụ lập đồ án quy hoạch chi tiết phải xác định chính xác địa điểm khu vực thiết kế công trình được bố trí trong giới hạn các đường đỏ (kiểu và tầng cao nhà ở, công trình sản xuất, giáo dục đào tạo v.v...) cũng như các yêu cầu chính trang xây dựng, trang bị kỹ thuật và chuẩn bị kỹ thuật đất đai khu vực. Chủ đầu tư nói rõ trong nhiệm vụ về thời hạn và nguồn tài liệu gốc mà tổ chức thiết kế được nhận về hiện trạng xây dựng nhà ở và các công trình văn hóa - dịch vụ trên khu đất thiết kế và các tài liệu về điều kiện đấu nối các hệ thống kỹ thuật với nguồn bên ngoài.

+ Nhiệm vụ lập thiết kế kỹ thuật xây dựng đơn vị ở (đường phố, hay một hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng, phải chi tiết thời hạn xây dựng trên lãnh thổ được thiết kế, chỉ rõ chính xác số hiệu các thiết kế điển hình nhà ở và công trình công cộng được sử dụng hay cần thiết lập các đồ án thiết kế cá biệt; chỉ rõ việc sử dụng các tài liệu gốc để lập dự toán. Trong các nhiệm vụ thiết kế này, trên cơ sở tài liệu các ngành của đô thị cần trình bày chi tiết những điều kiện kỹ thuật để trang bị kỹ thuật hạ tầng khu vực thiết kế.

Ở giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công không phải giao nhiệm vụ thiết kế riêng.

2. Tài liệu gốc phải đầy đủ và tin cậy tối đa. Những yêu cầu này quyết định chất lượng và tính kinh tế của giải pháp thiết kế.

Có 4 dạng tài liệu gốc khác nhau:

a) Đặc điểm, điều kiện thiên nhiên và các yếu tố sinh thái;

b) Thông tin lịch sử, cũng như các kiến nghị có trong tài liệu thiết kế và nghiên cứu trước kia của các Bộ - Ngành và các tổ chức nghiên cứu khoa học có liên quan đến đối tượng thiết kế;

c) Đặc điểm hiện trạng: các cơ sở kinh tế, tình hình sử dụng đất đai, cơ cấu và phân vùng quy hoạch, xây dựng nhà ở và công trình công cộng, các công trình thị chính, mạng lưới đường sá, giao thông, các hệ thống trang bị kỹ thuật v.v...

d) Tài liệu bản đồ.

Trong số tài liệu gốc về điều kiện thiên nhiên, ngoài các tài liệu khí hậu, các điều kiện địa chất công trình thủy văn và các quá trình vật lý, còn có các

thông tin về rừng, cây xanh, đặc trưng phong cảnh của địa phương, ao hồ, tình hình bảo vệ môi trường xung quanh. Các nhân tố sinh thái cũng xét kết hợp với điều kiện thiên nhiên như mọi loại giới hạn quy hoạch bố trí xây dựng và giải quyết các vấn đề bảo vệ và cải thiện môi trường. Thuộc loại này có ranh giới thái đất đá, khu bảo vệ vệ sinh, khu hạn chế xây dựng do tác động của các nhân tố không thuận lợi khác nhau, các hành lang đường sắt và ô tô, khu bảo vệ di tích lịch sử văn hóa, khu bảo vệ nguồn nước, bảo vệ rừng, v.v... Cũng như các tài liệu về tình hình nhiễm bẩn và không khí.

Chất lượng tài liệu gốc so với hiện trạng được quyết định bởi thời gian nhận được chúng. Các tài liệu này phải được sử dụng trong tài liệu thiết kế:

- Về sơ đồ và đồ án quy hoạch vùng: Phải đến 1 tháng giêng của năm xuất đồ án.

- Về đồ án quy hoạch vùng khu ngoại thành, khu nghỉ ngơi và du lịch, và luận chứng kinh tế - kỹ thuật (TEO) phát triển các thành phố, quy hoạch chung và đồ án quy hoạch chi tiết - đến 1 tháng giêng của năm bắt đầu thiết kế, khi có khả năng, đến một tháng giêng của năm xuất tài liệu thiết kế.

- Về đồ án xây dựng - đến tháng bắt đầu thiết kế. Trong thuyết minh nhất thiết phải có thông tin về nguồn nhận các tài liệu gốc. Trình bày các tài liệu hiện trạng có phân tích chúng và những kết luận cần thiết để thiết kế tiếp theo.

Để nhận được tất cả các tài liệu gốc, các chuyên gia của tổ chức thiết kế phải tự đi thu thập (khi cần thiết phải đi công tác địa phương), gửi công văn yêu cầu, gửi các mẫu - biểu riêng cho chủ đầu tư để điền các nội dung cần thiết tại chỗ; đặt hàng khảo sát đo đạc bản đồ ở tổ chức đo đạc bản đồ chuyên trách.

3. Chuẩn bị bản đồ địa hình để thiết kế, gồm:

- Nhận các bản đồ và bình đồ cần thiết cho giai đoạn công tác thiết kế;
- Thảo nhiệm vụ kỹ thuật nhằm chuẩn bị bản đồ đối với quá trình thiết kế.
- Photocopy bản đồ nền để thể hiện các giải pháp thiết kế chủ yếu.

Tỷ lệ bản đồ địa hình được xác định tùy vào giai đoạn (dạng) công việc.

Bản đồ tỷ lệ 1: 25.000 và nhỏ hơn, tổ chức thiết kế mua ở cục bản đồ của Bộ tài nguyên môi trường.

Bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 10.000 - 1: 5.000 được lập bằng vốn của các chủ đầu tư trên cơ sở hợp đồng giữa chủ đặt hàng với xí nghiệp đo đạc bản đồ địa

phương. Các bản đồ tỷ lệ lớn hơn (1: 2.000 - 1.500) được lập cũng theo kinh phí của chủ đặt hàng.

4. Nghiên cứu điều tra thăm dò công trình khu vực thiết kế được thực hiện do một đội đồng bộ các chuyên gia dưới sự lãnh đạo của một kiến trúc sư trưởng (hoặc kỹ sư trưởng) thiết kế gồm các việc: quan sát bằng mắt địa điểm công trình, chụp ảnh, vẽ ghi, lập các sơ đồ, phác thảo v.v...

Mục tiêu của việc nghiên cứu thăm dò: làm chính xác các tài liệu gốc đã nhận được cũng như nghiên cứu thực địa khu đất và hiện trạng xây dựng trên khu đất.

Việc nghiên cứu thăm dò được tiến hành hợp lý là sau khi có tài liệu bản đồ ở tỷ lệ phù hợp giai đoạn công việc. Trên đó chỉ rõ các tuyến đi nghiên cứu, các điểm nhìn đặc trưng, nơi cần chụp ảnh, các công trình đã xây dựng mà chưa có trên bản đồ.

Ảnh chụp hiện trạng xây dựng và cảnh quan có thể được sử dụng như là tài liệu minh họa trong quá trình tìm kiếm giải pháp thiết kế, cũng như là tài liệu minh họa đưa vào thành phần tài liệu thiết kế. Việc chụp ảnh hiện trạng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi lập thiết kế các thành phố (hay các vùng) có nhiều di tích lịch sử và văn hóa.

Việc nghiên cứu điều tra được thực hiện cùng với chuyển công tác thu thập bổ sung các tài liệu gốc để thiết kế.

5. Phác thảo và so sánh các phương án giải pháp thiết kế

Là một trong những cơ sở phương pháp luận quan trọng nhất của từng giai đoạn thiết kế xây dựng đô thị. Các phương án nghiên cứu và phương án chọn cuối cùng rất khác nhau.

Trong quy hoạch vùng thường được xem xét các phương án có tính nguyên tắc: Các phương án phân bố hệ thống các điểm dân cư theo các thông số khác nhau phát triển từng điểm dân cư, các phương án phân khu chức năng và sử dụng đất đai, các phương án kỹ thuật tổ chức giao thông liên lạc và trang bị kỹ thuật hạ tầng toàn vùng.

Khi nghiên cứu TEO phát triển các đô thị người ta xuất phát từ cơ sở kinh tế chấp nhận và thể hiện các phương án phát triển lãnh thổ (đất đai) của đô thị khi có tỷ lệ khác nhau tầng cao xây dựng có xét đến khả năng xây dựng nhà ở, công nghiệp và công trình văn hóa - dịch vụ ở các khu đất khác nhau trong giới hạn hay ngoài giới hạn bản đồ thành phố được xác lập. Khi đó lập

các phương án cơ cấu quy hoạch khác nhau việc phân khu chức năng, tổ chức giao thông liên lạc và trang bị kỹ thuật.

Ở giai đoạn quy hoạch chung đã được nghiên cứu trên cơ sở TEO được duyệt hay một giai đoạn có thể hoàn thành các phương án cơ cấu quy hoạch (hệ thống đường phố và phân chia thành các khu ở, khu quy hoạch) và bố trí các trung tâm dịch vụ, các phương án sơ đồ tổ chức giao thông thành phố và hệ thống các công trình kỹ thuật hạ tầng.

Trong quá trình lập đồ án quy hoạch chi tiết của một khu phải trên cơ sở cơ cấu quy hoạch đã được khẳng định trong bản đồ quy hoạch chung đã tiến hành xác định vị trí chính xác các đường đỏ và xem xét các phương án của giải pháp kiến trúc - quy hoạch và hình khối không gian xây dựng của toàn bộ khu, cũng như giải pháp kỹ thuật có thể của việc trang bị kỹ thuật và hoàn thiện xây dựng.

Khi lập thiết kế kỹ thuật xây dựng từng khu đô thị nói riêng (khu đô thị mới, ô phố, đường phố...) phải xuất phát từ các kiểu nhà ở và công trình công cộng do chủ đầu tư giao và các đường đỏ đã được duyệt ở giai đoạn quy hoạch chi tiết. Khả năng lập các phương án ở đây phải thể hiện chính xác vị trí từng công trình riêng biệt, phác thảo tổng mặt bằng xây dựng (hệ thống đường xe nội bộ và các đường đi bộ, bố trí các sân thể dục thể thao và các sân tập dịch, bãi đậu xe và gara, cây xanh và công trình kiến trúc nhỏ), ở mô hình thể hiện các tìm tòi giải pháp hình khối không gian xây dựng biểu hiện gắn với địa hình khu đất và tìm tòi các sơ đồ tối ưu hệ thống kỹ thuật bên trong khu.

Các bản vẽ thi công xây dựng được lập trên cơ sở thiết kế kỹ thuật được duyệt.

Các phương án thi công của giải pháp thiết kế phải được thảo luận ở tập thể tác giả thiết kế, ở Hội đồng kiến trúc - kỹ thuật của tổ chức thiết kế và dưới dạng phác thảo ở Hội đồng kiến trúc - quy hoạch xây dựng đô thị của UBND tỉnh hoặc thành phố. Trong quá trình thảo luận các phương án thực thi phải được so sánh các đặc điểm kiến trúc - nghệ thuật, kinh tế - kỹ thuật, quy hoạch và vệ sinh môi trường.

Trên cơ sở so sánh và thảo luận phải chọn được một phương án cuối cùng để nghiên cứu chi tiết và trình cho chủ đặt hàng dưới dạng hoàn chỉnh.

Khi lập các đồ án quy hoạch vùng và TEO phát triển đô thị phải trình cho chủ đặt hàng tất cả các phương án được lập về bố trí các xí nghiệp công nghiệp và phát triển lãnh thổ các điểm dân cư.

Các đặc điểm và chỉ tiêu sau đây được coi là *các tiêu chí để đánh giá giải pháp thiết kế xây dựng đô thị*.

a) *Về kiến trúc - nghệ thuật*: Khả năng đưa vào phối kết xây dựng các phần tử cảnh quan giá trị, mặt nước thoáng, tính biểu hiện của giải pháp hình khối không gian, giải pháp về màu sắc xây dựng, bóng dáng của đô thị ...v.v.

b) *Về quy hoạch*: Tính tập trung (chặt chẽ) xây dựng, có đất đai dự trữ phát triển công nghiệp và khu dân dụng trong tương lai, tổng chi phí thời gian đi làm việc, liên hệ thuận tiện các khu ở tới các nơi nghỉ ngơi, giải trí...

c) *Về vệ sinh môi trường*: Vị trí các khu ở so với khu cách ly vệ sinh của hướng gió chủ đạo; tỷ trọng xây dựng nhà ở có điều kiện ít thuận lợi so với chế độ nắng, gió; khả năng các khu xây dựng nhà ở tránh được các chất độc hại đổ về khi lặng gió và gió lạnh mùa đông: theo sườn dốc được bố trí xây dựng, khu nghỉ ngơi và thể thao; mức độ ảnh hưởng của giải pháp thiết kế được thực hiện đến việc cải thiện môi trường chung quanh.

d) *Về kinh tế - kỹ thuật*: Đầu tư xây dựng nhà ở và công trình văn hóa - dịch vụ, tổ chức phục vụ giao thông, trang bị kỹ thuật và chuẩn bị kỹ thuật đất đai, chi phí khai thác (hay chi phí hoạt động); quy mô đền bù lấy đất nông nghiệp; đền bù khi di dân và tái định cư; các chỉ tiêu mật độ diện tích ở, bảo đảm các cơ quan văn hóa - dịch vụ, cây xanh, nơi giữ các phương tiện giao thông cá nhân...v.v. Độ dài hệ thống kỹ thuật hạ tầng và tỷ trọng chi phí trang bị kỹ thuật xây dựng nhà ở. Giá một mét vuông nhà ở hay mét vuông sử dụng ; chi phí chuẩn bị kỹ thuật cho một ha đất đai.

So sánh các phương án bằng cách đối chiếu các chỉ tiêu của chúng (triệu đồng, đơn vị đo) với các công trình tương tự. Để đánh giá phương án cuối cùng ta áp dụng hệ thống điểm ước lệ (thường từ 1 đến 5), trao đổi nguyên tắc định thang điểm tương ứng. Khi thảo luận các phương án giải pháp thiết kế thường ta sử dụng phương pháp đánh giá thí điểm của các chuyên gia... theo từng ngành (bỏ phiếu).

6. Thể hiện tài liệu vẽ và viết đồ án thiết kế xây dựng đô thị được xác định bằng yêu cầu chung của quy chế thiết kế xây dựng đô thị, cũng như

các quy phạm đã được thể hiện trong thực tiễn nhiều năm thiết kế xây dựng đô thị.

Tài liệu thiết kế xây dựng đô thị được trình cho chủ đặt hàng gồm các phần vẽ và viết sau:

Tài liệu viết: Bao gồm thuyết minh và phụ lục. ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật xây dựng các khu đô thị mới (các đơn vị ở, tiểu khu) còn có dự toán, thuyết minh kèm theo đồ án được lập một cách cô đọng và chính xác, trong đó có thông tin về các tài liệu và số liệu gốc được sử dụng khi thiết kế.

Thực tiễn thiết kế xây dựng đô thị đã xác định trình tự trình bày các vấn đề trong thuyết minh như sau:

a) Phần chung (theo yêu cầu của người đặt hàng; căn cứ những tài liệu nào để thiết kế, những nguyên tắc cơ bản của giải pháp thiết kế, tiến trình nghiên cứu, thỏa thuận giải pháp thiết kế, danh sách tập thể tác giả).

b) Tóm tắt đặc điểm các điều kiện và nhân tố thiên nhiên và những hạn chế xây dựng về mặt quy hoạch và về vệ sinh môi trường (khí hậu, thủy văn, điều kiện địa chất công trình, thủy lợi, các khu hạn chế cấm xây dựng, tài nguyên và vật liệu xây dựng).

c) Tóm tắt thông tin về lịch sử và hiện trạng cơ sở kinh tế phát triển, dân cư, vốn nhà ở, các công trình văn hóa - dịch vụ và mức chung trang bị kỹ thuật và hoàn thiện xây dựng.

d) Đánh giá các điều kiện phát triển đất đai (mô tả phương pháp phân tích nguồn dự trữ đất đai, hiện trạng sử dụng đất đai, điều kiện lấy đất nông nghiệp để xây dựng, diện tích đất nên khai thác đợt đầu vào cho tương lai).

đ) Những nguyên tắc phân khu chức năng và tổ chức quy hoạch lãnh thổ đất đai (bao gồm cây xanh và tổ chức nghỉ ngơi).

e) Giải pháp kiến trúc - quy hoạch và phối kết hình khối không gian xây dựng.

g) Xây dựng nhà ở.

h) Tổ chức phục vụ văn hóa - sinh hoạt.

i) Mạng lưới đường sá và giao thông.

k) Trang bị kỹ thuật, chuẩn bị kỹ thuật và hoàn thiện xây dựng lãnh thổ, các kiến nghị về gìn giữ và cải thiện môi trường chung quanh.

l) Phân đợt xây dựng

m) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tổng hợp

n) Các phụ lục (bản sao các nhiệm vụ kiến trúc - quy hoạch và kỹ thuật để thiết kế, bản sao các công văn và tài liệu khác để làm rõ và làm chứng cứ từng vấn đề của thiết kế). Những tài liệu thỏa thuận trước của giải pháp thiết kế.

Mỗi một phần của thuyết minh gồm mô tả tóm tắt hiện trạng vấn đề đó, phân tích chúng, các kết luận và kiến nghị của giải pháp thiết kế.

Phần vẽ gồm các bản vẽ chính và bản vẽ bổ sung, các tài liệu minh họa cũng như mô hình.

Danh sách các bản vẽ chính và bổ sung phải thể hiện khi lập các đồ án thiết kế xây dựng đô thị theo các giai đoạn khác nhau được quy định cụ thể trong "chỉ dẫn lập sơ đồ và đồ án quy hoạch vùng", chỉ dẫn về lập thiết kế và dự toán để xây dựng các dự án từng khu đô thị.

Tất cả bản vẽ chính phải hiện bằng màu hay đen trắng và thường ở khổ giấy A4 hoặc A3. Các bản vẽ có thể đóng liền sau thuyết minh hoặc đóng thành tập riêng. Các bản vẽ thi công xây dựng và phần bản vẽ bổ sung các đồ án thiết kế còn lại có thể thể hiện trên giấy để photocopy.

Chữ ký trên các bản vẽ nên đưa vào vị trí khung tên.

Trên các bản vẽ nhất thiết phải chỉ rõ tỷ lệ bằng số hoặc bằng tỷ lệ xích, hướng la bàn và hoa gió. Góc dưới bên phải tất cả các bản vẽ bố trí khung tên tổ chức thiết kế và năm xuất tài liệu thiết kế.

Các tài liệu minh họa gồm:

- Các tài liệu vẽ được thể hiện như các bản vẽ độc lập mà không được xác định trước bằng yêu cầu của chỉ dẫn (các sơ đồ, bản vẽ toàn cảnh, phối cảnh, vẽ ghi, vẽ chi tiết).

Đóng kèm vào thuyết minh các bản vẽ thu nhỏ tài liệu bổ sung nêu trên, cũng như các bản vẽ đặc biệt, các sơ đồ, bức vẽ ghi và ảnh chụp (từ lưu trữ hoặc chụp thực địa).

Sự cần thiết đưa vào thành phần thiết kế các tài liệu minh họa do tổ chức thiết kế xác định.

Mô hình quy hoạch và xây dựng được lập trong quá trình thiết kế (tác nghiệp) và để trình cho chủ đặt hàng thuộc thành phần của đồ án thiết kế.

Các mô hình nghiên cứu xây dựng có thể được làm không có thể hiện địa hình. Các mô hình cuối cùng xây dựng phải thể hiện trên nền có địa hình. Cho phép thể hiện rõ chiều cao của địa hình cao hơn thực tế, nhưng không quá 1,5 - 2 lần.

Tất cả những điều trình bày phần trên chỉ mới đề cập được quy trình đầy đủ của thiết kế xây dựng đô thị và các việc phải làm trong tiến trình thiết kế đó. Chưa đề cập đến nội hàm (nội dung) của công việc thiết kế xây dựng đô thị từng giai đoạn.

Thiết kế xây dựng đô thị (gọi tắt là thiết kế đô thị) là một công việc sáng tạo như mọi loại hình nghệ thuật biểu hiện khác. Mỗi một đô thị, tùy theo tính chất, quy mô, đặc điểm địa hình thiên nhiên, phong cảnh địa phương, đặc điểm dân tộc, điều kiện khí hậu, thời đại mà nó được hình thành và phát triển, trình độ quản trị và dân trí, tài năng sáng tạo của tập thể tác giả thiết kế và tổ chức quản lý xây dựng mà đô thị được thiết kế khác nhau, tạo bản sắc khác nhau cho từng đô thị.

Hình ảnh của từng đô thị còn tùy thuộc tầm nhìn của nhà cầm quyền địa phương, mà trực tiếp là tài năng sáng tạo của tập thể thiết kế xây dựng đô thị và tổ chức quản lý xây dựng đô thị. Trước hết là công tác đào tạo ở trường Đại học Kiến trúc hay Đại học Xây dựng là phải cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xã hội, kỹ thuật, mỹ thuật, kỹ năng phối kết tổ chức không gian kiến trúc - quy hoạch; hiểu được lịch sử nghệ thuật xây dựng đô thị qua các thời đại khác nhau: nô lệ, phong kiến, tư bản phát triển, xã hội chủ nghĩa và thời kỳ hiện đại... trên cơ sở những hiểu biết có tính tổng hợp và kỹ năng thể hiện tốt thì mỗi tập thể tác giả sẽ thiết kế sáng tạo cho từng đô thị có nét riêng, có bản sắc. Nội hàm công việc thiết kế xây dựng đô thị này cần được bàn trong nhiều chuyên đề riêng.

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TRONG CÁC KHU ĐÔ THỊ MỚI Ở VIỆT NAM

TS. KTS. Trương Văn Quảng
Viện Quy hoạch ĐT- NT Bộ Xây dựng

Hiện nay, quá trình đô thị hóa đang diễn ra sôi động tại Việt Nam, nó gắn liền với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều đô thị đã phát triển theo chiều rộng, chiều cao, có quy mô lớn hơn, chất lượng cuộc sống trong các đô thị cũng có nhiều cải thiện hơn... Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn rất nhiều "*sự phàn nàn*" của người dân, của các nhà chuyên môn, nhà quản lý, điều hành về việc tổ chức không gian đô thị, chất lượng kiến trúc công trình, cảnh quan môi trường sống, những tiện ích của "*ngoại thất đô thị*" còn nhiều vấn đề phải bàn... Và theo đó, dường như đang nổi lên sự tranh luận về một loại công việc trong hệ thống Quy trình quy hoạch đô thị "*Urban Planning*" có liên quan đến những "*phàn nàn*" trên. Đó là bộ môn "*Thiết kế đô thị*" (*Urban Design*), một lĩnh vực tạm gọi là mới so với quy trình quy hoạch xây dựng đô thị hiện nay của chúng ta.

Về mặt lý luận, đối tượng nghiên cứu của thiết kế đô thị là hình thức tiện ích, thẩm mỹ trong môi trường đô thị - *môi trường gắn kết các kiến trúc vật thiên tạo và nhân tạo trong một trật tự chất lượng thẩm mỹ không gian nhất định*. Đó cũng chính là sự sáng tạo trật tự không gian hoặc sự mở rộng của thiết kế kiến trúc trong một không gian 3 chiều và một "*không gian ảo*" có ý thức trong cảm nhận của con người gắn với cuộc sống tâm linh.

Có ý kiến cho rằng (*Eleanor Smith Morris*) các nhà quy hoạch (*Town Planner*) quan tâm đến sử dụng đất... Những lô đất được phân chia đường như không chú trọng lắm đến những đặc tính của không gian 3 chiều hay hình dáng kiến trúc công trình được xây dựng trên lô đất ấy. Các kiến trúc sư (*Architects*) gắng sức tạo nên sự liên hệ không gian giữa công trình với môi trường xung quanh... Nhưng họ cũng lại không quan tâm lắm (hoặc không có trách nhiệm) quan tâm đến những vấn đề diễn ra bên ngoài công trình. Bởi vậy không gian đô thị thường bị thiếu đi sự hoàn thiện... Để kết nối giải quyết vấn đề này cần thiết phải có các nhà thiết kế đô thị (*Urban Designers*).

Họ có trách nhiệm tạo nên những không gian 3 chiều nhằm diễn đạt những vấn đề trong nghệ thuật tổ chức cấu trúc không gian, tạo nên sự liên hệ giữa công trình đơn lẻ với cấu trúc không gian đô thị.

Tuy nhiên, đó mới chỉ là ý kiến đề cao vai trò của thiết kế đô thị nhằm giải quyết mối quan hệ (*khoảng trống*) giữa quy hoạch đô thị và thiết kế công trình... Nhưng trong thực tế nếu không có các nhà quy hoạch giỏi, các kiến trúc sư tài ba để tạo nên các không gian có hồn, đất giá cơ bản trong cấu trúc tổng thể không gian đô thị và các công trình kiến trúc để đời, mang được dấu ấn thời đại... thì các nhà thiết kế đô thị cũng bó tay. Bởi họ không thể từ các quy hoạch nghèo nàn, các công trình kiến trúc méo mó, thiếu thẩm mỹ... để tạo dựng, bồi đắp nên một không gian 3 chiều hoàn mỹ. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của *Quy trình nghiên cứu thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị* là không thể coi nhẹ một mắt xích, một nhân tố nào. Bởi cũng chính bản chất của quy hoạch xây dựng đô thị là một *nghệ thuật tổ chức không gian*...

Hiện nay, theo một số nghiên cứu về đô thị thì trên thế giới thiết kế đô thị đang tồn tại 4 khuynh hướng chính:

1. Đô thị mang tư tưởng triết học (Ideology): hình thành cấu trúc không gian thông qua những hình tượng mang tư tưởng nhân văn;
2. Đô thị mang tính thẩm mỹ cao (City is beautiful): tạo không gian đô thị mang tính thẩm mỹ cao, cấu trúc thành phố, kiểu dáng các công trình, trục bố cục không gian tạo nên những điểm nhấn, hấp dẫn...;
3. Đô thị vườn (Garden City)/theo ý tưởng của Ebenezer Howard: cấu trúc không gian đô thị tạo nên sự cân bằng giữa không gian xanh và không gian xây dựng, hướng tới sự ổn định và phát triển bền vững;
4. Đô thị cách tân (Neo - Tradition): tổ chức không gian đô thị lấy cảm hứng từ sự cách tân nghệ thuật xây dựng đô thị truyền thống, sự kết hợp giữa kỹ thuật xây dựng hiện đại với giá trị nghệ thuật không gian truyền thống...

Trong bài tham luận này, nội dung chỉ là một số ý kiến cá nhân sơ lược ban đầu nhằm để trao đổi về *Thiết kế đô thị trong các khu đô thị mới ở Việt Nam*.

Phát triển đô thị, nhất là các khu đô thị mới trong nền kinh tế thị trường hiện nay vẫn đang còn nhiều vấn đề cần được tranh luận để đi đến thống nhất như Khái niệm, Tính chất, Quy mô, Cơ cấu quy hoạch, Tổ chức không gian... nhất là sự gắn kết chúng với tổng thể đô thị. Công bằng mà nói các khu ở tập thể dạng chung cư thấp tầng được xây dựng trước năm 1975 như

Kim Liên, Trung Tự, Giảng Võ, Thanh Xuân... ngoài những điểm khuyết về cơ cấu, tiện ích trong căn hộ, chất lượng xây dựng, hình thức kiến trúc, thiết kế đô thị chưa được quan tâm... cũng có nhiều ưu điểm. Đó chính là cơ cấu *Mô hình tiểu khu nhà ở* mà hiện nay tại một số nước có nền kinh tế phát triển như: Singapore, Trung Quốc... còn áp dụng (tất nhiên không phải cho toàn khu ở trong đô thị) bởi các mặt tích cực:

1. Có môi trường sống với những điều kiện tiện nghi tương đối đầy đủ, toàn diện, đáp ứng nhu cầu phục vụ tối thiểu trong một bán kính hợp lý;

2. Cơ cấu quy hoạch có tính hoàn chỉnh, mật độ dân cư vừa phải, giao thông thuận tiện, an toàn, môi trường đô thị hài hoà, trong lành;

3. Cung cấp dịch vụ xã hội tương đối hoàn chỉnh, tạo nên mặt bằng sinh hoạt ổn định, góp phần điều tiết trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế.

4. Không gian khu ở hài hoà, phù hợp với điều kiện, lối sống của đại bộ phận người dân...

Các khu đô thị mới hiện nay như Linh Đàm, Định Công, Quốc Tế Thăng Long, Trung Hòa - Nhân Chính, Việt Hưng (Hà Nội); Phú Mỹ Hưng, Nam Sài Gòn, Đông Tăng Long - thành phố Hồ Chí Minh) và một số khu đô thị mới khác tại Hải Phòng, Hải Dương, Đà Nẵng... về cơ bản đã và đang góp phần làm tăng quỹ nhà ở (với các căn hộ có chất lượng tốt hơn các căn hộ được xây dựng trước năm 1975), góp phần thay đổi diện mạo kiến trúc, có xu hướng hướng tới các đô thị hiện đại. Tuy nhiên, để có những khu đô thị mới tốt hơn, chất lượng hơn đáp ứng được nhu cầu phát triển mới của Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị khác của Việt Nam trong thế kỷ XXI này thì cần phải có những đánh giá nghiêm túc dưới nhiều góc độ khác nhau để rút kinh nghiệm.

Đứng về tổng thể đô thị, các khu đô thị mới phần lớn mới chỉ là các khu ở thuần túy, đơn lẻ với nhiều loại quy mô khác nhau (từ 10 ha đến vài ngàn ha). Cơ cấu khu đô thị mới chưa được xây dựng trên một mô hình chuẩn có căn cứ khoa học và thực tiễn (Bởi phần lớn các khu đô thị mới đều được phát triển theo dạng dự án, nặng về kinh doanh). Nó đang thiếu đi một mô hình chuẩn để theo kịp những yêu cầu về một đô thị hiện đại, có bản sắc và phát triển bền vững. Thiếu đi khuôn mẫu lý tưởng của hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội mà trước đây *Mô hình tiểu khu nhà ở* là một thế mạnh. Các khu đô thị mới còn nặng về quy hoạch sử dụng đất, thiếu tính thẩm mỹ trong nghệ thuật tổ chức chất lượng không gian (như các khu đô thị mới Linh Đàm, Định Công, Quốc Tế Thăng Long, Trung Hòa - Nhân Chính...). Một dạng

mô hình sơ cứng với việc bố trí các chung cư cao tầng chạy xung quanh hoặc bám theo dọc các trục đường đô thị của khu đất dự án. Bên trong là các khu nhà ở thấp tầng chia lô liền kề hoặc dạng biệt lập. Nếu đem khớp nối các khu đô thị mới với nhau sẽ nhận thấy sự bất hợp lý, nhàm chán, thiếu thẩm mỹ trong tổ chức không gian... Đó là chưa kể đến mật độ xây dựng trong lô đất xây dựng nhà cao tầng còn cao, khoảng cách giữa các nhà cao tầng còn quá dày (như khu đô thị mới Quốc Tế Thăng Long, Trung Hòa - Nhân Chính), mạng giao thông chưa thật hoàn chỉnh (giao thông nội bộ trong khu đô thị mới và giao thông gắn các khu đô thị mới với hệ thống giao thông chính trong toàn đô thị)...

Điều đặc biệt là cơ hội để tổ chức một không gian đẹp trong các khu đô thị mới đã bị "bỏ quên". Chẳng hạn như khu vực Bán đảo Linh Đàm. Người dân sống ở đây có thể tạm hài lòng về môi trường trong lành (vì có cây xanh, mặt nước), nhưng ít người cảm nhận được giá trị thẩm mỹ trong nghệ thuật tổ chức chất lượng không gian. Bởi không gian đô thị ở đây quá đơn giản, nó nghèo nàn từ chính các chung cư cao tầng có kiến trúc đơn điệu và cách xếp đặt chúng trên mảnh đất có nhiều lợi thế về môi trường cảnh quan này (Điều đó cũng cho thấy kiến trúc công trình hay tổ hợp kiến trúc công trình - vai trò kiến trúc sư và kiến trúc sư quy hoạch - có vị trí quan trọng như thế nào trong thiết kế đô thị).

Thực tế cho thấy tên gọi khu đô thị mới cũng chưa thật chính xác bởi quy mô, tính chất, chức năng của mỗi khu đô thị mà chúng đang đảm nhận hiện nay. Nên chẳng có thể gọi chúng ở mức là *Khu ở* thuần túy gắn với địa danh nơi xây dựng dự án như *Khu ở Linh Đàm, Định Công, Quốc Tế Thăng Long, Trung Hòa - Nhân Chính, Việt Hưng (Hà Nội); Phú Mỹ Hưng, Nam Sài Gòn, Đông Tăng Long (thành phố Hồ Chí Minh)*... Một khu đô thị mới hoặc một khu vực thành phố mới phải có quy mô tương đương với quy mô từ một quận hiện nay trở nên. Có như vậy chúng mới đủ khả năng để dung nạp sự điều tiết của việc quá tải về nhà ở, các dịch vụ về hạ tầng, dịch vụ về xã hội trong các khu vực thành phố cũ và đáp ứng được những nhu cầu phát triển mới trong quá trình đô thị hóa gắn liền với nền kinh tế thị trường đang diễn ra rất sôi động hiện nay.

Bởi vậy, Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh cũng như một số thành phố khác hiện nay cần được quy hoạch cải tạo và xây dựng theo một mô hình phù hợp vừa có tính kế thừa, bảo lưu những giá trị truyền thống vừa mang hơi thở của thời hiện đại. Điều đó có nghĩa, chúng cần được phát triển theo chiều rộng và theo cả chiều sâu. Chiều rộng là không gian, đảm bảo cho

việc phát triển "đàng hoàng, to đẹp", hài hòa giữa cũ và mới. Chiều sâu là văn hóa và bản sắc, hiện đại và truyền thống.

Để làm được việc này các thành phố trên, nhất là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cần thúc đẩy nhanh việc cụ thể hóa điều chỉnh quy hoạch chung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt lên cơ sở khống chế việc phát triển "thành phố trung tâm" có sự hỗ trợ giảm sức ép về mặt dân số từ các đô thị đối trọng, đô thị vệ tinh. Khoanh định vùng hạn chế phát triển gồm khu vực phố cổ, phố cũ, các khu vực cần bảo vệ những giá trị đặc hữu vốn có (như cảnh quan, danh thắng...). Xây dựng quy chế bảo vệ, tôn tạo và phát huy giá trị để quản lý, kiểm soát phát triển tốt các khu vực này. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu thành phố mới và khu trung tâm mới đô thị có quy mô, cấu trúc đủ lớn, xứng đáng làm "đối trọng" với khu vực đô thị xây dựng trước năm 1945.

Do vậy, các khu đô thị mới, khu vực thành phố mới do các khu trung tâm mới đô thị trong giai đoạn này phải được quy hoạch, xây dựng đồng bộ, hiện đại về kết cấu hạ tầng, có chất lượng cao, đẹp về kiến trúc - cảnh quan, sạch về môi trường trên cơ sở *một thiết kế đô thị hoàn chỉnh...* Từng bước hạn chế hoặc giảm bớt các hoạt động hành chính, dịch vụ công cộng, thương mại trong khu phố cổ, cũ hiện đã quá tải... nhằm chuyển dân hoặc xây dựng mới để bổ sung các chức năng này trong các khu vực thành phố xây dựng phát triển mới. Các khu đô thị mới (mà hiện nay ta thường gọi) thực chất chỉ là một trong các khu chức năng - khu ở của khu vực thành phố mới. Để tiện trao đổi, tại bản tham luận này tạm hiểu quy mô khu đô thị mới tương đương với quy mô khu thành phố mới hoặc khu vực thành phố mới.

Theo đó, ý tưởng về sự điều tiết, bổ sung hoặc cân bằng quỹ nhà ở, (dịch vụ hạ tầng đô thị, công trình dịch vụ công cộng và việc làm trong khu đô thị mới là cần thiết và quan trọng. Điều đó góp phần giảm thiểu nguy cơ phá vỡ không gian truyền thống, giảm thiểu việc đi lại dồn nén, ùn tắc giao thông trong các khu đô thị cũ. Sớm tạo được diện mạo đô thị dưới góc độ tổng thể. Đồng thời việc hình thành các trung tâm trong các khu đô thị mới chính là nhằm sớm tạo nên hạt nhân đô thị, thúc đẩy lợi ích chung của thành phố và của bản thân khu đô thị mới. Những khu đô thị mới nào có sớm và hoàn chỉnh khu trung tâm sẽ nhanh chóng tạo được sự hấp dẫn, hình ảnh và sự cạnh tranh cho riêng mình. Thực tế đã chứng minh một khu đô thị mới cần hội tụ đủ các điều kiện sau:

1. Phải là một bộ phận cấu thành nên cấu trúc tổng thể không gian toàn đô thị, không tách rời khỏi cấu trúc tổng thể đó;

2. Đảm bảo điều kiện sống tốt (*môi trường, dịch vụ, văn hóa, nghỉ ngơi, đi lại thuận tiện, phù hợp với trình độ dân trí...*). Loại bỏ được những hạn chế mà các khu đô thị cũ mắc phải (nếu có);

3. Thu hút được vốn đầu tư và kinh doanh được;

4. Có tính cạnh tranh cao;

5. Quản lý tốt trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng.

Trên cơ sở đó, *Quan điểm thiết kế đô thị* đối với các khu đô thị mới của Việt Nam cần đặc biệt quan tâm đến các yếu tố cơ bản sau:

1. Bảo vệ, khai thác, phát huy được giá trị của những đặc điểm riêng biệt/mang tính địa phương về vị trí/địa điểm/nơi chốn, về văn hóa, truyền thống của khu vực lập dự án (ý nghĩa khoa học căn bản của "Thuật phong thủy"). Đó chính là việc gìn giữ, bảo vệ những nét đặc trưng cơ bản, điển hình của điều kiện tự nhiên như địa hình (*núi, đồi, rừng, bờ biển, sông, suối, hồ...*), cảnh quan, danh thắng, hệ sinh thái điển hình, hệ động thực vật... và những nét văn hóa bản địa có giá trị;

2. Kết hợp có hiệu quả giữa quy hoạch đô thị/quy hoạch sử dụng đất, thiết kế công trình và thiết kế đô thị (*thực hiện Quy trình nghiên cứu thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị mà trước đây nhiều người đã đề cập*)... tạo nên một không gian ba chiều có chất lượng phục vụ người dân sống, đi lại, làm việc, nghỉ ngơi và tạo điều kiện tốt cho việc điều hành, quản lý và phát triển. Góp phần tạo dựng nên hình ảnh đô thị theo "*kịch bản*" của thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị đã xác lập;

3. Có không gian công cộng *không gian xanh, không gian mở, thiết kế công trình...*) phù hợp, tiện ích, có chất lượng thẩm mỹ cao và có khả năng tiếp cận đối với mọi đối tượng sử dụng (*đáp ứng được các nhu cầu sử dụng và các hoạt động đa dạng khác nhau của mọi tầng lớp cộng đồng trong từng loại không gian*). Không gian xanh, không gian mở trong cấu trúc không gian các khu đô thị mới này được xác lập thông qua "*kịch bản*" thống nhất của "*Hệ thống cấu trúc xanh*" trong tổng thể cấu trúc không gian toàn đô thị. Bởi chính nhờ vào các không gian này mà hai giá trị vật chất căn bản tạo dựng chất lượng môi trường sống trong khu đô thị mới/đô thị là thiên nhiên (cảnh quan, môi trường) và nhân tạo (kiến trúc vật thể) được gắn kết hài hoà làm tăng chất lượng không gian và giá trị thẩm mỹ cho đô thị...;

4. Thiết lập được môi trường bền vững, tạo nên những không gian thân thiện với con người (*không gian vật thể và không gian phi vật thể*). Hướng tới một khu đô thị mới /một thành phố kiểu mẫu về môi trường và phát triển bền vững".

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ VÀ VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

TS. Phạm Thúy Loan
Bộ Môn Quy hoạch Đô Thị
Khoa Kiến Trúc -Đại học Xây dựng

Thời gian gần đây, Thiết kế đô thị đã trở thành một vấn đề nổi lên được đông đảo các nhà chuyên môn trong lĩnh vực kiến trúc - quy hoạch, các nhà giáo dục và đặc biệt là nhà nước quan tâm. Đã có nhiều hội thảo, báo cáo khoa học, và tham luận trên báo chí về các nội dung, ý nghĩa và những vấn đề xung quanh công tác thiết kế đô thị. Nhiều tác giả đã nêu lên những vấn đề rất cơ bản, thiết thực của lĩnh vực này như: định nghĩa hay khái niệm thiết kế đô thị; mối quan hệ của nó với Quy hoạch đô thị và kiến trúc công trình, kiến trúc cảnh quan; phạm vi hoạt động của thiết kế đô thị; hay các công cụ của công tác này v.v... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều điều về thiết kế đô thị chưa được thống nhất quan điểm và cần làm sáng tỏ thêm. Để góp phần bổ sung và hoàn chỉnh hơn nữa những tri thức về thiết kế đô thị của chúng ta, với những kiến thức ít ỏi tích lũy được trong thời gian học tập ở nước ngoài, xin được mạnh dạn trình bày một vài nội dung cơ bản về thiết kế đô thị và về tình hình đào tạo thiết kế đô thị của một vài quốc gia trên thế giới, từ đó xin đề xuất một số ý kiến về việc đào tạo lĩnh vực này ở Việt nam. Bài viết sẽ gồm ba phần chính. Phần thứ nhất sẽ tóm lược một số tri thức cơ bản về thiết kế đô thị, các yêu cầu thực tế của công tác này. Đây sẽ là nền tảng để hiểu về yêu cầu, nội dung và phương pháp đào tạo thiết kế đô thị nói chung. Phần thứ hai trình bày các đặc điểm, nội dung, và phương pháp đào tạo thiết kế đô thị rút ra từ kinh nghiệm của một số nước trên thế giới. Phần thứ ba, tác giả xin nêu một vài nhận xét chủ quan về những vấn đề thiết kế đô thị chúng ta cần đổi mới và về tình hình đào tạo chuyên ngành này ở nước ta, cùng với một số kiến nghị.

1. Các tri thức cơ bản

Khái niệm thiết kế đô thị

Có rất nhiều định nghĩa được đưa ra để mô tả hoạt động thiết kế đô thị nhưng chưa có định nghĩa nào phản ánh được đầy đủ mọi khía cạnh và biểu

hiện của nó. Điều này có lẽ xuất phát từ tính phức tạp của đối tượng nhận tác động là "đô thị" và cả nội dung hành động là "thiết kế". Có hai đặc điểm cơ bản của thiết kế đô thị được thừa nhận trong hầu hết các tài liệu viết về công tác, đó là:

- Thiết kế đô thị là một lĩnh vực (hay công tác) kết hợp (collaborative) liên ngành (interdisciplinary).

- Hoạt động thiết kế đô thị rất phong phú và đa dạng, với nhiều hình thức, quy mô và phương pháp khác nhau.

Thiết kế đô thị có thể được tiến hành với các quy mô từ vùng đến thành phố, khu vực, cho tới một không gian công cộng nhất định (quảng trường, công viên) hay một cụm các công trình kiến trúc. Nội dung của thiết kế đô thị có thể là thiết kế các dự án phát triển mới; thiết kế bảo tồn di sản, bảo tồn không gian đô thị; có thể là soạn thảo các văn bản về chính sách, điều lệ quản lý, hướng dẫn thiết kế cho các phát triển. Thiết kế đô thị có thể là hoạt động của khu vực nhà nước hoặc khu vực tư nhân. Nó vừa như là một khoa học vừa như là một nghệ thuật. Chính vì sự đa dạng và phức tạp này, hoạt động thiết kế đô thị đòi hỏi sự tham gia đóng góp của nhiều lĩnh vực khác nhau.

Nếu thừa nhận hai đặc điểm trên thì việc cố gắng xác định phạm vi, ranh giới của thiết kế đô thị không mang lại mấy ích lợi, mà điều thực sự cần thiết là nắm bắt được những vấn đề cốt lõi của nó. Vậy vấn đề cốt lõi của thiết kế đô thị là gì? Theo Carmona (2003) "thiết kế đô thị" nên được hiểu theo nghĩa là "nâng cao chất lượng" cho các phát triển. Không cố gắng xác định ranh giới và phạm vi hoạt động của thiết kế đô thị, Carmona xem thiết kế đô thị là *quy trình tạo lập những nơi chốn cho con người có chất lượng tốt hơn những gì có thể được tạo ra nếu không có hoạt động này (urban design is the process of making better places for peoples than would otherwise be produced).*

Phân tích cách mô tả trên, chúng ta tìm thấy năm thông điệp về bản chất của thiết kế đô thị. Thứ nhất, nó nhấn mạnh thiết kế đô thị là một lĩnh vực về *con người và vì con người*. Thứ hai, nó quan tâm đến *giá trị và ý nghĩa của các "nơi - chốn"* (place) trong đô thị. Thứ ba, nó thừa nhận *thiết kế đô thị hoạt động trong thế giới thực tiễn* với các cơ hội và các hạn chế được quy định bởi các bối cảnh nhất định. Thứ tư, nó tuyên bố rằng *thiết kế đô thị là*

một quy trình (hay quá trình (process)). Và cuối cùng nó khẳng định vai trò quan trọng của thiết kế đô thị là nâng cao chất lượng môi trường không gian.

Các luồng tư tưởng thiết kế đô thị

Việc tổ chức không gian đô thị có chủ định nhằm các mục đích tín ngưỡng, phòng thủ, chính trị hay kinh tế của con người mà chúng ta thường gọi là quy hoạch đô thị cũng có bề dày lịch sử lâu đời như chính lịch sử các thành phố vậy. Trong lịch sử phát triển của ngành quy hoạch đô thị có rất nhiều nội dung của thiết kế đô thị đã được kết hợp trong đó dưới các hình thức khác nhau. Nhưng cho mãi đến đầu những năm 1950, thiết kế đô thị mới nổi lên như một lĩnh vực mới có hệ thống lý luận tương đối độc lập - đầu tiên xuất hiện ở Bắc Mỹ và các nước phát triển, nay đã lan rộng ra thành một chuyên ngành khá phổ biến trên toàn thế giới. Ban đầu, những tư tưởng thiết kế đô thị thường quan tâm đến chất lượng thị giác và các cảm nhận mỹ học về các công trình kiến trúc và không gian đô thị - tức là tập trung nhiều hơn đến các "sản phẩm" thực thể của không gian đô thị. Vì vậy, luồng tư tưởng đầu tiên được gọi là hệ tư tưởng "nghệ thuật - thị giác". Sau đó, các tư tưởng thiết kế đô thị mới ra đời, lấy cách thức con người chiếm hữu và sử dụng các không gian các địa điểm làm trọng tâm, và đặc biệt quan tâm đến hình ảnh và ý nghĩa của các không gian được phản ánh trong tâm trí con người. Những tư tưởng này tạo thành luồng tư tưởng lớn thứ hai, được gọi là hệ tư tưởng "hữu dụng xã hội", với các tên tuổi nổi tiếng như Kevin Lynch, Jane Jacob, Alexander Christopher.

Những năm gần đây, quan niệm nổi trội về thiết kế đô thị xem nó là hoạt động "*kiến tạo nơi-chốn*" cho con người (place - making for people). Kết hợp cả hai luồng tư tưởng lớn trước đó, thiết kế đô thị đương đại đồng thời quan tâm đến thiết kế các không gian đô thị - như là một chỉnh thể thống nhất về cái đẹp (aesthetic entity), đồng thời là khung cảnh, môi trường cho các hoạt động của con người (behavioural setting). Những nơi chốn được thiết kế thành công là những địa điểm có không gian không những đẹp mà còn hỗ trợ các chức năng sử dụng, các sinh hoạt của con người.

Các bối cảnh của hoạt động thiết kế đô thị

Hoạt động thiết kế đô thị thực tiễn không diễn ra trong điều kiện lý tưởng mà trong những bối cảnh nhất định. Các bối cảnh tạo ra những tiền đề, những điều kiện cho trước, những khuôn khổ quy định hoạt động của các nhà thiết kế đô thị.

Có thể nêu lên bốn loại bối cảnh điển hình của hoạt động thiết kế đô thị đương đại, đó là: bối cảnh khu vực, bối cảnh toàn cầu bối cảnh thị trường, và bối cảnh thể chế.

Bối cảnh khu vực chỉ các điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu...), điều kiện nhân tạo cả thực thể (sử dụng đất, giá trị đất, hình thái không gian...) lẫn phi thực thể (kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử, các ý niệm biểu trưng...) của một phạm vi lớn hơn bao bọc xung quanh một khu vực phát triển đang được nói tới (đối tượng của hoạt động thiết kế đô thị). Một mảnh đất cho phát triển luôn là một phần thuộc một khu vực, thuộc một thành phố hay một vùng nào đó; và *bối cảnh khu vực* được xem là gồm mảnh đất đó và toàn bộ khu vực xung quanh, hay thậm chí cả thành phố hoặc cả vùng - tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Tôn trọng "bối cảnh" là yếu tố căn bản của các thiết kế đô thị thành công. Các đặc điểm của mỗi nơi có lẽ là "vật liệu đầu vào" quý giá phục vụ công tác thiết kế. Sự sáng tạo không tương và "xóa sạch" lịch sử là nguyên nhân khiến chủ nghĩa Hiện đại (Modernism) giờ đây không còn được ưa chuộng.

Bối cảnh toàn cầu: Môi trường đô thị luôn biến đổi cùng với các động thái kinh tế, văn hóa, xã hội, công nghệ và môi trường. Những động thái này lại luôn chịu sự chi phối của các xu hướng trên thế giới. Chính những xu hướng này là bối cảnh toàn cầu của hoạt động thiết kế đô thị. Bối cảnh toàn cầu nổi trội hiện nay là các vấn đề liên quan đến môi trường và sinh thái như: hiện tượng trái đất nóng lên, khí hậu thay đổi, ô nhiễm môi trường tự nhiên, cạn kiệt các nguồn năng lượng. Thực tế này kêu gọi một trách nhiệm lớn hơn với môi trường, mà điều này thường mâu thuẫn với việc thoả mãn nhu cầu, mong muốn và khát vọng (tham lam) của con người. Nếu ta xem nhu cầu của con người là "cấp thiết" và "ngắn hạn" và những yêu cầu của môi trường là quan trọng và "dài hạn" thì cần phải có một sự cân đối giữa những lợi ích ngắn hạn và dài hạn. Điều này có thể được thực hiện trực tiếp trong các quyết định của người thiết kế đô thị ở rất nhiều cấp độ như:

- Lựa chọn địa điểm, vị trí của phát triển (để khai thác hạ tầng cơ sở sẵn có và các điều kiện giao thông).

- Đề xuất các phát triển kết hợp nhiều chức năng, và các tiện ích và dịch vụ (để hạn chế đi lại).

- Bố trí mặt bằng và thiết kế công trình với mật độ và hướng phù hợp để đảm bảo thông gió, chiếu sáng tự nhiên, tăng cường sử dụng vật liệu tái sinh, vật liệu địa phương, và hạn chế tiêu thụ năng lượng các loại v.v...

Bối cảnh thị trường: Hầu hết các nước trên thế giới có nền kinh tế là kinh tế thị trường. Ở nước ta, từ sau chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước năm 1986, nền kinh tế thị trường đã xuất hiện cùng với sự phát triển vượt bậc của khu vực kinh tế tư nhân, đóng góp những nguồn lực to lớn vào sự tăng trưởng kinh tế xã hội và phát triển đô thị. Trong nền kinh tế thị trường mọi hoạt động thiết kế đô thị đều nằm trong khung cảnh chịu sự chi phối của quy luật Cung - Cầu. Để có thể làm việc hiệu quả, những người làm công tác thiết kế đô thị thực tế phải thấu hiểu những quá trình kinh tế và tài chính đằng sau các dự án phát triển, hiểu các quy luật của thị trường để từ đó - thông qua các hoạt động chuyên môn của mình - vừa cân đối lợi ích tư nhân và lợi ích chung của toàn thể cộng đồng, vừa đảm bảo cho các dự án khả thi về mặt tài chính và có hiệu quả kinh tế.

Bối cảnh thể chế: Bối cảnh thứ tư của thiết kế đô thị là các tình huống liên quan đến sự điều tiết của nhà nước nhằm đảm bảo và duy trì chất lượng môi trường đô thị thông qua hàng loạt các công cụ luật pháp. Ví dụ, các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế quy định các "ngưỡng chất lượng" mà các phát triển phải thỏa mãn; các thủ pháp chính sách nhằm hướng dẫn, khuyến khích và tạo điều kiện cho các phát triển nhất định mà nhà nước xem là hợp lý; các quy trình kiểm soát thiết kế (design control), phê bình thiết kế (design review) v.v . . . tạo thành *bối cảnh thể chế* của thiết kế đô thị. Các nhà thiết kế đô thị cần phải hiểu rõ và chấp nhận bối cảnh thể chế trong quá trình sáng tác. Tuy nhiên, đôi khi với tư cách là các hiệp hội hay các tổ chức chuyên môn, họ vẫn thường vận động, thuyết phục cho những thay đổi để hiệu quả thiết kế đô thị được tốt hơn.

Bốn bối cảnh nói trên là nền tảng của mọi hoạt động thiết kế đô thị, chi phối các chiều cạnh của thiết kế đô thị cả về lý luận lẫn thực hành.

Các chiều cạnh của thiết kế đô thị

Thiết kế đô thị ẩn chứa sáu phạm trù nội dung, hay nói một cách chính xác hơn - là sáu "chiều cạnh" cơ bản tạo thành các chủ đề hàng ngày của lĩnh vực thiết kế đô thị. Các chiều cạnh đó là: (1) hình thái; (2) cảm thụ; (3) xã hội; (4) thị giác; (5) chức năng; và (6) thời gian.

Chiều cạnh hình thái: chỉ những nội dung liên quan đến hình dạng của đô thị và việc bố trí, sắp xếp các công trình trong đô thị, dẫn đến sự hình thành các không gian có hình thức khác nhau. Trong ngôn ngữ hình thái học, các đô thị được xem là sự tổ hợp của một số thành tố quan trọng: hình thức sử

dụng đất, cấu trúc công trình, hình dạng các lô đất và quan trọng hơn cả là mạng lưới đường (Conzen, 1960). Kiến thức hình thái học giúp các nhà thiết kế đô thị hiểu các kiểu dạng, hình thức không gian khu vực, các quá trình biến đổi không gian trong lịch sử. Khi vận dụng những hiểu biết về hình thái vào thiết kế sẽ tạo ra các khu vực đô thị gắn bó giữa cũ và mới, duy trì được tính liên tục phát triển, và sự trơn tru trong các sinh hoạt đô thị.

Chiều cạnh cảm thụ: Con người tác động vào môi trường và cũng chịu tác động của môi trường. Có sự tương tác này bởi vì chúng ta có thể *cảm nhận* được môi trường - tức là bị kích thích bởi ánh sáng, âm thanh, mùi vị và sự va chạm. Đó chính là những "đầu mối" về thế giới xung quanh. *Cảm nhận* hay *cảm thụ* môi trường liên quan đến việc thu thập, tổ chức và gán nghĩa (cho) các thông tin về môi trường. Từ đầu những năm 1960, nghiên cứu về cảm thụ môi trường đã khá phát triển và đến nay đã có một khối lượng tri thức đáng kể về lĩnh vực này. Giá trị của chiều cạnh này là ở chỗ nó nhấn mạnh cách thức con người cảm nhận, đánh giá, gán nghĩa cho môi trường đô thị. Như vậy một thiết kế đô thị thành công phải chứa những yếu tố hỗ trợ sự cảm thụ môi trường của con người, mang đến sự hài lòng và cảm giác thích thú cho họ.

Chiều cạnh xã hội: "không gian" và "xã hội" có mối liên quan rõ rệt và đây là mối quan hệ hai chiều: con người xây dựng hoặc biến đổi các không gian, đồng thời chịu ảnh hưởng của những không gian đó theo rất nhiều cách: các giao tiếp xã hội và sinh hoạt của con người có thể *phát sinh* trong *không gian*, có thể *bị kiểm chế* bởi *không gian*, hoặc được *phân bố* hay *dàn xếp* bởi *không gian*. Vì vậy, thông qua cách tổ chức và định hình các không gian, người làm thiết kế đô thị có thể tác động đến các hoạt động của cộng đồng và đời sống xã hội. Ngoài ra, hơn tất cả các chiều cạnh khác, chiều cạnh xã hội của thiết kế đô thị còn đặt ra những vấn đề liên quan đến *công bằng xã hội*: bởi một quyết định trong quá trình thiết kế đô thị có thể tác động trực tiếp hay gián tiếp, tích cực hoặc tiêu cực đến quyền lợi của cá nhân hay của một nhóm dân cư trong xã hội.

Chiều cạnh thị giác: rõ ràng là nghệ thuật kiến trúc và thiết kế đô thị là hai hình thức *nghệ thuật công cộng* thực thụ. Sống trong môi trường được tạo thành bởi các công trình hay tổ hợp các công trình kiến trúc, hiệu quả thẩm mỹ của những công trình và không gian tạo thành từ những công trình này luôn "đập vào mắt" công chúng bất kể họ có muốn chiêm ngưỡng chúng hay

không. Vì vậy, nảy sinh yêu cầu đối với công tác thiết kế đô thị (và kiến trúc) là phải tạo ra bộ mặt cảnh quan đô thị thỏa mãn nhu cầu cảm thụ thị giác của công chúng. Yêu cầu này chính là cơ sở của *chiều cạnh thị giác* hay *thị giác - thẩm mỹ* của thiết kế đô thị. Tuy nhiên, một công trình kiến trúc đẹp chưa chắc đã có tác động tích cực đến hiệu quả thẩm mỹ của cả khu vực không gian. Với nhà thiết kế đô thị, tính thẩm mỹ tổng thể luôn là nội dung quan trọng.

Chiều cạnh chức năng: là chiều cạnh rất quan trọng, quan tâm đến việc làm thế nào để các sản phẩm thiết kế đô thị phục vụ tốt và tốt hơn nữa cho con người. Các vấn đề cần xem xét trong chiều cạnh này là: cách thức con người sử dụng không gian; các yêu cầu hay mong muốn của họ đối với các không gian (chủ yếu là không gian công cộng vì đây là đối tượng chính của thiết kế đô thị) như: tính tiện nghi, tính thư giãn, tính lôi cuốn tham gia, lôi cuốn khám phá, tính tiện lợi di chuyển và sinh hoạt cộng đồng v.v...; quan hệ giữa không gian công cộng và không gian riêng tư; sự pha trộn chức năng và mật độ hợp lý; các yếu tố môi trường và vi khí hậu; và cuối cùng là hệ thống hạ tầng cơ sở và các công trình công chính. Các nhà thiết kế đô thị cần phải làm sao để đạt được đồng thời các tiêu chí của một thiết kế đô thị tốt như vững chắc, tiện nghi, hấp dẫn và kinh tế.

Chiều cạnh thời gian: Thực ra nhà thiết kế đô thị làm việc với *không-gian-bốn-chiều* chứ không phải ba-chiều, và chiều thứ tư chính là thời gian. Theo thời gian, các địa điểm trở nên thân thuộc hơn, gắn bó hơn, và trở thành các "nơi - chốn" lịch sử. *Bề dày thời gian* vì vậy trở thành một yếu tố chất lượng của không gian đô thị. Ở đây, chiều cạnh thời gian thể hiện ở ba khía cạnh. Thứ nhất, các sinh hoạt đô thị diễn ra trong không gian và theo thời gian, môi trường không gian được sử dụng theo cách khác nhau tại các thời điểm khác nhau. Nhà thiết kế đô thị vì vậy phải nắm được *chu kỳ thời gian* của các hoạt động trong không gian để có thể thiết kế và quản lý các không gian này. Thứ hai, mặc dầu đô thị biến đổi không ngừng theo thời gian, tính liên tục và ổn định trong phát triển là một tiêu chí chất lượng của thiết kế đô thị. Vì vậy, nhà thiết kế đô thị phải nắm được cách thức môi trường thay đổi: theo thời gian cái gì sẽ bất biến, cái gì sẽ luôn biến động, và từ đó phải có khả năng thiết kế và quản lý môi trường để nó có khả năng tiếp nhận những thay đổi bất khả kháng theo thời gian. Thứ ba, môi trường đô thị

biến đổi theo thời gian, các dự án, công trình thiết kế đô thị cũng như các chính sách thiết kế đô thị cũng được thực thi theo thời gian. Tóm lại, với chiều cạnh thời gian, điều quan trọng nhất với những người làm công tác thiết kế đô thị là phải thấu hiểu những hàm ý và tác động của thời gian đến không gian.

Sáu chiều cạnh của lĩnh vực thiết kế đô thị được trình bày ở trên: hình thái, cảm thụ, xã hội, thẩm mỹ, chức năng, và thời gian thực chất không tồn tại tách biệt mà chồng lấp, liên hệ lẫn nhau và tạo thành các "chủ đề hàng ngày" của thiết kế đô thị. Hoạt động thiết kế đô thị chỉ có thể đạt được chất lượng tổng thể khi tất cả các chiều cạnh của vấn đề được cân nhắc đồng thời, cùng với sự xem xét các bối cảnh khu vực, toàn cầu, kinh tế và thể chế.

2. Một số kinh nghiệm đào tạo thiết kế đô thị ở nước ngoài

Như vậy, chỉ với mục tiêu gói gọn trong cụm từ "*nâng cao chất lượng*" cho các phát triển, thiết kế đô thị đòi hỏi một hệ thống kiến thức và lý luận rất tổng hợp và phức tạp, từ các bối cảnh đến các chiều cạnh. Vấn đề đặt ra là phải làm thế nào trang bị cho người làm công tác thiết kế đô thị một kiến thức tổng hợp, đủ rộng để có thể tiếp nhận các loại hình thiết kế đô thị khác nhau, đủ sâu để có thể giải quyết thấu đáo từng trường hợp cụ thể. Trên thực tế, người làm thiết kế đô thị có thể chỉ chuyên làm một vấn đề hoặc một loại hình thiết kế nhất định, nhưng yêu cầu về đào tạo thì lại phải cung cấp tương đối đầy đủ các kiến thức và kỹ năng thiết kế đô thị cho mọi đối tượng sinh viên. Chính vì tính đa dạng của lĩnh vực này mà việc đào tạo cũng khá phong phú, thể hiện ở sự phong phú trong nội dung đào tạo của mỗi cơ sở và sự đa dạng trong cách thức đào tạo giữa các cơ sở: mỗi nước, mỗi trường - tùy vào bối cảnh từng nơi - mà có cách thức đào tạo riêng. Tuy nhiên, có một số điểm chung trong các mô hình đào tạo thiết kế đô thị của một số nước phát triển trên thế giới như sau:

Hình thức đào tạo

Thứ nhất, là lĩnh vực liên ngành nên thiết kế đô thị thường được đào tạo ở cấp bậc sau đại học, tức là cấp Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ. Ở cấp sau đại học, sinh viên đã được trang bị kiến thức cơ bản của một chuyên ngành nhất định, thường là các chuyên ngành liên quan đến thiết kế môi trường và xây dựng cơ bản, nên có thể tiếp cận các vấn đề của thiết kế đô thị nhanh và dễ dàng hơn. Sinh viên thiết kế đô thị có nền tảng kiến thức cơ bản khác nhau,

thường là các chuyên ngành như kiến trúc, kiến trúc cảnh quan, quy hoạch đô thị, xây dựng, nghệ thuật hoặc lịch sử nghệ thuật, xã hội và nhân văn v.v... Vì vậy họ tiếp cận thiết kế đô thị theo các phương pháp luận và quan điểm cũng rất đa dạng. Điều này được chấp nhận và khuyến khích trong quá trình đào tạo.

Sinh viên có thể có các lựa chọn khác nhau, tùy thuộc vào mức độ quan tâm của họ với thiết kế đô thị. Có những lựa chọn chính như sau:

- *Chuyên về thiết kế đô thị*: lấy bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ thiết kế đô thị.
- *Thiên về thiết kế đô thị*: lấy bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ về các ngành khác (như kiến trúc, kiến trúc cảnh quan, quy hoạch) nhưng tập trung theo hướng thiết kế đô thị
- *Tham khảo thiết kế đô thị*: lấy bằng (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ về các chuyên ngành khác nhưng tham gia một số môn học có nội dung thiết kế đô thị ở cả cấp đại học lẫn sau đại học.

Nội dung và phương pháp đào tạo

Thứ hai, vì thiết kế đô thị là môn học tổng hợp liên ngành nên nội dung đào tạo của thiết kế đô thị cũng mang tính liên ngành rõ rệt, với sự tham gia giảng dạy và hướng dẫn của các giáo sư, các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực liên quan. Ví dụ, ở Đại học Berkley California, Bang California, Mỹ, chương trình đào tạo thạc sĩ thiết kế đô thị được mở trong Trường thiết kế môi trường (College of environmental design) hợp thành từ ba Khoa là: kiến trúc, kiến trúc cảnh quan và quy hoạch đô thị. Tham gia giảng dạy là các giáo sư thuộc cả ba lĩnh vực trên và cả các chuyên gia thiết kế đô thị giàu kinh nghiệm thực tế.

Thứ ba, vì thiết kế đô thị là hoạt động thực hành có tính lý luận cao nên phương pháp đào tạo thường kết hợp song song giữa lý luận và thực hành, giữa nghiên cứu và đồ án thực tế, với tỷ lệ về thời lượng tương đối cân bằng. Kiến thức lý luận được cung cấp thông qua các bài giảng trên lớp, các buổi thảo luận (seminar), các bài tập lý luận như viết tiểu luận (essay) hoặc báo cáo (report). Cùng với bài giảng trên lớp, sinh viên được yêu cầu đọc rất nhiều sách xung quanh vấn đề thiết kế đô thị để có thảo luận trên lớp (hay phòng nghiên cứu) theo các chủ đề được giáo viên chỉ định.

Kỹ năng thực hành được trang bị và rèn dũa thông qua các đồ án thiết kế theo hình thức xưởng (studio work), được tiến hành theo nhóm sinh viên

dưới sự hướng dẫn của giáo viên hoặc các chuyên gia thiết kế đô thị giàu kinh nghiệm tham gia với tư cách khách mời. Một khóa thạc sĩ thiết kế đô thị có từ hai đến ba đồ án thiết kế. Nội dung đồ án rất phong phú: sinh viên phải làm quen với thiết kế các khu vực phát triển mới hoặc giải quyết vấn đề cho các khu vực đô thị hiện hữu. Song song với đồ án, sinh viên được tổ chức các chuyến khảo sát thực địa, tham quan trong và ngoài nước để mở rộng tầm nhìn thực tế.

Thứ tư, về nội dung và các kiến thức cần trang bị, như trình bày ở phần một, thiết kế đô thị đòi hỏi người thực hành phải có nền tảng kiến thức rất rộng về cả kỹ thuật, nghệ thuật lẫn kinh tế và xã hội v.v . . . Vì vậy các môn học tại các cơ sở đào tạo thiết kế đô thị trên thế giới thường khá phong phú, gồm nhóm các môn học bắt buộc và các môn học lựa chọn. Với các môn lựa chọn, sinh viên có thể chọn theo sở thích, sở trường hay định hướng công việc sau này.

- Các môn bắt buộc thường là: lịch sử đô thị và thiết kế đô thị, các lý thuyết thiết kế đô thị, các phương pháp thiết kế đô thị (phương pháp phân tích và điều tra, phương pháp nghiên cứu thiết kế đô thị), quy trình thiết kế đô thị thực tiễn (các kỹ năng trình bày, đàm phán, thỏa thuận, sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thiết kế).

- Các môn lựa chọn thường là: Kinh tế đất, Bất động sản, Luật (xây dựng, quy hoạch đô thị...), thiết kế môi trường và sinh thái bền vững, các nguyên tắc hình thái học, các nguyên tắc thị giác môi trường, cú pháp không gian, chính sách công cộng, quy hoạch đô thị, GIS, v.v ...

Thứ năm, trao đổi và thực hành theo nhóm là đặc điểm của đào tạo thiết kế đô thị. Trên thực tế, quy trình thiết kế đô thị luôn có sự tham gia của rất nhiều chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Quyết định cuối cùng cho một giải pháp thiết kế chỉ có thể đưa ra sau một quá trình trao đổi và thống nhất ý kiến giữa các thành viên tham gia. Vì vậy, sinh viên cần được luyện tập kỹ năng làm việc tập thể, tức là biết đưa ra chính kiến và lập luận để bảo vệ ý kiến của mình, đồng thời cũng phải biết nhượng bộ để có thể đi đến sự thống nhất với các thành viên khác. Ngoài ra, các sinh viên thiết kế đô thị còn được rèn luyện kỹ năng trình bày và thuyết trình một vấn đề lý luận, một giải pháp thiết kế trước mặt nhiều người, đặc biệt là trước mặt các giáo sư, các chuyên gia khách mời và các sinh viên khác. Điều này thực sự bổ ích cho sinh viên sau này khi làm việc thực tế.

Một số khác biệt

Tuy nhiên, ở mỗi trường, mỗi nước, nội dung và phương pháp đào tạo có sự khác biệt nhất định để phù hợp với yêu cầu chuyên môn thực tế của từng nơi. Ở những nước đang phát triển, các dự án phát triển mới diễn ra khắp nơi với tốc độ gấp gáp, nên các nhà thiết kế đô thị có nhiều cơ hội tham gia thiết kế các công trình mới. Ở những nước đó nội dung đào tạo cũng tập trung hơn vào việc trang bị các kỹ năng thiết kế không gian mới, kỹ năng phân tích đánh giá dự án, kiểm soát và quản lý phát triển. Ví dụ ở Đại học Tổng hợp Hongkong, chương trình thạc sĩ thiết kế đô thị (trực thuộc khoa Kiến trúc) tập trung xung quanh bốn nội dung trọng tâm:

- Lý thuyết thiết kế đô thị (các phương pháp thiết kế, các dự án điển hình, các tiêu chí của phát triển đô thị, nhằm trả lời cho câu hỏi: *các thành phố được thiết kế như thế nào?*).

- Quy hoạch đô thị (thành phố và các bộ phận chức năng của thành phố, chất lượng môi trường đô thị, nhằm trả lời câu hỏi: *các thành phố được quy hoạch như thế nào?*).

- Phân tích bất động sản (các vấn đề đầu tư, hoạt động của thị trường bất động sản, quá trình đầu tư, phát triển, để hiểu *các quyết định đầu tư được cân nhắc và đưa ra như thế nào?*).

- Quản lý đô thị (các cách thức kiểm soát phát triển và quản lý đô thị, các phương thức tái phát triển thành phố, nhằm trả lời câu hỏi *các thành phố được quản lý ra sao?*).

Ở Nhật Bản, sau nửa thế kỷ phát triển chóng mặt, tốc độ đô thị hóa đã giảm, các dự án thiết kế đô thị ở quy mô to lớn không còn nhiều nữa. Vấn đề đặt ra cho lĩnh vực thiết kế đô thị ở nước này hiện nay là khắc phục những sai sót của quá trình đô thị hóa chóng mặt trước đây, nâng cao chất lượng sống cho người dân đô thị thông qua việc cải thiện không gian đô thị, bảo tồn những khu vực đô thị có giá trị kiến trúc, cảnh quan, lịch sử. Chính vì vậy, nội dung đào tạo thiết kế đô thị ở Đại học Tổng hợp Tokyo - cái nôi thiết kế đô thị đầu ngành của Nhật Bản - lại thiên về bảo tồn không gian đô thị, bảo tồn đặc trưng đô thị, tái sinh các khu vực đô thị suy tàn (chủ yếu ở các thành phố địa phương), khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong thiết kế đô thị. Ở đây, việc đào tạo được thực hiện theo mô hình phòng

nghiên cứu dưới sự dẫn dắt của một giáo sư, một phó giáo sư và một vài giảng viên và trợ giáo. Ngoài việc tham gia các môn học trên lớp để có được số lượng tín chỉ bắt buộc, ngay từ khi vào thạc sĩ, sinh viên cần chọn cho mình một đề tài nghiên cứu. Để chọn được một đề tài được các giáo sư chấp nhận, các sinh viên phải tự học và tự đọc rất nhiều để bổ sung kiến thức cơ bản và nắm được tình hình thực tế. Các sinh viên sẽ phải báo cáo tiến độ trước tất cả các thành viên của phòng nghiên cứu trong các cuộc họp định kỳ (thường là một tháng một đến hai lần). Ưu điểm của mô hình này là tất cả mọi thành viên qua việc báo cáo tiến độ sẽ nhận được nhiều góp ý của thầy và bạn, đồng thời có thể nắm được các nghiên cứu của những người khác. Như vậy kiến thức của từng sinh viên sẽ được mở rộng rất nhiều qua những lần sinh hoạt học thuật như vậy.

Ngoài ra, người Nhật có một chiến lược đào tạo thiết kế đô thị rất khôn ngoan và bài bản. Các sinh viên (cả thạc sĩ và tiến sĩ) được khuyến khích nghiên cứu các vấn đề thiết kế đô thị của nước ngoài. Mỗi cá nhân sẽ chọn cho mình một nước (hoặc một thành phố) để đi sâu nghiên cứu. Tất cả các kiến thức thu thập, phân tích và khái quát được từ kinh nghiệm thiết kế đô thị cụ thể của các nước Âu, Mỹ, cả các nước châu Á nữa, được tập hợp và biên tập thành những bộ sách giáo khoa chuyên sâu - là tư liệu tham khảo quý giá cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý đô thị, các nhà thiết kế đô thị thực tế, và các sinh viên nhiều thế hệ. Như vậy việc cử sinh viên đi nghiên cứu nước nào, về vấn đề gì đều có định hướng từ trước để đáp ứng đòi hỏi thực tế và tránh trùng lặp.

3. Một số nhận xét về tình hình thiết kế đô thị và đào tạo thiết kế đô thị ở Việt Nam

Đòi hỏi thực tế của xã hội

Nói chung, tốc độ đô thị hóa nhanh cùng với động thái tự do của nền kinh tế thị trường thường tạo ra các môi trường đô thị không được như mong muốn. Điều đó khiến thiết kế đô thị - với tư cách là lĩnh vực nhằm "nâng cao chất lượng" môi trường đô thị cho người dân đô thị - trở nên cấp thiết. Ở Việt Nam chúng ta cũng vậy. Trong thời buổi kinh tế thị trường và tốc độ đô thị hóa khá nhanh trong những năm gần đây, chúng ta đã tỏ ra khá lúng túng trong một số vấn đề như:

- Quản lý bộ mặt cảnh quan đô thị.
- Thiết kế và quản lý sử dụng các không gian công cộng như vỉa hè, không gian mở.

- Chưa khai thác và kết hợp những quyền lợi, những khao khát về cái đẹp của từng cá thể thành lợi ích và cái đẹp chung cho cả xã hội (Ví dụ về việc xây dựng nhà ở của dân và hiệu quả không gian chung của tuyến phố thường không như mong muốn).

- Chưa có các nghiên cứu sâu về nếp sống, cách sinh hoạt của cộng đồng dân cư trong xã hội để có những thiết kế phù hợp và đáp ứng yêu cầu sử dụng của họ, đồng thời - thông qua thiết kế đô thị - điều chỉnh và nâng cao tính văn minh trong các sinh hoạt xã hội. Ví dụ, tình trạng sử dụng vỉa hè rất tùy tiện hiện nay là một vấn đề mà thiết kế đô thị cần xem xét: quyền lợi cho người đi bộ liệu sẽ được giải quyết bằng cách cưỡng chế các sử dụng với mục đích khác (như bày bán hàng, làm dịch vụ, đỗ xe máy) hay bằng cách thay đổi cách thiết kế và tiêu chuẩn thiết kế vỉa hè để có thể tiếp nhận những chức năng sử dụng theo lối của xã hội chúng ta, rồi nâng cấp và trật tự hóa chúng lên.

- Công cụ luật pháp và cưỡng chế là không thể thiếu trong quản lý đô thị, nhưng mức độ kiểm soát như thế nào thì phù hợp, thì khả thi, hợp lòng dân và tránh gánh nặng phải "cưỡng chế" cho chính quyền. Đó cũng là một trong các chủ đề mà thiết kế đô thị phải tìm hướng giải quyết.

- Thừa nhận trách nhiệm kiến tạo đô thị là công việc của xã hội chứ không phải của riêng chính quyền hay các nhà chuyên môn: Mỗi người dân đều đóng góp phần mình thông qua những xây dựng của riêng mình. Vậy phải làm sao cho phép sự tham gia của cộng đồng vào quá trình thiết kế và quy hoạch thành phố.

Có rất nhiều chủ đề nữa, tác giả chỉ xin đơn cử vài nội dung như trên để biện minh cho tính cấp thiết của lĩnh vực thiết kế đô thị ở Việt Nam hiện nay - như một qui trình *giải quyết các vấn đề và nâng cao chất lượng đô thị*.

Nhận xét về tình hình đào tạo thiết kế đô thị tại các cơ sở giáo dục đào tạo hiện nay

Hiện nay lực lượng cán bộ chuyên môn tiếp thu và thực hành thiết kế đô thị phù hợp nhất chính là những người làm kiến trúc, quy hoạch và trong

tương lai là sinh viên, học viên của các ngành này. Về nội dung đào tạo, ngay cả với hai lĩnh vực có bề dày đào tạo lâu hơn này, các nội dung đào tạo chủ yếu vẫn xoay quanh *tổ chức không gian* thuần túy, chưa mấy chú trọng đến *giải quyết các vấn đề*. Các kiến thức lý luận nhằm dẫn hướng cho việc tổ chức không gian như: kiến thức xã hội học, kiến thức về hoạt động của thị trường nói chung và thị trường bất động sản nói riêng, kiến thức về quản lý đô thị và các công cụ pháp chế, kiến thức về vai trò của người dân trong quy hoạch và thiết kế đô thị vẫn chưa được trang bị đầy đủ.

Về cách thức đào tạo: ở nhiều nơi vẫn áp dụng *quá trình một chiều*: giáo viên giảng - sinh viên nghe và ghi chép. So với lối đào tạo *đa chiều* ở nước ngoài: giáo viên - sinh viên - các nhân vật khác (chuyên gia, chính quyền, người dân) cùng trao đổi và mổ xẻ các vấn đề thì cách của chúng ta kém hiệu quả hơn: sinh viên thụ động và lười tư duy hơn.

Về cơ sở vật chất để phục vụ cho nhu cầu học tập của sinh viên như sách vở tham khảo, phòng làm đồ án tập thể, phòng thảo luận với các thiết bị máy chiếu, màn ảnh, v.v . . . cũng chưa được đầy đủ.

Một vài kiến nghị

Rõ ràng là việc đào tạo lĩnh vực thiết kế đô thị một cách chính quy nói riêng và nâng cao chất lượng đào tạo kiến trúc và quy hoạch nói chung không phải là việc có thể làm trong ngày một ngày hai. Chúng ta cần một thời gian chuẩn bị công phu kỹ lưỡng về nội dung, phương pháp đào tạo, hạ tầng tri thức và vật chất; cần có sự tham gia của không chỉ các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu, các hiệp hội chuyên ngành, mà còn cần sự tham gia hỗ trợ, các cơ quan quản lý của cả Trung ương và địa phương. Tuy nhiên, thật may mắn là vấn đề thiết kế đô thị đã được xới lên đúng lúc.

Trước mắt, chúng ta nên từng bước cập nhật kiến thức thiết kế đô thị cho các cán bộ chuyên ngành đang thực thi nhiệm vụ có liên quan tại các cơ quan chuyên ngành, các cán bộ giảng viên của các cơ sở đào tạo bằng các cách như:

- Định kỳ tổ chức các khóa tập huấn thiết kế đô thị dưới sự tham gia hướng dẫn của các chuyên gia trong và ngoài nước.

- Cử cán bộ đi nghiên cứu học tập về lĩnh vực này cả ngắn hạn và dài hạn ở các nước khác nhau với định hướng nghiên cứu cụ thể.

Dần dần, chúng ta đưa kiến thức thiết kế đô thị vào nội dung đào tạo, đầu tiên vào các chuyên ngành liên quan như kiến trúc, quy hoạch như một hình thức chuyên đề, sau đó sẽ hướng tới xây dựng các chương trình đào tạo mang tính chuyên sâu như chương trình thạc sĩ, tiến sĩ chuyên về thiết kế đô thị.

Song song, chúng ta nên phổ biến kiến thức thiết kế đô thị cho đông đảo nhân dân qua các phương tiện thông tin đại chúng như sách báo, truyền hình.

Trong các nhiệm vụ trên, ngay từ bây giờ chúng ta phải bắt tay xây dựng "cơ sở hạ tầng" tri thức thiết kế đô thị bằng cách bổ sung, thu thập, dịch thuật sách vở cả về lý luận lẫn thực tế thiết kế đô thị trên thế giới, từ đó làm cơ sở để chúng ta có thể chắt lọc các kiến thức phù hợp với yêu cầu thực tiễn ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ali Madanipour, Design of Urban space: An inquiry into a socio-spatial process, Wiley, England, 1996, pp.91.
2. Donald Watson, Alan Plattus, Robert Shibley, Time saver standards for urban design, Mc Graw-Hill, USA, 2003, pp.XV.
3. Urban Design Group.
4. Gaston Bardet, L'Urbanisme, Theo bản dịch của Đoàn Thêm, Phủ Quốc khanh đặc trách văn hóa, Tủ sách Kim Văn, 1962, tr.57.
5. Kim Quảng Quân, Thiết kế đô thị có minh họa. nd. Đặng Thái Hoàng. NXB Xây dựng, Hà Nội, 2000, tr.15.
6. Sitthiporn Piromruen, Planning education for creating better Thai cities in 21st century. Bài viết tham gia Hội nghị APSA lần thứ 7 tổ chức tại Hà Nội vào ngày 12-14/09/2003, tr.9.
7. Eleanor Smith Morris, British Town planning and urban design: principes & policies, UK, 1998.
8. Ed Cuthber, A., Designing, Cities. Australia: Blackwell Publishing, 2003.
9. Lang, Jon., Urban Design: The American Experience, New York, Van Nostrand Reinhold, 1994.
10. Barnett, L., An Introduction to Urban Design, New York: Harper and Row, 1982.
11. Castells, M., The city and the grassroots. Across- cultural theory of Urban social movements. Berkely: University of California Press, 1983, p.103.
12. Wu, F. (1998), Urban planning system in China, Progress in planning Vol.51 pp.165-252, 1998.
13. Bộ Xây dựng, Các Văn bản pháp luật về quản lý đô thị, Hà Nội, Nhà xuất bản xây dựng, 1995.
14. Tạp chí Kiến trúc Việt Nam, số 3/2003.
15. Thiết kế đô thị. Nhà xuất bản Xây dựng, năm 2000.
16. Tạp chí xây dựng số 4/2004.
17. Tạp chí Kiến trúc Việt Nam số 2/2004.

HỢP TUYỂN THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI HỮU HẠNH

Biên tập:

NGUYỄN THU DUNG

Chế bản:

ĐÌNH THỊ PHƯỢNG

Sửa bản in:

NGUYỄN THU DUNG

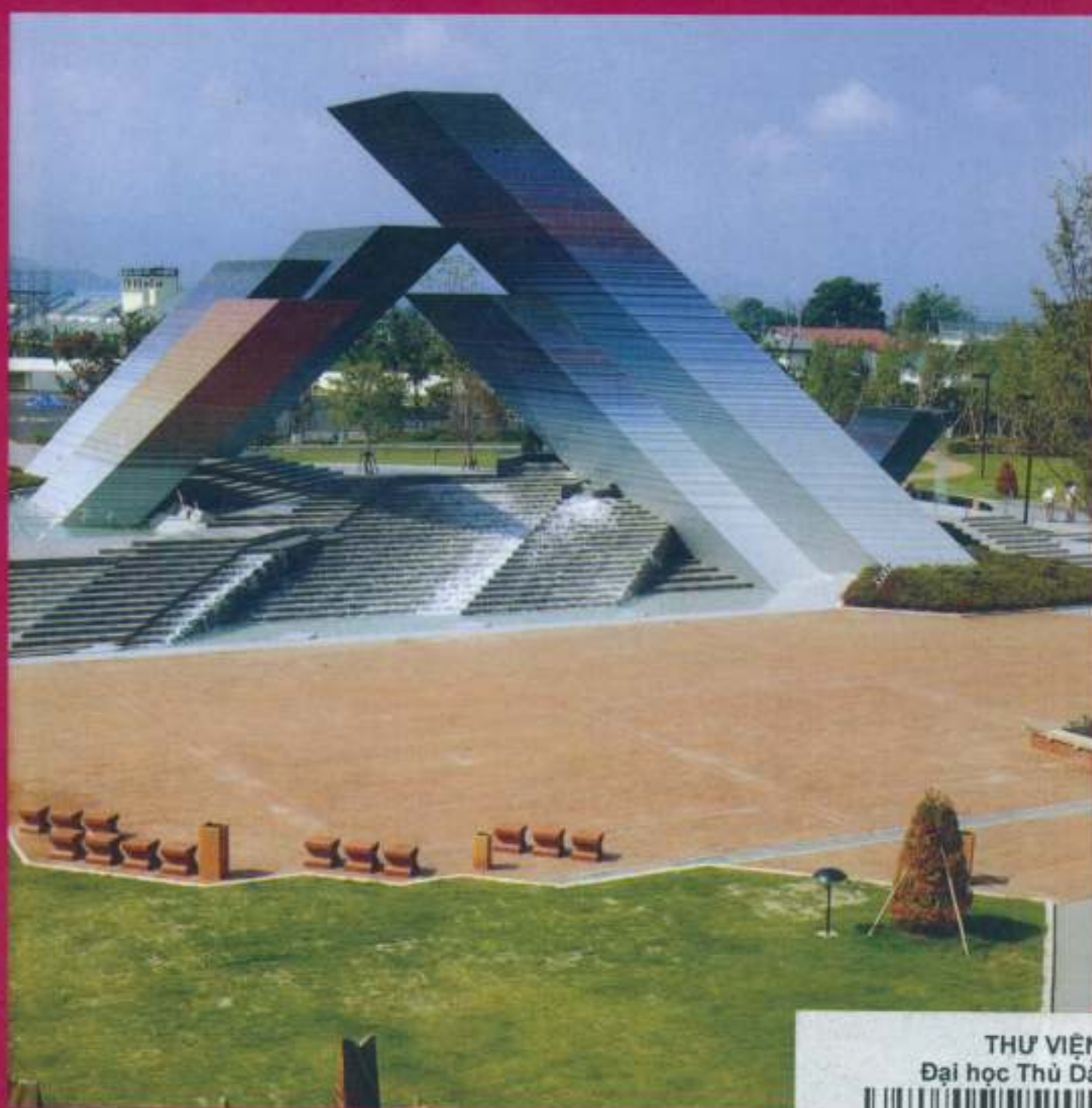
Trình bày bìa:

Hs. NGUYỄN HỮU TÙNG

In 1000 cuốn khổ 17 × 24cm tại Xưởng in Nhà Xuất bản Xây dựng. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 1607/XB-QLXB-3, ngày 18-11-2004. In xong nộp lưu chiểu tháng 11/2004.

ANTHOLOGY ON URBAN DESIGN

HỢP TUYỂN THIẾT KẾ ĐÔ THỊ



THƯ VIỆN
Đại học Thủ Dầu Một



DH 1 000 2065

72-72(V)
XD-2004 1607 - 2004

Giá : 20.000^d